

Đơn vị : **TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ**
Bộ phận: Phòng Tài Chính - Kế Toán
Mã đơn vị CQHVN: 1054141

Mẫu số **C4I-BB**
(BH kèm theo TT số 107/2017/TT-BTC ngày
10/10/2017 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 04 tháng 04 năm 2019

Số: **.0600**

Quyển số:

Nợ: 3531

Có: 1111

Họ tên người nhận tiền: **Nguyễn Thị Thanh Hà**

Địa chỉ : **Phòng Tài chính Kế toán**

Nội dung : **Chi học bổng cho 1541 SV - HK1 2018-2019 - bậc đại học đạt loại giỏi theo QĐ 742 ngày 2/4/2019 7 250 432 700**
Chi học bổng cho 149 SV - HK1 2018-2019 - CĐ nghề hệ niên chế có thành tích cao trong học tập rèn luyện - QĐ 743 ngày 2/4/2019 593 940 700
Chi học bổng cho 209 SV - HK1 2018-2019 - bậc đại học đạt loại xuất sắc theo QĐ 744 ngày 2/4/2019 1 924 535 000
Chi học bổng cho 745 SV - HK1 2018-2019 - CĐ chính qui đạt loại giỏi theo QĐ 745 ngày 2/4/2019 97 342 000
Chi học bổng cho 3 SV - HK1 2018-2019 - bậc CĐ chính qui đạt loại xuất sắc theo QĐ 746 ngày 2/4/2019 12 295 000

Số tiền: **9 878 545 400 đồng**

Viết bằng chữ: **Chín tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm đồng chẵn.**

Kèm theo:

Chứng từ kế toán.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền - Bảng số: _____

- Bảng chữ : _____

Nguyễn Thị Hoàng Yến

Ngày tháng năm

NGƯỜI NHẬN TIỀN

(Ký, họ tên)

THỦ QUỸ

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Hà

+ Tỷ giá ngoại tệ:

+ Số tiền quy đổi:

PC 600 $\frac{4}{4}$ 19

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 742/QĐ-ĐHCN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng học kỳ 1 năm học 2018-2019 cho sinh viên bậc đại học có thành tích học tập đạt loại giỏi

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HCM

Căn cứ quyết định số 214/2004/QĐ-TTg ngày 24/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2005/QĐ-BCN ngày 10/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-ĐHCN ngày 30 tháng 03 năm 2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh về việc xét và cấp học bổng đối với sinh viên học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ 1 năm học 2018-2019 của sinh viên;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng cho 1541 sinh viên bậc đại học có thành tích học tập đạt loại giỏi và rèn luyện khá, tốt trong học kỳ 1 năm học 2018-2019 (có tên trong danh sách kèm theo) với tổng số tiền: 7.250.432.700 đồng. Trong đó :

- 267 sinh viên hệ chất lượng cao (59 sinh viên khóa 11, 12 nhận mức học bổng 8.400.000 đồng/sv; 80 sinh viên 11,12 nhận mức học bổng 6.000.000 đồng/sv; 105 sinh viên khóa 11, 12 nhận mức học bổng 3.600.000 đồng/sv; 22 sinh viên khóa 13 nhận mức học bổng 9.800.000 đồng/sv và 01 sinh viên khóa 13 nhận mức học bổng 7.000.000 đồng/sv);
- 1258 sinh viên hệ đại trà (510 sinh viên khóa 11,12,13 nhận mức học bổng 6.125.000 đồng/sv; 312 sinh viên khóa 11,12,13 nhận mức học bổng 4.375.000 đồng/sv; 416 sinh viên khóa 11,12,13 nhận mức học bổng 2.625.000 đồng/sv; 08 sinh viên khóa 12,13 khối Công nghệ PHQN nhận mức học bổng 2.989.000 đồng/sv; 01 sinh viên khóa 12 khối Công nghệ PHQN nhận mức học bổng 2.135.000 đồng/sv; 03 sinh viên khóa 12,13 khối Kinh tế PHQN nhận mức học bổng 2.657.900 đồng/sv; 02 sinh viên khóa 12,13 khối Kinh tế PHQN nhận mức học bổng 1.898.500 đồng/sv và 06 sinh viên khóa 12,13 khối Kinh tế PHQN nhận mức học bổng 1.139.100 đồng/sv);
- 16 sinh viên liên thông hệ vừa làm vừa học (01 sinh viên khóa 14 nhận mức học bổng 7.207.200 đồng/sv; 02 sinh viên khóa 14 nhận mức học bổng 5.148.000 đồng/sv; 04 sinh viên khóa 14 nhận mức học bổng 3.088.800 đồng/sv; 01 sinh viên khóa 14 PHQN nhận mức học bổng 3.600.000 đồng/sv và 08 sinh viên khóa 13 PHQN nhận mức học bổng 1.921.500 đồng/sv)

Điều 2. Các ông (bà) trưởng phòng, trưởng các đơn vị đào tạo và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- BGH;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, phòng ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thiên Tuế

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018 - 2019

Phân hiệu Quảng Ngãi - Kết quả học tập loại Giỏi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 742 / QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 4 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

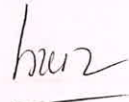
STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
I. BẠC ĐẠI HỌC - GIỎI - KHỐI KINH TẾ									18,605,300	✓
1	16000805	Trần Tiến	Thành ✓	DHKT12QN	20	3.5	Giỏi	Khá	2,657,900	✓
2	16000895	Phạm Thị Oanh	Kiều ✓	DHQT12QN	18	3.5	Giỏi	Tốt	2,657,900	✓
3	16001175	Nguyễn Thị	Thương ✓	DHQT12QN	18	3.38	Giỏi	Khá	1,898,500	✓
4	16000325	Bùi Thị Thùy	Giao ✓	DHKT12QN	17	3.36	Giỏi	Khá	1,139,100	✓
5	16000395	Lê Thị Diễm	My ✓	DHKT12QN	20	3.32	Giỏi	Khá	1,139,100	✓
6	16001005	Nguyễn Thị Hồng	Vân ✓	DHQT12QN	18	3.32	Giỏi	Khá	1,139,100	✓
7	16001225	Tạ Thị Thảo	My ✓	DHKT12QN	20	3.31	Giỏi	Khá	1,139,100	✓
8	16000635	Nguyễn Thị	My ✓	DHQT12QN	18	3.3	Giỏi	Khá	1,139,100	✓
9	17000735	Lê Thị Thủy	Tiên ✓	DHQT13QN	23	3.47	Giỏi	Tốt	2,657,900	✓
10	17000585	Lê Thị Hồng	Lựu ✓	DHQT13QN	23	3.45	Giỏi	Tốt	1,898,500	✓
11	17001025	Nguyễn Thị Yến	Nhi ✓	DHQT13QN	23	3.43	Giỏi	Khá	1,139,100	✓
II. BẠC ĐẠI HỌC - GIỎI - KHỐI CÔNG NGHỆ									45,019,000	✓
1	16000435	Nguyễn Khắc	Sinh ✓	DHCK12QN	20	3.59	Giỏi	Khá	2,989,000	✓
2	16000845	Đào Quang	Lập ✓	DHCNTT12QN	16	3.35	Giỏi	Khá	2,989,000	✓
3	16001115	Nguyễn Thị Hoài	Linh ✓	DHHO12QN	17	3.35	Giỏi	Khá	2,989,000	✓
4	16000965	Nguyễn Thanh	Huy ✓	DHCK12QN	20	3.27	Giỏi	Khá	2,135,000	✓
5	17001325	Đình Công	Tánh ✓	DHOT13QN	17	3.44	Giỏi	Khá	2,989,000	✓
6	17000995	Võ Thành	Đạt ✓	DHDI13QN	18	3.41	Giỏi	Khá	2,989,000	✓
7	17001285	Lê Anh	Tú ✓	DHOT13QN	17	3.39	Giỏi	Khá	2,989,000	✓
8	17001055	Nguyễn Văn	Trình ✓	DHOT13QN	17	3.35	Giỏi	Khá	2,989,000	✓
9	17001115	Trịnh Công	Viên ✓	DHOT13QN	17	3.27	Giỏi	Tốt	2,989,000	✓
10	17001615	Huỳnh Thị Mỹ	Huệ ✓	DHHO13AVLQN	15	3.47	Giỏi	Khá	1,921,500	✓



STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
11	17001695	Nguyễn Thị Thu	Nhi	DHHO13AVLQN	15	3.46	Giỏi	Khá	1,921,500	
12	17001555	Lê Công	Bền	DHHO13AVLQN	15	3.37	Giỏi	Khá	1,921,500	
13	17001525	Nguyễn Hữu	Nữa	DHHO13AVLQN	15	3.33	Giỏi	Khá	1,921,500	
14	17001605	Huỳnh Thị Ngọc	ánh	DHHO13AVLQN	15	3.29	Giỏi	Khá	1,921,500	
15	17001645	Lê Thạc	Công	DHHO13AVLQN	15	3.29	Giỏi	Khá	1,921,500	
16	17001955	Bùi Quốc	Chinh	DHHO13AVLQN	15	3.2	Giỏi	Khá	1,921,500	
17	17001865	Bùi Đức	Ngọc	DHHO13AVLQN	15	3.2	Giỏi	Khá	1,921,500	
18	18001285	Trương Văn	Son	DHDI14AVLQN	15	3.24	Giỏi	Khá	3,600,000	
TỔNG CỘNG									63,624,300	

Số tiền bằng chữ: Sáu mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn ba trăm đồng

NGƯỜI LẬP BẢNG



Bùi Thị Hải Hiền

PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Trung Nhân

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Nguyễn Đình Hiền

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Chiên Cué



PC 600 / 4 / 19

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 743/QĐ-ĐHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng học kỳ 1 năm học 2018-2019 cho sinh viên cao đẳng nghề hệ
niên chế có thành tích cao trong học tập, rèn luyện

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

Căn cứ quyết định số 214/2004/QĐ-TTg ngày 24/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2005/QĐ-BCN ngày 10/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-ĐHCN ngày 30 tháng 03 năm 2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh về việc xét và cấp học bổng đối với sinh viên hệ cao đẳng nghề;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ 1 năm học 2018-2019 của sinh viên;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng cho 149 sinh viên khóa 10 bậc cao đẳng nghề hệ niên chế có thành tích học tập đạt loại xuất sắc, giỏi, khá và rèn luyện khá, tốt trong học kỳ 1 năm học 2018-2019 (có tên trong danh sách kèm theo) với tổng số tiền 593.940.700 đồng. Trong đó :

- 03 sinh viên đạt loại xuất sắc trong học tập nhận mức học bổng 5.722.000 đồng/sv;
- 33 sinh viên đạt loại giỏi trong học tập (32 sinh viên nhận mức học bổng 4.578.000 đồng/sv và 01 sinh viên CSTH nhận mức học bổng 3.943.200 đồng/sv);
- 113 sinh viên đạt loại khá trong học tập (104 sinh viên nhận mức học bổng 3.815.000 đồng/sv và 09 sinh viên CSTH nhận mức học bổng 3.286.000 đồng/sv).

Điều 2. Các ông (bà) trưởng phòng, trưởng các đơn vị đào tạo và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *u*

Nơi nhận:

- BGH;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, phòng ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



*TS. Nguyễn Thiên Tuế

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018 - 2019

Bậc Cao đẳng nghề - cơ sở 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 145 /QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 4 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
I. KHOA CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ									54,936,000	✓
1	16019421	Trần Quốc	Trung	NCCT10B	17	8.22	Giỏi	Tốt	4,578,000	
2	16021191	Bùi Quốc	Trung	NCCT10B	17	8.06	Giỏi	Tốt	4,578,000	
3	16014041	Trần Đức	Toại	NCCT10A	17	7.82	Khá	Khá	3,815,000	
4	16030461	Trần Ngọc	Hoan	NCCT10B	17	7.77	Khá	Khá	3,815,000	
5	16060351	Trần Thanh	Son	NCCT10B	17	7.74	Khá	Khá	3,815,000	
6	16066691	Hồ Khánh	Hào	NCCT10B	17	7.54	Khá	Khá	3,815,000	
7	16007571	Trần Bảo	Quốc	NCCT10A	17	7.48	Khá	Khá	3,815,000	
8	16021791	Bùi Quốc	Huy	NCCT10B	17	7.39	Khá	Khá	3,815,000	
9	16029351	Vũ Thành	Nam	NCCT10B	17	7.24	Khá	Khá	3,815,000	
10	16055791	Hoàng Công	Quang	NCCT10B	17	7.2	Khá	Khá	3,815,000	
11	16061521	Trần Văn	Thanh	NCCT10B	17	7.16	Khá	Khá	3,815,000	
12	16025801	Lương Minh	Quân	NCCT10B	17	7.15	Khá	Khá	3,815,000	
13	16018491	Đỗ Văn	Thành	NCCT10B	17	7.02	Khá	Khá	3,815,000	
14	16011281	Nguyễn Chu Trí	Phước	NCCT10A	17	7.01	Khá	Khá	3,815,000	
II. KHOA CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN									59,514,000	✓
1	16063601	Lê Văn	Mạnh	NCDI10B	17	8.7	Giỏi	Tốt	4,578,000	
2	16026391	Phan Hữu	Nghi	NCDI10B	17	8.6	Giỏi	Tốt	4,578,000	
3	16057721	Nguyễn Văn	Chon	NCDI10A	17	8.5	Giỏi	Tốt	4,578,000	
4	16013301	Nguyễn Công	Nhuận	NCDI10B	17	8.5	Giỏi	Tốt	4,578,000	
5	16006851	Phạm Quang	Thành	NCDI10A	19	8.3	Giỏi	Tốt	4,578,000	
6	16006201	Nguyễn Trần	Quang	NCDI10A	20	8.2	Giỏi	Tốt	4,578,000	
7	16004591	Phan Văn	Thuận	NCDI10A	21	8.2	Giỏi	Tốt	4,578,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
8	16079791	Lương Tuấn	Phát	NCDI10B	17	8	Giỏi	Khá	4,578,000	
9	16010071	Ngô Bửu	Sự	NCDI10A	19	7.8	Khá	Khá	3,815,000	
10	16020281	Nguyễn Chí	Tâm	NCDI10B	17	7.8	Khá	Khá	3,815,000	
11	16064551	Nguyễn Bá	Lộc	NCDI10B	17	7.7	Khá	Khá	3,815,000	
12	16081441	Vũ Văn	Chức	NCDI10B	17	7.6	Khá	Khá	3,815,000	
13	16008561	Nguyễn Thanh	Tân	NCDI10A	19	7.6	Khá	Khá	3,815,000	
14	16016141	Nguyễn Văn	Lâm	NCDI10B	17	7	Khá	Khá	3,815,000	
III. KHOA ĐỘNG LỰC									77,063,000	
1	16006801	Lý Anh	Huy	NCOT10B	20	8.31	Giỏi	Tốt	4,578,000	
2	16059091	Võ Đoàn Phương	Trinh	NCOT10B	20	7.91	Khá	Khá	3,815,000	
3	16029591	Võ Công	Danh	NCOT10B	20	7.78	Khá	Khá	3,815,000	
4	16039291	Nguyễn Lê Hoàng	Hiếu	NCOT10B	20	7.67	Khá	Khá	3,815,000	
5	16008571	Nguyễn Huy	Minh	NCOT10B	20	7.63	Khá	Khá	3,815,000	
6	16005561	Phan Duy	Tuấn	NCOT10A	20	7.59	Khá	Khá	3,815,000	
7	16008891	Đoàn Tuấn	Kiệt	NCOT10B	20	7.38	Khá	Khá	3,815,000	
8	16034221	Nguyễn Thanh	Tú	NCOT10B	20	7.37	Khá	Khá	3,815,000	
9	16008111	Hòang Kim	Nhật	NCOT10B	20	7.32	Khá	Khá	3,815,000	
10	16064371	Lê Huỳnh	Thắng	NCOT10B	20	7.29	Khá	Khá	3,815,000	
11	16008271	Quách Đình	Văn	NCOT10B	20	7.29	Khá	Khá	3,815,000	
12	16009831	Võ Thành	An	NCOT10A	20	7.26	Khá	Khá	3,815,000	
13	16004441	Nguyễn Ngọc	Thức	NCOT10A	20	7.16	Khá	Khá	3,815,000	
14	16049071	Nguyễn Thành	Linh	NCOT10B	20	7.12	Khá	Khá	3,815,000	
15	16051861	Lê Đức	Huy	NCOT10B	20	7.11	Khá	Khá	3,815,000	
16	16009171	Dương Minh	Duy	NCOT10B	20	7.1	Khá	Khá	3,815,000	
17	16061891	Nguyễn Trung	Hậu	NCOT10A	20	7.08	Khá	Khá	3,815,000	
18	16050391	Võ Mạnh	Cường	NCOT10B	20	7.03	Khá	Khá	3,815,000	
19	16007341	Nguyễn Tấn	Đạt	NCOT10B	20	7.03	Khá	Khá	3,815,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
20	16020891	Nguyễn Trường	Thám	NCOT10B	20	7.02	Khá	Khá	3,815,000	
IV. KHOA MÁY THỜI TRANG									79,352,000	
1	16026841	Huỳnh Ngọc	Thanh	NCTR10A	21	8.34	Giỏi	Tốt	4,578,000	
2	16010211	Huỳnh Thị	Thùy	NCTR10A	21	8.18	Giỏi	Tốt	4,578,000	
3	16061001	Trần Thị Mỹ	Hương	NCTR10A	21	8.15	Giỏi	Khá	4,578,000	
4	16025651	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	NCTR10A	21	8.07	Giỏi	Tốt	4,578,000	
5	16004311	Đỗ Thị Trúc	Linh	NCTR10A	21	7.94	Khá	Tốt	3,815,000	
6	16063961	Võ Thị Y	Vi	NCTR10A	21	7.88	Khá	Tốt	3,815,000	
7	16077741	Trần Thị ánh	Rạng	NCTR10A	21	7.81	Khá	Tốt	3,815,000	
8	16007371	Vũ Như	Quỳnh	NCTR10A	21	7.74	Khá	Khá	3,815,000	
9	16008081	Lê Thị	Nga	NCTR10A	21	7.59	Khá	Khá	3,815,000	
10	16004811	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	NCTR10A	21	7.54	Khá	Tốt	3,815,000	
11	16050741	Ngô Thị	Liễu	NCTR10A	21	7.5	Khá	Khá	3,815,000	
12	16061091	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	NCTR10A	21	7.44	Khá	Tốt	3,815,000	
13	16008451	Nguyễn Thị	Ty	NCTR10A	21	7.4	Khá	Tốt	3,815,000	
14	16005371	Trương Thị	Thúy	NCTR10A	21	7.38	Khá	Khá	3,815,000	
15	16004961	Lê Thị Minh	Trúc	NCTR10A	21	7.33	Khá	Tốt	3,815,000	
16	16043771	Bùi Thị Hồng	Sương	NCTR10A	21	7.3	Khá	Tốt	3,815,000	
17	16054111	Trần Thị	Quỳnh	NCTR10A	21	7.29	Khá	Khá	3,815,000	
18	16061531	Lý Nam	Phương	NCTR10A	21	7.28	Khá	Tốt	3,815,000	
19	16061971	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	NCTR10A	21	7.27	Khá	Tốt	3,815,000	
20	16061721	Nguyễn Thị	Hường	NCTR10A	21	7.11	Khá	Tốt	3,815,000	
V. KHOA CÔNG NGHỆ NHIỆT LẠNH									32,809,000	
1	16012941	Lê Văn	Hân	NCNL10A	22	8.4	Giỏi	Tốt	4,578,000	
2	16007831	Nguyễn Trọng	Đạt	NCNL10A	22	8.35	Giỏi	Tốt	4,578,000	
3	16008821	Vũ Cao	Thiên	NCNL10A	22	8.28	Giỏi	Tốt	4,578,000	
4	16004891	Phan Hà Nhật	Tiến	NCNL10A	22	7.85	Khá	Khá	3,815,000	

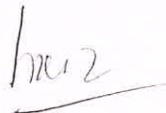
STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
5	16010351	Dương Công	Bắc	NCNL10A	22	7.53	Khá	Khá	3,815,000	
6	16063841	Nguyễn Xuân	Trường	NCNL10A	22	7.39	Khá	Khá	3,815,000	
7	16040181	Nguyễn Minh	Hoan	NCNL10A	22	7.32	Khá	Khá	3,815,000	
8	16064051	Nguyễn Công	Bình	NCNL10A	22	7.02	Khá	Khá	3,815,000	
VI. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN									28,994,000	
1	16045501	Vũ Thị Thu	Hương	NCUDPM10A	20	9.78	Xuất sắc	Tốt	5,722,500	
2	16029541	Trần Thanh	Thiên	NCUDPM10B	20	9.2	Xuất sắc	Tốt	5,722,500	
3	16012551	Nguyễn Trung	Hiếu	NCUDPM10A	20	8.55	Giỏi	Khá	4,578,000	
4	16010951	Nguyễn Vũ Thanh	Điền	NCUDPM10A	20	8.15	Giỏi	Khá	4,578,000	
5	16015691	Nguyễn Phước	Đạt	NCUDPM10A	20	8.1	Giỏi	Khá	4,578,000	
6	16008911	Vũ Thị	Loan	NCUDPM10A	20	7.15	Khá	Tốt	3,815,000	
VII. KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN									93,849,000	
1	16005751	Vũ Thị Thúy	Kiều	NCKT10A	14	8.4	Giỏi	Tốt	4,578,000	
2	16011211	Đinh Thị	Sim	NCKT10A	14	8.1	Giỏi	Tốt	4,578,000	
3	16044061	Bùi Thị Hồng	Liễu	NCKT10A	17	8	Giỏi	Tốt	4,578,000	
4	16013931	Trần Thị Hải	Nguyên	NCKT10A	16	7.9	Khá	Khá	3,815,000	
5	16009461	Lâm Thị Ngọc	Thắm	NCKT10A	17	7.9	Khá	Tốt	3,815,000	
6	16008431	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	NCKT10A	17	7.9	Khá	Tốt	3,815,000	
7	16007241	Đỗ Thúy	Vy	NCKT10A	17	7.9	Khá	Khá	3,815,000	
8	16047111	Lý Minh	Trung	NCKT10A	17	7.8	Khá	Tốt	3,815,000	
9	16008141	Trần Thị Hồng	Nhung	NCKT10A	14	7.7	Khá	Khá	3,815,000	
10	16061951	Ngô Thị	Trang	NCKT10A	14	7.7	Khá	Tốt	3,815,000	
11	16007891	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	NCKT10A	14	7.5	Khá	Khá	3,815,000	
12	16064491	Trương Chí	Thông	NCKT10A	17	7.5	Khá	Khá	3,815,000	
13	16057191	Nguyễn Thanh	Thy	NCKT10A	22	7.5	Khá	Khá	3,815,000	
14	16080881	Nguyễn Nhật	Hạ	NCKT10A	14	7.4	Khá	Tốt	3,815,000	
15	16010281	Đoàn Xuân	Hưng	NCKT10A	16	7.4	Khá	Khá	3,815,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
16	16027411	Trần Hoàng	Lan	NCKT10A	20	7.3	Khá	Khá	3,815,000	
17	16053031	Nguyễn Thị Ngân	Tâm	NCKT10A	14	7.3	Khá	Tốt	3,815,000	
18	16006731	Hoàng Thị Phương	Thảo	NCKT10A	14	7.3	Khá	Khá	3,815,000	
19	16061201	Hồ Ngọc Đào	Nguyên	NCKT10A	14	7.2	Khá	Tốt	3,815,000	
20	16018211	Nguyễn Thị Thùy	Trang	NCKT10A	16	7.2	Khá	Khá	3,815,000	
21	16061101	Huỳnh Minh	Trí	NCKT10A	24	7.2	Khá	Tốt	3,815,000	
22	16008381	Đinh Thị	Kiều	NCKT10A	14	7.1	Khá	Khá	3,815,000	
23	16080371	Lê Thị Thanh	Tuyền	NCKT10A	17	7.1	Khá	Khá	3,815,000	
24	16005241	Lê Thị Hoài	Vi	NCKT10A	14	7.1	Khá	Tốt	3,815,000	
VIII. KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH									22,890,000	
1	15101271	Trần Mai	Chi	NCQT10A	19	7.93	Khá	Khá	3,815,000	
2	16058591	Lường Tắc	Khìn	NCQT10B	19	7.48	Khá	Khá	3,815,000	
3	16025601	Nguyễn Văn	Cương	NCQT10B	19	7.43	Khá	Khá	3,815,000	
4	16011071	Trần Đình	Khôi	NCQT10A	19	7.38	Khá	Khá	3,815,000	
5	16051131	Trần Thị Quỳnh	Hương	NCQT10A	19	7.35	Khá	Khá	3,815,000	
6	16004981	Lê Thị Ngọc	Yến	NCQT10B	19	7.32	Khá	Khá	3,815,000	
IX. KHOA THƯƠNG MẠI DU LỊCH									44,254,000	
1	16014271	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	NCNH10A	20	8.12	Giỏi	Tốt	4,578,000	
2	16010531	Lê Thị Hồng	Sang	NCNH10A	20	8.1	Giỏi	Tốt	4,578,000	
3	16029221	Nguyễn Trung	Vàng	NCNH10A	20	8.08	Giỏi	Tốt	4,578,000	
4	16009001	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	NCNH10A	20	7.96	Khá	Khá	3,815,000	
5	16029171	Đặng Việt	Hào	NCNH10A	20	7.92	Khá	Khá	3,815,000	
6	16004011	Nguyễn Hoài	Hương	NCNH10A	20	7.68	Khá	Khá	3,815,000	
7	16027551	Trần Thị Quỳnh	Thi	NCNH10A	20	7.68	Khá	Khá	3,815,000	
8	16005391	Nguyễn Anh	Tuần	NCNH10A	20	7.63	Khá	Khá	3,815,000	
9	16063891	Quách Trần Bảo	Châu	NCNH10A	20	7.47	Khá	Khá	3,815,000	
10	16045261	Nguyễn Thị Trúc	Đào	NCNH10A	20	7.43	Khá	Khá	3,815,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
11	16009241	Vi Thị Lệ	Hằng	NCNH10A	20	7.05	Khá	Khá	3,815,000	
X. VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỰC PHẨM									66,762,500	
1	16061821	Trương Minh	Lương	NCTP10A	22	9.4	Xuất sắc	Tốt	5,722,500	
2	16009091	Hà Thị Cẩm	Tiên	NCTP10A	22	8.3	Giỏi	Tốt	4,578,000	
3	16009811	Nguyễn Thành	Lam	NCTP10A	22	8.21	Giỏi	Tốt	4,578,000	
4	16012931	Hoàng Thị	Loan	NCTP10A	22	8.13	Giỏi	Tốt	4,578,000	
5	16013511	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	NCTP10A	22	8.09	Giỏi	Tốt	4,578,000	
6	16005861	Nguyễn Đỗ Lê	Hải	NCTP10A	22	8.02	Giỏi	Tốt	4,578,000	
7	16008611	Võ Duy	Bình	NCTP10A	22	7.95	Khá	Khá	3,815,000	
8	16035131	Bùi Thị Ngọc	Thi	NCTP10A	22	7.91	Khá	Khá	3,815,000	
9	16012491	Nguyễn Thị Bích	Nhung	NCTP10A	22	7.88	Khá	Khá	3,815,000	
10	16020451	Lê Thị Thanh	Trúc	NCTP10A	22	7.81	Khá	Khá	3,815,000	
11	16010101	Phan Hoàng	Phương	NCTP10A	22	7.7	Khá	Khá	3,815,000	
12	16081301	Nguyễn Thị Thu	Nhung	NCTP10A	22	7.69	Khá	Khá	3,815,000	
13	16006231	Trần Thị Lan	Tiên	NCTP10A	22	7.39	Khá	Khá	3,815,000	
14	15098071	Trần Thị Ngọc	Huyền	NCTP10A	22	7.26	Khá	Khá	3,815,000	
15	16005431	Trương Huỳnh	Như	NCTP10A	22	7.2	Khá	Khá	3,815,000	
16	16007521	Trần Đặng Phương	Ly	NCTP10A	22	7.19	Khá	Khá	3,815,000	
TỔNG CỘNG									560,423,500	

Số tiền bằng chữ: Năm trăm sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng

NGƯỜI LẬP BẢNG



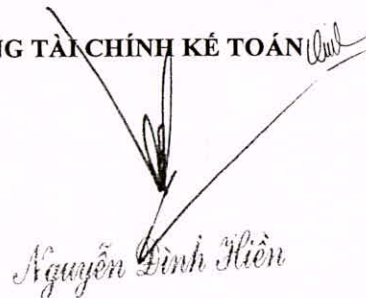
Bùi Thị Hải Hiền

PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Trung Nhân

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Nguyễn Đình Hiền

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Chiên Cường

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018 - 2019

Bậc cao đẳng nghề - Cơ sở Thanh Hóa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 743 / QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 4 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
1	16000533	Văn Thị	Diện	NCDI10ATH	19	8.25	Giỏi	Tốt	3,943,200	
2	16000543	Lê Hữu	Mạnh	NCDI10ATH	19	7.72	Khá	Tốt	3,286,000	
3	16000553	Nguyễn Tiến	Long	NCDI10ATH	19	7.51	Khá	Khá	3,286,000	
4	16000503	Đặng Đình	Cương	NCDI10ATH	19	7.49	Khá	Tốt	3,286,000	
5	16000453	Trương Thế	Đạt	NCDI10ATH	19	7.48	Khá	Tốt	3,286,000	
6	16000523	Đỗ Hữu	Mạnh	NCDI10ATH	19	7.39	Khá	Khá	3,286,000	
7	16000573	Lê Đức	Hạnh	NCDI10ATH	19	7.34	Khá	Tốt	3,286,000	
8	16000463	Lê Thế	Công	NCDI10ATH	19	7.31	Khá	Tốt	3,286,000	
9	16000443	Nguyễn Thanh	Tùng	NCDI10ATH	19	7.14	Khá	Tốt	3,286,000	
10	16000493	Lê Văn	Tuấn	NCDI10ATH	19	7.08	Khá	Khá	3,286,000	
TỔNG CỘNG									33,517,200	

Số tiền bằng chữ: Ba mươi ba triệu năm trăm mười bảy ngàn hai trăm đồng

NGƯỜI LẬP BẢNG

Bùi Thị Hải Hiền

PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Trung Nhân

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Chiền Huệ

PC 000 H/19

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 744/QĐ-ĐHCN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng học kỳ 1 năm học 2018-2019 cho sinh viên bậc đại học có thành tích học tập đạt loại xuất sắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP. HCM

Căn cứ quyết định số 214/2004/QĐ-TTg ngày 24/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2005/QĐ-BCN ngày 10/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-ĐHCN ngày 30 tháng 03 năm 2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh về việc xét và cấp học bổng đối với sinh viên học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ 1 năm học 2018-2019 của sinh viên;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng cho **209** sinh viên bậc đại học có thành tích học tập đạt loại xuất sắc và rèn luyện khá, tốt trong học kỳ 1 năm học 2018-2019 (có tên trong danh sách kèm theo) với tổng số tiền: 1.924.535.000 đồng. Trong đó :

- 43 sinh viên hệ chất lượng cao (41 sinh viên khóa 11,12 nhận mức học bổng 12.000.000 đồng/sv và 02 sinh viên khóa 13 nhận mức học bổng 14.000.000 đồng/sv);
- 157 sinh viên hệ đại trà (151 sinh viên khóa 11,12,13 nhận mức học bổng 8.750.000 đồng/sv; 04 sinh viên khóa 11 nhận mức học bổng 6.125.000 đồng/sv; 01 sinh viên khóa 12 khối Kinh tế PHQN nhận mức học bổng 3.797.000 đồng/sv và 01 sinh viên khóa 12 khối Công nghệ PHQN nhận mức học bổng 4.270.000 đồng/sv);
- 09 sinh viên liên thông hệ vừa học vừa làm (01 sinh viên khóa 14 nhận mức học bổng 10.296.000 đồng/sv; 02 sinh viên khóa 13 khối Công nghệ PHQN nhận mức học bổng 6.405.000 đồng/sv; 02 sinh viên khóa 13 khối Công nghệ PHQN nhận mức học bổng 4.483.500 đồng/sv; 02 sinh viên khóa 13 khối Công nghệ PHQN nhận mức học bổng 3.202.500 đồng/sv; 01 sinh viên khóa 14 khối Công nghệ PHQN nhận mức học bổng 7.200.000 đồng/sv và 01 sinh viên khóa 13 khối Công nghệ PHQN nhận mức học bổng 5.040.000 đồng/sv);

Điều 2. Các ông (bà) trưởng phòng, trưởng các đơn vị đào tạo và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. U

Nơi nhận:

- BGH;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, phòng ĐT.



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BÔNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018 - 2019

Bậc đại học - Kết quả học tập loại Xuất sắc

(Ban hành kèm theo Quyết định số / QĐ-ĐHCN ngày tháng năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
I. KHOA CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ									8,750,000	
1	17026271	Vũ Phương	Đông	DHCK13A	20	3.66	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	✓
II. KHOA CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN									29,500,000	
1	15043911	Nguyễn Đức	Trọng	DHDI11B	15	3.67	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
2	15109231	Hồ Ngọc	Nam	DHDI11CTT	15	3.64	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
3	15072641	Huỳnh Phú	Thanh	DHDI11C	17	3.62	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
III. KHOA CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ									8,750,000	
1	17039121	Nguyễn Tấn	Phi	DHDTMT13A	19	3.64	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
IV. KHOA CÔNG NGHỆ HÓA									178,250,000	
1	15022241	Thân Đức Huy	Thiện	DHHO11B	24	3.74	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
2	15031421	Nguyễn Thị Thanh	Dung	DHHO11A	20	3.73	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
3	15069851	Phan Thành	Công	DHHO11D	24	3.7	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
4	15043171	Phan Tô Ngọc	Trinh	DHPT11A	19	3.69	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
5	15079831	Phan Thị Thanh	Thùy	DHPT11A	19	3.67	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
6	15106631	Huỳnh Văn	Cường	DHHO11DTT	28	3.64	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
7	15088371	Nguyễn Thị Anh	Thương	DHHO11E	28	3.61	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
8	15055221	Hàng Chức	Nguyên	DHHO11E	20	3.6	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
9	16019701	Trần Thị Diệu	My	DHPT12A	18	4	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
10	16020511	Phạm Thị Vân	Anh	DHPT12A	18	3.98	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
11	16073831	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	DHPT12A	18	3.92	Xuất sắc	Khá	8,750,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	HỌC TẬP	TRÌNH LUYỆN	SO TIỀN	KY NHẬN
12	16014961	Đỗ Thị Mỹ	Dung	DHPT12A	18	3.88	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
13	16021621	Võ Châu Hải	My	DHPT12A	18	3.86	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
14	16022661	Đông Ngọc	Thanh	DHPT12A	18	3.83	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
15	16042511	Phan Thị Thu	Thùy	DHPT12A	15	3.83	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
16	16076681	Nguyễn Thị Kim	Yên	DHPT12A	18	3.83	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
17	16016801	Lê Thị Cát	Tường	DHPT12A	15	3.76	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
18	16018321	Trương Thúy	Ngọc	DHPT12A	18	3.62	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
19	17055331	Nguyễn Ngọc Thu	Hà	DHPT13A	18	3.81	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
20	17072671	Phan Thị Thanh	Ngân	DHHC13B	18	3.79	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
V. KHOA CÔNG NGHỆ MAY THỜI TRANG									234,500,000	
1	15057191	Mai Thị	Lan	DHTR11B	16	3.86	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
2	15041831	Đỗ Thị Minh	Tâm	DHTR11B	16	3.84	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
3	15091941	Triệu Thị Kim	My	DHTKTR11A	17	3.74	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
4	15026791	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	DHTR11A	16	3.73	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
5	15086161	Nguyễn Chí	Hải	DHTKTR11A	17	3.72	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
6	15040961	Bùi Bá Thanh	Thào	DHTR11B	16	3.7	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
7	15097761	Hà Thị	Thủy	DHTR11B	16	3.7	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
8	15034331	Đỗ Thị Mỹ	Huệ	DHTR11A	16	3.69	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
9	15040811	Nguyễn Thị Kim	Tiến	DHTR11B	16	3.69	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
10	15094461	Khru Thị	Hào	DHTR11D	16	3.68	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
11	15056891	Trần Thị Mai	Khanh	DHTR11D	16	3.68	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
12	15025221	Nguyễn Thị Yến	Thu	DHTR11A	16	3.68	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
13	15064931	Nguyễn Ngọc Lan	Vy	DHTR11B	16	3.66	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
14	15069091	Lê Thủy Mỹ	Vy	DHTR11B	16	3.65	Xuất sắc	Khá	8,750,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	HỌC TẬP	ÈN LUYỆN	SO TIEN	KY NHẬN
15	15018391	Nguyễn Thị Thuý	An	DHTR11A	16	3.64	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
16	15035221	Nguyễn Thị Ngọc	Duy	DHTR11A	16	3.64	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
17	15080021	Nguyễn Tấn	Phát	DHTR11C	16	3.64	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
18	15082341	Trần Thị	Hoài	DHTR11D	16	3.61	Xuất sắc	Khá	6,125,000	
19	15064661	Hồ Thị Bích	Tuyền	DHTR11B	16	3.61	Xuất sắc	Khá	6,125,000	
20	15042941	Tô Thị Ngọc	Hà	DHTR11B	16	3.6	Xuất sắc	Khá	6,125,000	
21	15069781	Nguyễn Ngọc Đăng	Thi	DHTR11B	16	3.6	Xuất sắc	Khá	6,125,000	
22	16036341	Nguyễn Thị	Hiền	DHTR12B	18	3.67	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
23	16013801	Trần Thị Minh	Triệu	DHTR12A	18	3.67	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
24	16021851	Bùi Thị Diễm	Trang	DHTKTR12A	20	3.65	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
25	16022581	Hồ Thị Thanh	Thoãng	DHTR12A	18	3.62	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
26	17068091	Nguyễn Chí	Thanh	DHTR13B	19	3.81	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
27	17016941	Nguyễn Thị Phương	Trang	DHTR13A	17	3.78	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
28	17033381	Trương Thị Yên	Nhi	DHTR13A	17	3.75	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
VI. KHOA CÔNG NGHỆ NHIỆT LẠNH									17,500,000	
1	16062971	Vũ Văn	Hào	DHNL12B	17	3.7	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
2	16040261	Nguyễn Thị	Nguyệt	DHNL12A	17	3.65	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
VII. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN									57,750,000	
1	17085211	Nguyễn Trí	Tín	DHKTPM13B	19	3.81	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
2	17093651	Nguyễn Trung	Hiếu	DHKTPM13CTT	23	3.76	Xuất sắc	Khá	14,000,000	
3	17008871	Đỗ Tấn	Hải	DHKHMT13A	17	3.74	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
4	17038921	Tạ Ngọc	Quỳnh	DHKTPM13A	21	3.69	Xuất sắc	Khá	8,750,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	DHT	HỌC TẬP	RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KY NHẬN
5	17027641	Nguyễn Minh	Chiến	DHKTPM13A	19	3.64	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
6	17074451	Nguyễn Ngọc	Hà	DHKTPM13B	19	3.64	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
VIII. VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỰC PHẨM									148,750,000	✓
1	15046231	Trương Thị Kim	Dang	DHSH11B	21	3.76	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
2	15068251	Phạm Thị Nhựt	Tuyền	DHSH11A	21	3.76	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
3	15074901	Đoàn Thanh	Hòa	DHSH11B	21	3.73	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
4	15053251	Nguyễn Thị Bảo	Trân	DHSH11B	21	3.72	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
5	15077171	Vũ Thị ánh	Tuyết	DHSH11A	21	3.7	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
6	15094151	Nguyễn Thị Diệu	Chinh	DHSH11A	21	3.69	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
7	15063951	Trần Thị Bình	An	DHSH11B	21	3.68	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
8	15048761	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	DHSH11B	21	3.66	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
9	15051651	Trần Thị Hồng	Nhung	DHSH11B	21	3.65	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
10	15042601	Nguyễn Thị Kim	Nga	DHSH11A	21	3.64	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
11	15093331	Lê Quốc	Thi	DHSH11A	21	3.63	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
12	15058391	Lê Thị Mỹ	Hương	DHTP11C	20	3.6	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
13	15067551	Nguyễn Thị Hoài	Ngọc	DHSH11B	21	3.6	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
14	15055151	Phạm Thị Thu	Thùy	DHSH11B	21	3.6	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
15	16050091	Nguyễn Lê Hiền	Hoà	DHSH12B	19	3.65	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
16	16026331	Trần Thị Thanh	Tiên	DHSH12A	19	3.62	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
17	17103121	Nguyễn Huỳnh Nhật	An	DHTP13D	18	3.63	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
IX. VIỆN KH&QL MÔI TRƯỜNG									106,000,000	✓
1	15084571	Trần Nguyễn Thiên	Ngân	DHQLMT11B	24	3.76	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
2	15103231	Mai Hoài	Đan	DHMT11BTT	18	3.69	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
3	15105131	Trần Ngọc	Vũ	DHMT11BTT	21	3.67	Xuất sắc	Khá	12,000,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	HỌC TẬP	RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KY NHẬN
4	15094991	Trần Phạm Phương	Duyên	DHQLMT11B	24	3.66	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
5	15080231	Lương Thị Ngọc	Hạ	DHMT11B	15	3.64	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
6	15040691	Bùi Thị Minh	Thư	DHMT11C	18	3.64	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
7	15107931	Nguyễn Thái	Hòa	DHMT11CTT	18	3.62	Xuất sắc	Tốt	12,000,000	
8	15091181	Nguyễn Thị Hồng	Ni	DHQLMT11B	21	3.6	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
9	16015531	Lê Thị Cẩm	Tú	DHKHMTR12A	21	3.64	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
10	16011351	Nguyễn Thị Kim	Vi	DHMT12A	21	3.63	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
11	16009621	Mai Hoàng Bảo	Châu	DHKHMTR12A	21	3.62	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
X. KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG									17,500,000	
1	16022851	Nguyễn Thành	Lộc	DHKTCTXD12A	15	3.64	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
2	16022431	Nguyễn Anh	Quốc	DHKTXDGT12A	22	3.6	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
XI. KHOA LUẬT									26,250,000	
1	16044451	Lê Thị Phương	Đoan	DHLKT12A	18	3.68	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
2	16012331	Trần Thị	Hằng	DHLKT12A	21	3.66	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
3	16055661	Bùi Thị Phương	Thành	DHLKT12A	21	3.6	Xuất sắc	Xuất sắc	8,750,000	
XII. KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN									399,296,000	
1	15032351	Phạm Thị Thùy	Tiên	DHKT11A	16	3.88	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
2	15059961	Hồ Thị Kim	Ngân	DHKT11G	15	3.8	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
3	15105041	Nguyễn Thùy	Trang	DHKT11DDT	20	3.79	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
4	15065721	Thái Thanh	Diễm	DHKT11CTT	20	3.77	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
5	15051511	Trương Thị Mỹ	Phương	DHKT11F	16	3.76	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
6	15068621	Phạm Ngọc Bảo	Hân	DHKT11H	15	3.73	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
7	15104031	Nguyễn Thị	Hoa	DHKT11DDT	20	3.73	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
8	15095901	Huỳnh Đoàn Như	An	DHKT11K	16	3.72	Xuất sắc	Khá	8,750,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	ĐIỂM HỌC TẬP	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KY NHẬN
9	15103241	Nguyễn Thị Ngọc	Sen	DHKT11CTT	20	3.71	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
10	15104591	Lê Thị Nga	My	DHKT11DTT	20	3.68	Xuất sắc	Xuất sắc	12,000,000	
11	15088301	Nguyễn Thị Trúc	Phuong	DHKT11K	15	3.68	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
12	15108501	Khuong Thị Yên	Nhàn	DHKT11FTT	20	3.67	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
13	15017271	Nguyễn Mạnh	Đông	DHKT11C	17	3.65	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
14	15039631	Nguyễn Thị Thu	Trân	DHKT11D	20	3.65	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
15	15032591	Nguyễn Ngọc	An	DHKT11C	17	3.64	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
16	15034461	Đặng Gia	Hung	DHKT11B	18	3.64	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
17	15081541	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	DHKT11G	18	3.63	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
18	15013641	Trần Thị	út	DHKT11A	20	3.62	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
19	15027161	Nguyễn Mạnh	Dũng	DHKT11B	20	3.61	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
20	15103431	Viên Thị Thanh	Thảo	DHKT11DTT	20	3.61	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
21	15081641	Hoàng Thị Nhã	Tú	DHKT11ATT	18	3.61	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
22	15105491	Nguyễn Thị Thu	Hường	DHKT11ETT	20	3.6	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
23	16039461	Lê Thị Thúy	Nga	DHKT12B	20	3.97	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
24	16031231	Trần Ngọc Hoài	Thương	DHKT12C	17	3.91	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
25	16027191	Bùi Thị Kiều	Dung	DHKT12B	17	3.84	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
26	16013621	Nông Thị Thu	Huyền	DHKT12A	20	3.84	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
27	16036111	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	DHKT12B	20	3.79	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
28	16009151	Phún Quang	Hải	DHKT12A	20	3.77	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
29	16036331	Hoàng Thị	Hiền	DHKT12C	20	3.75	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
30	16018421	Nguyễn Thị	Thom	DHKT12ATT	20	3.75	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
31	16028131	Lê Ngọc Huyền	Trân	DHKT12C	20	3.75	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
32	16020771	Đỗ Thị	Thắm	DHKT12ATT	20	3.72	Xuất sắc	Khá	12,000,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	HỌC TẬP	ÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KY NHẬN
33	16027011	Lê Thị Minh	Thư	DHKT12C	17	3.72	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
34	16036011	Trần Thị	Thúy	DHKT12C	17	3.66	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
35	16014781	Trương Thị Hồng	Phương	DHKT12A	20	3.64	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
36	16010761	Nguyễn Trí	Luật	DHKT12ATT	20	3.63	Xuất sắc	Xuất sắc	12,000,000	
37	16049021	Vũ Thị	Luyên	DHKT12C	19	3.63	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
38	16027181	Đình Ngọc Thanh	Trúc	DHKT12A	17	3.61	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
39	16042141	Bùi Thị Phương	Linh	DHKT12B	22	3.6	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
40	17052331	Nguyễn Thu	Thảo	DHKT13E	20	3.63	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
41	18102971	Lê Thị Kiều	Anh	DHKT14AVL	15	3.72	Xuất sắc	Tốt	10,296,000	
XIII. KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH									407,250,000	
1	15109981	Nguyễn Thị Thanh	Hương	DHQT11ETT	13	3.88	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
2	15068961	Nguyễn Ngọc Kiều	Trinh	DHQT11ETT	13	3.81	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
3	15105371	Lê Thị Phương	Trâm	DHQT11HTT	13	3.77	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
4	15108691	Lâm Chí	Nguyễn	DHQT11ETT	13	3.66	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
5	15009681	Trần Diệp Dạ	Hằng	DHQT11ATT	13	3.65	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
6	15105711	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	DHQT11HTT	13	3.65	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
7	15106811	Vũ Thị Ngọc	Anh	DHQT11ITT	13	3.62	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
8	15108521	Nguyễn Thị	Tiến	DHQT11ETT	13	3.62	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
9	15108131	Trần Thị Tuyết	Trân	DHQT11ITT	13	3.62	Xuất sắc	Tốt	12,000,000	
10	16008041	Trần Thị Tuyết	Nhung	DHQT12A	17	3.88	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
11	16010721	Hoàng Nguyễn Thu	Huyền	DHQT12A	21	3.8	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
12	16028421	Tô Huỳnh Tuyết	Mai	DHQT12BTT	18	3.8	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
13	16014611	Trần Thị Thùy	Trang	DHQT12A	17	3.79	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
14	16027981	Nguyễn Thị Phước	Hà	DHMK12A	18	3.77	Xuất sắc	Khá	8,750,000	

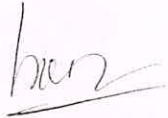
STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	HỌC TẬP	RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KY NHẬN
15	16012761	Bùi Thị Nhã	Quyên	DHQT12ATT	18	3.77	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
16	16024471	Nguyễn Ngọc	An	DHQT12FTT	18	3.75	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
17	16030711	Hà Lê Diệu	Linh	DHQT12BTT	18	3.73	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
18	16056221	Đào Lê Thy	Mỹ	DHQT12DTT	18	3.73	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
19	16032561	Võ Thị Hồng	Hạnh	DHQT12F	18	3.72	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
20	15104251	Phạm Thị Trúc	Nhi	DHQT11FTT	15	3.69	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
21	16055871	Nguyễn Thị Thảo	Tâm	DHQT12DTT	21	3.69	Xuất sắc	Xuất sắc	12,000,000	
22	16054771	Ngô Đình Linh Thùy	Trang	DHQT12ETT	18	3.68	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
23	16068501	Nguyễn Đồng Đăng	Khoa	DHQT12FTT	18	3.67	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
24	16023271	Lê Thị Hải	Ngọc	DHQT12FTT	18	3.67	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
25	16029111	Trần Nguyễn Nguyệt	Minh	DHQT12C	15	3.66	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
26	16069931	Phạm Thị Hồng	Nghĩa	DHQT12FTT	21	3.66	Xuất sắc	Tốt	12,000,000	
27	16031461	Nguyễn Thị	Linh	DHMK12A	21	3.63	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
28	16008681	Nguyễn Thị Kiều	My	DHQT12A	17	3.63	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
29	16065611	Nguyễn Dương Thùy	Trâm	DHQT12BTT	21	3.63	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
30	16014721	Trương Cẩm	Xuyến	DHQT12A	21	3.63	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
31	16010191	Nguyễn Thục	Đoan	DHQT12ATT	18	3.62	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
32	16011951	Phạm Thị Tuyết	Mai	DHQT12A	21	3.61	Xuất sắc	Xuất sắc	8,750,000	
33	16009111	Mai Thu	Tâm	DHQT12A	24	3.61	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
34	16071121	Lê Thu Hiếu	Thảo	DHQT12D	21	3.61	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
35	16041341	Biện Thị Thu	Nhã	DHQT12BTT	18	3.6	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
36	17051411	Trần Thị Thiên	Nga	DHQT13D	17	3.65	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
37	17025041	Phan Thị Mỹ	Khuyên	DHMK13A	20	3.67	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
38	17015991	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	DHMK13A	17	3.61	Xuất sắc	Khá	8,750,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	HỌC TẬP	RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KY NHẬN
XIV. KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG									90,750,000	
1	16063011	Trần Thị Thùy	Vy	DHTD12C	20	3.9	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
2	16019331	Phạm	Alel	DHTD12A	18	3.89	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
3	16068441	Trần Thị Thùy	Linh	DHTN12B	19	3.86	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
4	16052941	Lưu Thị	Huệ	DHTN12B	21	3.83	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
5	16043621	Đặng Thị Ngọc	Huyền	DHTN12A	20	3.75	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
6	16058741	Nguyễn Ngọc Minh	Tuyết	DHTN12CTT	21	3.73	Xuất sắc	Khá	12,000,000	
7	16044641	Huỳnh Việt	Hoàng	DHTD12A	20	3.68	Xuất sắc	Xuất sắc	8,750,000	
8	16011421	Bùi Thanh	Vy	DHTN12A	22	3.68	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
9	16064031	Trần Thị Thùy	Trang	DHTD12C	17	3.62	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
10	16012841	Trần Hữu	Win	DHTD12A	18	3.62	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
XV. KHOA THƯƠNG MẠI DU LỊCH									110,250,000	
1	15085561	Lê Thị Thu	Tâm	DHTMDT11A	16	3.6	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
2	16029321	Nguyễn Trần Khánh	Hoàng	DHKQ12A	19	3.74	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
3	16022241	Nguyễn Thị Quý	Hon	DHTMDT12A	18	3.65	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
4	16049401	Võ Thị Thúy	Kiều	DHKQ12A	16	3.61	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
5	16037421	Chu Thị Hoài	Thanh	DHKQ12A	16	3.61	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
6	16036131	Văn Thị	Diễm	DHKQ12A	21	3.6	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
7	17102751	Nguyễn Thị Thu	Hà	DHKQ13F	18	3.92	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
8	17040071	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	DHKQ13A	16	3.74	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
9	17101111	Bùi Thị	Lê	DHKQ13F	17	3.72	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
10	17094111	Trần Thị Thảo	Vy	DHKQ13D	18	3.69	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
11	17038111	Đặng Ngọc Anh	Thư	DHKQ13A	15	3.65	Xuất sắc	Tốt	8,750,000	
12	17071811	Phạm Thị Hồng	Hương	DHKQ13ATT	20	3.61	Xuất sắc	Khá	14,000,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	HỌC TẬP	RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KY NHẬN
XVI. KHOA NGOẠI NGỮ									35,000,000	
1	16040001	Lê Bảo	Châu	DHAV12B	16	3.88	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
2	16030921	Đỗ Ngọc Cẩm	Tú	DHAV12A	19	3.74	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
3	17022051	Nguyễn Như	Quỳnh	DHAV13C	20	3.72	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
4	17035321	Nguyễn Hoàng My	My	DHAV13B	20	3.6	Xuất sắc	Khá	8,750,000	
TỔNG CỘNG									1,876,046,000	


Số tiền bằng chữ: Một tỷ tám trăm bảy mươi sáu triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn đồng

NGƯỜI LẬP BẢNG



Bùi Thị Hải Hiền

PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Trung Nhân

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thiên Quý

CÔNG

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018 - 2019

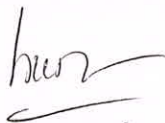
Phân hiệu Quảng Ngãi - Kết quả học tập loại Xuất sắc

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~744~~ / QĐ-ĐHCN ngày ~~2~~ tháng ~~4~~ năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
I. BẠC ĐẠI HỌC- XUẤT SẮC									48,489,000	
1	16000915	Lại Thị Thùy	Trang ✓	DHKT12QN	17	3.73	Xuất sắc	Khá	3,797,000	
2	16000785	Lê Đình	Thân ✓	DHCK12QN	20	3.64	Xuất sắc	Khá	4,270,000	
3	17001575	Võ Thị	Thạo ✓	DHHO13AVLQN	15	3.87	Xuất sắc	Khá	6,405,000	
4	17001585	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt ✓	DHHO13AVLQN	15	3.79	Xuất sắc	Khá	6,405,000	
5	17001655	Trương Thị Hồng	Ngoan ✓	DHHO13AVLQN	15	3.76	Xuất sắc	Khá	4,483,500	
6	17001545	Huỳnh Tấn	Hưng ✓	DHHO13AVLQN	15	3.73	Xuất sắc	Khá	4,483,500	
7	17001565	Nguyễn Thị	Thùy ✓	DHHO13AVLQN	15	3.7	Xuất sắc	Khá	3,202,500	
8	17001535	Lê Thị	Đào ✓	DHHO13AVLQN	15	3.63	Xuất sắc	Khá	3,202,500	
9	18001185	Đình Tiến	Đạt ✓	DHDI14AVLQN	15	4	Xuất sắc	Khá	7,200,000	
10	18001225	Trịnh Văn	Quốc ✓	DHDI14AVLQN	15	3.85	Xuất sắc	Khá	5,040,000	
TỔNG CỘNG									48,489,000	

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi tám triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn đồng

NGƯỜI LẬP BẢNG



Bùi Thị Hải Hiền

PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Trung Nhân

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Nguyễn Đình Hiền

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Chiên Cué

AC 600/H/19

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~745~~ /QĐ-ĐHCN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng học kỳ 1 năm học 2018-2019 cho sinh viên bậc cao đẳng hệ chính quy có thành tích học tập đạt loại giỏi

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

Căn cứ quyết định số 214/2004/QĐ-TTg ngày 24/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2005/QĐ-BCN ngày 10/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-ĐHCN ngày 30 tháng 03 năm 2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh về việc xét và cấp học bổng đối với sinh viên học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ 1 năm học 2018-2019 của sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng cho 34 sinh viên bậc cao đẳng hệ chính quy có thành tích học tập đạt loại giỏi và rèn luyện khá, tốt trong học kỳ 1 năm học 2018-2019 (có tên trong danh sách kèm theo) với tổng số tiền: 97.342.000 đồng. Trong đó :

- 22 sinh viên khóa 18 khối Công nghệ nhận mức học bổng 2.968.000 đồng/sv ;
- 12 sinh viên khóa 18 khối Kinh tế nhận mức học bổng 2.670.500 đồng/sv ;

Điều 2. Các ông (bà) trưởng phòng, trưởng các đơn vị đào tạo và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /ll

Nơi nhận:

- BGH;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, phòng ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thiên Tuế

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018 - 2019

Bậc cao đẳng - Kết quả học tập loại Giỏi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 745/QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 4 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

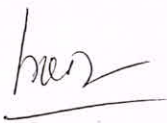
STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
I. KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN									18,693,500	/
1	17051201	Bùi Lưu Tường	Vy /	CDKT18B	16	3.53	Giỏi	Xuất sắc	2,670,500	/
2	17078601	Đỗ Thị	Nhung /	CDKT18C	18	3.45	Giỏi	Xuất sắc	2,670,500	/
3	17109101	Đinh Thị Thuý	Linh /	CDKT18B	18	3.44	Giỏi	Xuất sắc	2,670,500	/
4	17042811	Nguyễn Thị Thuý	Dương /	CDKT18B	18	3.41	Giỏi	Tốt	2,670,500	/
5	17108491	Lê Thị Ngọc	Thuý /	CDKT18C	21	3.29	Giỏi	Tốt	2,670,500	/
6	17049941	Lê Ngọc Tuyết	Sương /	CDKT18B	21	3.28	Giỏi	Tốt	2,670,500	/
7	17009661	Nguyễn Thị	Là /	CDKT18C	18	3.27	Giỏi	Tốt	2,670,500	/
II. KHOA THƯƠNG MẠI DU LỊCH									2,968,000	/
1	17057731	Lê Yến	Nhi /	CDQTNH18A	16	3.31	Giỏi	Khá	2,968,000	/
III. KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH									8,011,500	/
1	17047891	Lê Thị Thanh	Hằng /	CDQT18B	17	3.32	Giỏi	Tốt	2,670,500	/
2	17042881	Lư Hoàng	Vũ /	CDQT18B	17	3.31	Giỏi	Khá	2,670,500	/
3	17079131	Nguyễn Trần Thu	Huyền /	CDQT18C	15	3.26	Giỏi	Khá	2,670,500	/
IV. KHOA MAY THỜI TRANG									20,776,000	/
1	17050511	Phạm Thị Ngân	Giang /	CDCNM18B	15	3.44	Giỏi	Tốt	2,968,000	/
2	17052601	Nguyễn Thị Thanh	Hằng /	CDCNM18B	15	3.41	Giỏi	Tốt	2,968,000	/
3	17005711	Bùi Thị Thu	Dung /	CDCNM18A	15	3.4	Giỏi	Khá	2,968,000	/
4	17027331	Nguyễn Thị Thu	Hiền /	CDCNM18B	15	3.29	Giỏi	Tốt	2,968,000	/
5	17089321	Nguyễn Văn	Hoàng /	CDCNM18B	15	3.23	Giỏi	Tốt	2,968,000	/
6	17010611	Trần Thị Hồng	Nhung /	CDCNM18A	15	3.21	Giỏi	Tốt	2,968,000	/
7	17008881	Hoàng Thị	Hương /	CDCNM18A	17	3.2	Giỏi	Khá	2,968,000	/



STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
V. KHOA ĐỘNG LỰC									23,744,000	
1	17011691	Bùi Văn	Thăng /	CDOT18E	17	3.56	Giỏi	Tốt	2,968,000	/
2	17029631	Lê Văn	Hiệp /	CDOT18E	17	3.53	Giỏi	Tốt	2,968,000	/
3	17008381	Võ Duy	Khánh /	CDOT18D	17	3.53	Giỏi	Tốt	2,968,000	/
4	17016841	Nguyễn Văn	Quân /	CDOT18E	17	3.53	Giỏi	Khá	2,968,000	/
5	17026981	Nguyễn Nhật	Nam /	CDOT18D	17	3.33	Giỏi	Tốt	2,968,000	/
6	17005561	Nguyễn Quốc	Hùng /	CDOT18C	15	3.27	Giỏi	Khá	2,968,000	/
7	17012271	Nguyễn Văn Ngọc	Tuấn /	CDOT18E	15	3.27	Giỏi	Khá	2,968,000	/
8	17009891	Trương Phúc	Thiện /	CDOT18D	17	3.24	Giỏi	Khá	2,968,000	/
VI. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN									14,840,000	
1	17004471	Nguyễn Đức Thanh	Linh /	CDCNTT18A	15	3.53	Giỏi	Tốt	2,968,000	/
2	17007131	Thái Võ Việt	Anh /	CDCNTT18B	15	3.51	Giỏi	Khá	2,968,000	/
3	17022781	Nguyễn Quốc Anh	Quân /	CDCNTT18B	15	3.47	Giỏi	Khá	2,968,000	/
4	17092831	Nguyễn Trung	Thành /	CDCNTT18D	15	3.43	Giỏi	Tốt	2,968,000	/
5	17008001	Mai Chí Quyết	Thắng /	CDCNTT18A	17	3.23	Giỏi	Khá	2,968,000	/
VII. KHOA CÔNG NGHỆ NHIỆT LẠNH									2,968,000	
1	17007701	Nguyễn Đình	Thịnh /	CDNL18A	15	3.33	Giỏi	Tốt	2,968,000	/
VIII. KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG									5,341,000	
1	17050351	Hồ Thanh	Duy /	CDTN18A	17	3.37	Giỏi	Tốt	2,670,500	/
2	17002411	Phan Thị Kim	Phụng /	CDTN18A	17	3.27	Giỏi	Khá	2,670,500	/
TỔNG CỘNG									97,342,000	/

Số tiền bằng chữ: Chín mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi hai ngàn đồng

NGƯỜI LẬP BẢNG



Bùi Thị Hải Hiền

PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Trung Nhân

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Nguyễn Đình Hiền



HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Chiền Cué

PC 600 H 19

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 746/QĐ-ĐHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng học kỳ 1 năm học 2018-2019 cho sinh viên bậc cao đẳng hệ chính quy có thành tích học tập đạt loại xuất sắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

Căn cứ quyết định số 214/2004/QĐ-TTg ngày 24/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2005/QĐ-BCN ngày 10/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-ĐHCN ngày 30 tháng 03 năm 2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh về việc xét và cấp học bổng đối với sinh viên học theo học chế tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ 1 năm học 2018-2019 của sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng cho 03 sinh viên bậc cao đẳng hệ chính quy có thành tích học tập đạt xuất sắc và rèn luyện khá, tốt trong học kỳ 1 năm học 2018-2019 (có tên trong danh sách kèm theo) với tổng số tiền: 12.295.000 đồng. Trong đó :

- 02 sinh viên khóa 18 khối Công nghệ nhận mức học bổng 4.240.000 đồng/sv ;
- 01 sinh viên khóa 18 khối Kinh tế nhận mức học bổng 3.815.000 đồng/sv ;

Điều 2. Các ông (bà) trưởng phòng, trưởng các đơn vị đào tạo và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. u

Nơi nhận:

- BGH;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, phòng ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



T.S. Nguyễn Thiên Tuế

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018 - 2019
Bậc cao đẳng - Kết quả học tập loại Xuất sắc

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 746 / QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 4 năm 2019
 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
I. KHOA ĐỘNG LỰC									4,240,000	
1	17006101	Huỳnh Tiến	Nhân /	CDOT18G	17	3.75	Xuất sắc	Khá	4,240,000	/
II. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN									4,240,000	
1	14147791	Huỳnh Minh	Tài /	CDCNTT18A	15	3.97	Xuất sắc	Tốt	4,240,000	/
III. KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG									3,815,000	
1	17107581	Trần Thị Trà	My /	CDTN18A	17	3.79	Xuất sắc	Khá	3,815,000	/
TỔNG CỘNG									12,295,000	/

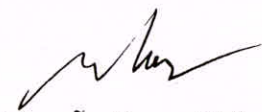
Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng

NGƯỜI LẬP BẢNG



Bùi Thị Hải Hiền

PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Trung Nhân

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Nguyễn Đình Hiền

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Chiên Tuấn

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BONG HỌC KỲ 1 NAM HỌC 2018 - 2019

Bậc Đại học - Kết quả học tập loại Giỏi

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 742/QĐ-ĐHCN ngày 02 tháng 4 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
I. KHOA CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ									191,100,000	
1	15015561	Cao Đăng Thiên	Long	DHCDT11A	16	3.57	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	15042851	Nguyễn Quang	Đại	DHCT11B	19	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
3	15053221	Nguyễn Lâm Hồng	Phúc	DHCDT11C	18	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	
4	15046341	Trần Công	Đức	DHCDT11B	16	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
5	15052131	Nguyễn Anh	Minh	DHCDT11B	18	3.34	Giỏi	Khá	6,125,000	
6	15038461	Vũ Trung	Kiên	DHCT11B	22	3.34	Giỏi	Tốt	6,125,000	
7	15045901	Dương Hải	Long	DHCDT11B	15	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
8	15086121	Trần Chung	Tín	DHCT11C	18	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
9	15050241	Phạm Thanh	Nam	DHCDT11B	16	3.3	Giỏi	Khá	6,125,000	
10	15015301	Nguyễn Dương	Hà	DHCT11A	17	3.3	Giỏi	Khá	6,125,000	
11	15064861	Ứng Văn	Hậu	DHCDT11B	16	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
12	15072331	Nguyễn Hoài	Trung	DHCT11C	16	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
13	15081741	Nguyễn Văn	Linh	DHCT11D	21	3.27	Giỏi	Khá	6,125,000	
14	15066171	Võ Hoàng	Mẫn	DHCDT11B	17	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
15	15042621	Đặng Hoài	Sang	DHCT11B	19	3.24	Giỏi	Khá	6,125,000	
16	16042861	Võ Chí	Thành	DHCK12A	20	3.34	Giỏi	Khá	6,125,000	
17	16068021	Nguyễn Văn	Bình	DHCK12A	20	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
18	16037071	Lã Xuân	Trường	DHCK12A	22	3.25	Giỏi	Khá	6,125,000	
19	17052761	Mai Hữu Hoàng	An	DHCDT13A	17	3.59	Giỏi	Tốt	6,125,000	
20	17076871	Nguyễn Tấn	Lộc	DHCDT13ATT	17	3.46	Giỏi	Khá	9,800,000	
21	17056151	Lê Minh	Thông	DHCK13B	16	3.45	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
22	17046841	Nguyễn Đại	Dương	DHCK13A	20	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	
23	17069971	Bùi Thị Phương	Trinh	DHCT13A	19	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	
24	17068381	Phạm Hoàng	Tiến	DHCK13B	20	3.35	Giỏi	Khá	6,125,000	
25	17013041	Nguyễn Thái	Huy	DHCK13A	20	3.32	Giỏi	Khá	6,125,000	
26	17031241	Lai Văn	Mãn	DHCK13ATT	22	3.29	Giỏi	Khá	9,800,000	
27	17027781	Đỗ Thành	Trai	DHCK13A	20	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
28	17044001	Phan Thị	Hoài	DHCDT13A	16	3.25	Giỏi	Khá	6,125,000	
29	17057561	Nguyễn Minh	Nhật	DHCK13B	16	3.25	Giỏi	Khá	6,125,000	
30	17049471	Nguyễn Nhật	Thuận	DHCDT13A	18	3.24	Giỏi	Khá	6,125,000	

II. KHOA CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN

									390,575,000	
1	15067761	Nguyễn Anh	Tài	DHDI11C	16	3.59	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	15047271	Phan Thành	Phước	DHDI11B	15	3.56	Giỏi	Khá	6,125,000	
3	15042931	Hà Công	Danh	DHDI11B	16	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
4	15069901	Phạm Hồng	Phúc	DHDI11B	16	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
5	15042681	Đỗ Hồng	Sinh	DHDI11B	16	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
6	15044911	Đoàn Đình	Tân	DHDI11C	16	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
7	15109261	Nguyễn Minh	Nhật	DHDI11CTT	15	3.49	Giỏi	Khá	8,400,000	
8	15027561	Phan Văn	Tứ	DHDI11B	16	3.49	Giỏi	Khá	6,125,000	
9	15033721	Phan Thành	Đạt	DHDI11A	15	3.47	Giỏi	Khá	6,125,000	
10	15027951	Âu Thành	Trung	DHDI11B	16	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
11	15025971	Trần Thiện Phương	Thông	DHDI11B	16	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
12	15061381	Phạm Quang	Tiến	DHDI11C	18	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
13	15095231	Nguyễn Đình Minh	Trãi	DHDI11B	16	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
14	15022411	Đặng Ngọc Toàn	Chương	DHDI11BTT	15	3.43	Giỏi	Khá	8,400,000	
15	15074391	Ngô Phúc	Hậu	DHDI11C	18	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	
16	15066291	Tổng Đức	Tài	DHDI11C	15	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
17	15020771	Võ Bảo	Trung	DHDI11A	23	3.39	Giỏi	Khá	6,125,000	
18	15020181	Trương Minh	Trí	DHDI11ATT	15	3.36	Giỏi	Khá	8,400,000	
19	15011221	Bùi Trương Minh	Tú	DHDI11ATT	15	3.36	Giỏi	Khá	8,400,000	
20	15078511	Đào Văn	Minh	DHDKTD11A	15	3.33	Giỏi	Khá	6,125,000	
21	15062401	Phan Trọng	Trí	DHDI11C	15	3.29	Giỏi	Khá	6,125,000	
22	15058641	Nguyễn Hữu	Pháp	DHDI11A	17	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
23	15070571	Ngô Quang	Khải	DHDI11A	18	3.27	Giỏi	Khá	6,125,000	
24	15080181	Trần Trung	Bảo	DHDI11C	18	3.26	Giỏi	Khá	4,375,000	
25	15068301	Văn Huy	Tiến	DHDKTD11C	17	3.26	Giỏi	Khá	4,375,000	
26	15024181	Nguyễn Thanh	Toàn	DHDI11B	19	3.26	Giỏi	Khá	4,375,000	
27	15038831	Nguyễn Hòa Tấn	Tài	DHDKTD11B	18	3.24	Giỏi	Khá	4,375,000	
28	15028261	Trần Thiên	Tân	DHDI11B	16	3.24	Giỏi	Khá	4,375,000	
29	15031201	Phan Trọng	Phú	DHDI11A	15	3.23	Giỏi	Khá	4,375,000	
30	15022611	Hoàng Tiến	Khánh	DHDI11A	17	3.21	Giỏi	Khá	4,375,000	
31	15088871	Dương Văn	Nhất	DHDI11CTT	15	3.21	Giỏi	Khá	6,000,000	
32	15057321	Nguyễn Minh	Sang	DHDI11CTT	15	3.21	Giỏi	Khá	6,000,000	
33	15089171	Nguyễn Thị	Thùy	DHDKTD11C	17	3.21	Giỏi	Khá	4,375,000	
34	15094241	Nguyễn Duy	Bình	DHDKTD11C	23	3.2	Giỏi	Khá	4,375,000	
35	15080731	Lê Văn	Hoàng	DHDI11A	15	3.2	Giỏi	Khá	4,375,000	
36	15075331	Nguyễn Thành	Huy	DHDI11CTT	15	3.2	Giỏi	Khá	6,000,000	
37	16012651	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	DHDI12A	17	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
38	16076831	Nguyễn Minh	Nhi	DHDKTD12C	19	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
39	16032541	Trịnh Thanh	Tài	DHDKTD12A	21	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
40	16037851	Đoàn Trung	Tấn	DHDKTD12B	22	3.45	Giỏi	Khá	6,125,000	
41	16045181	Lê Hùng	Anh	DHDKTD12B	21	3.35	Giỏi	Khá	6,125,000	
42	16023281	Huỳnh Khải	Hùng	DHDKTD12A	21	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
43	16045571	Nguyễn Văn	Túy	DHDI12B	18	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	
44	16015361	Bùi Thị Trà	My	DHDI12A	16	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
45	16044231	Trần Thanh	Trúc	DHDKTD12B	21	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
46	16068521	Nguyễn Đình Cao Trí	Nhân	DHDKTD12C	21	3.3	Giỏi	Khá	6,125,000	
47	16074921	Trần Thanh	Toàn	DHDKTD12C	18	3.3	Giỏi	Khá	6,125,000	
48	16039281	Hồ Thanh	Duy	DHDI12B	16	3.29	Giỏi	Khá	6,125,000	
49	16049321	Lê Văn	Dũng	DHDKTD12B	19	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
50	16016781	Lê Hải	Nam	DHDKTD12A	21	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
51	16032831	Nguyễn Lê Mạnh	Quỳnh	DHDKTD12A	23	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
52	16025661	Trần Ngọc	Phúc	DHDKTD12B	19	3.24	Giỏi	Khá	6,125,000	
53	16047731	Nguyễn Văn	Quốc	DHDKTD12B	25	3.23	Giỏi	Khá	6,125,000	
54	16054291	Nguyễn Hữu	Tài	DHDKTD12C	21	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
55	16014931	Nguyễn Thái	Hưng	DHDI12A	17	3.21	Giỏi	Khá	6,125,000	
56	16024271	Thái Thanh	Phương	DHDKTD12A	21	3.21	Giỏi	Khá	6,125,000	
57	17071601	Lê Văn	Hải	DHDI13C	15	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
58	17013931	Nguyễn Tuấn	Vũ	DHDKTD13A	20	3.45	Giỏi	Khá	6,125,000	
59	17014701	Nguyễn Hoàng	Nam	DHDI13A	16	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
60	17079871	Nguyễn Văn	Thường	DHDKTD13ATT	20	3.36	Giỏi	Khá	9,800,000	
61	17098411	Quách Xuân	Dương	DHDI13C	18	3.33	Giỏi	Khá	6,125,000	
62	17014041	Nguyễn Quốc	Bình	DHDKTD13ATT	22	3.26	Giỏi	Tốt	9,800,000	
63	17105551	Phạm Hữu	Luân	DHDKTD13C	21	3.24	Giỏi	Khá	6,125,000	
64	17019321	Vũ Thanh	Bình	DHDKTD13A	18	3.23	Giỏi	Khá	6,125,000	
III. KHOA CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ									79,625,000	
1	15033901	Đỗ	Quyên	DHDTV11A	20	3.55	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	15050721	Nguyễn Ngọc	Nhật	DHDTV11B	20	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
3	15079741	Nguyễn Hoàng	Sang	DHDTMT11A	20	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
4	15068331	Trịnh Thị Thu	Hằng	DHDTTD11C	17	3.36	Giỏi	Khá	6,125,000	
5	15039001	Nguyễn Đăng	Hoàng	DHDTV11A	20	3.36	Giỏi	Khá	6,125,000	
6	15052941	Nguyễn Phương	Tiên	DHDTV11B	19	3.29	Giỏi	Khá	6,125,000	
7	15059441	Trần Minh	Huân	DHDTV11C	17	3.25	Giỏi	Khá	6,125,000	
8	15014351	Hoàng Tiến	Phiêu	DHDTMT11A	18	3.23	Giỏi	Khá	6,125,000	
9	15086471	Vi Thái	Hùng	DHDTMT11A	20	3.2	Giỏi	Khá	6,125,000	
10	17096621	Lâm Quang Hoàng	Thiện	DHDTMT13B	16	3.45	Giỏi	Tốt	6,125,000	
11	17039501	Phạm Minh	Hy	DHDTMT13A	17	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
12	17018431	Trần Thanh	Thuật	DHDTMT13A	17	3.36	Giỏi	Khá	6,125,000	
13	17046081	Nguyễn Hải	Dương	DHDTMT13A	19	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
IV. KHOA CÔNG NGHỆ ĐỘNG LỰC									116,375,000	
1	15093341	Nguyễn Trọng	Nhân	DHOT11E	19	3.42	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	15066461	Ngô Thanh	Trường	DHOT11E	19	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	
3	16031701	Lữ Quốc	Hậu	DHOT12B	20	3.3	Giỏi	Khá	6,125,000	
4	15048581	Phạm Chí	Đại	DHOT11C	15	3.27	Giỏi	Khá	6,125,000	
5	15024931	Nguyễn Tiến	Đạt	DHOT11A	19	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
6	15089211	Nguyễn Văn Minh	Vương	DHOT11E	19	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
7	15081711	Tăng Khánh	Long	DHOT11D	15	3.2	Giỏi	Khá	6,125,000	
8	16067071	Cổ Việt	Thành	DHOT12D	20	3.48	Giỏi	Khá	6,125,000	
9	16049941	Nguyễn Duy	Linh	DHOT12C	20	3.36	Giỏi	Khá	6,125,000	
10	17010751	Huỳnh Thanh	Phú	DHOT13A	17	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
11	17008671	Ngô Đình	Luật	DHOT13A	17	3.38	Giỏi	Xuất sắc	6,125,000	
12	17017011	Nguyễn Độ	Lượng	DHOT13A	17	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	
13	17031621	Võ Hữu	Tính	DHOT13A	17	3.32	Giỏi	Khá	6,125,000	
14	17088271	Cao Minh	Hoàng	DHOT13F	17	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
15	17067331	Phan Đại	Nghĩa	DHOT13E	15	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
16	17095571	Phạm Thanh	Minh	DHOT13F	19	3.29	Giỏi	Khá	6,125,000	
17	17056701	Nguyễn Thành	Phát	DHOT13D	15	3.27	Giỏi	Khá	6,125,000	
18	17024821	Phạm Công Đức	Dũng	DHOT13B	15	3.2	Giỏi	Khá	6,125,000	
19	17017051	Nguyễn Trung	Hậu	DHOT13A	17	3.3	Giỏi	Khá	6,125,000	
V. KHOA CÔNG NGHỆ HÓA									589,725,000	
1	15085601	Phạm Trần Hoàng	Lam	DHHO11D	24	3.59	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	15041471	Huỳnh Thái	Ngọc	DHHO11B	24	3.59	Giỏi	Khá	6,125,000	
3	15057821	Trần Phước	Sang	DHPT11A	19	3.59	Giỏi	Khá	6,125,000	
4	15109161	Trần Đặng Anh	Thư	DHHO11DTT	20	3.56	Giỏi	Khá	8,400,000	
5	15085131	Phạm Thị Cẩm	Tiên	DHHO11C	24	3.56	Giỏi	Khá	6,125,000	
6	15018891	Nguyễn Trần Kim	Tiền	DHPT11A	19	3.56	Giỏi	Khá	6,125,000	
7	15015491	Vũ Đoàn Khánh	Linh	DHHO11A	20	3.55	Giỏi	Khá	6,125,000	
8	15108251	Đặng Nguyên Thiên	Nhi	DHHO11CTT	24	3.54	Giỏi	Khá	8,400,000	
9	15084091	Phan Nhật	Phát	DHHO11E	20	3.54	Giỏi	Khá	6,125,000	
10	15092901	Võ Hồng Thanh	Thúy	DHHO11E	24	3.54	Giỏi	Khá	6,125,000	
11	15094781	Ngô Vũ Minh	Châu	DHHO11BTT	20	3.51	Giỏi	Khá	8,400,000	
12	15043951	Trần Thị Nhị	Nữ	DHPT11A	19	3.51	Giỏi	Khá	6,125,000	
13	15092941	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DHHO11E	24	3.51	Giỏi	Khá	6,125,000	
14	15050111	Nguyễn Hoàng	Phúc	DHHO11E	24	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
15	15030841	Trần Đình	Hào	DHHO11ATT	20	3.48	Giỏi	Khá	8,400,000	
16	15084061	Nguyễn Nam	Phi	DHPT11A	19	3.48	Giỏi	Khá	6,125,000	
17	15053641	Nguyễn Văn	Quang	DHPT11A	19	3.48	Giỏi	Khá	6,125,000	
18	15044531	Trà Phương	Trinh	DHHO11BTT	20	3.47	Giỏi	Khá	6,000,000	
19	15056751	Đặng Thị Tâm	Tuyền	DHPT11A	23	3.47	Giỏi	Khá	4,375,000	
20	15106501	Nguyễn Hữu	Kha	DHHO11DTT	20	3.46	Giỏi	Khá	6,000,000	
21	15107721	Bùi Thái	Việt	DHHO11DTT	20	3.46	Giỏi	Khá	6,000,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
22	15028301	Võ Đức	Minh	DHHO11A	24	3.45	Giỏi	Khá	4,375,000	
23	15104811	Nguyễn Hoàng	Phông	DHHO11CTT	24	3.45	Giỏi	Khá	6,000,000	
24	15083521	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DHHO11C	20	3.45	Giỏi	Khá	4,375,000	
25	15031581	Cao Thị Kim	Ngân	DHHO11A	20	3.44	Giỏi	Khá	4,375,000	
26	15027421	Vũ Xuân	Thành	DHHO11A	24	3.44	Giỏi	Khá	4,375,000	
27	15020391	Nguyễn Lê Tiến	Thành	DHHO11ATT	20	3.44	Giỏi	Khá	6,000,000	
28	15092871	Phạm Thị Thu	Thảo	DHHO11E	20	3.44	Giỏi	Khá	4,375,000	
29	15040951	Huỳnh Thị	Báu	DHHO11B	27	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
30	15056911	Nguyễn Hữu	Khương	DHHO11D	24	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
31	15055431	Nguyễn Thọ	Mỹ	DHHO11E	20	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
32	15048791	Lương Thị Như	Ngọc	DHHO11E	24	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
33	15048851	Lương Trần Thiên	Hào	DHPT11A	19	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
34	15070071	Võ Thị Thu	Hiền	DHHO11D	24	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
35	15013291	Lê Minh	Hiếu	DHHO11ATT	20	3.42	Giỏi	Khá	6,000,000	
36	15066091	Lê Chúc	Phương	DHPT11A	19	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
37	15064651	Phạm Thị Thu	Thùy	DHPT11A	19	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
38	15069241	Cao Ngọc	Tuyền	DHPT11A	19	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
39	15083011	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	DHHO11C	22	3.41	Giỏi	Khá	4,375,000	
40	15034061	Nguyễn Lê	Vũ	DHPT11A	19	3.41	Giỏi	Khá	4,375,000	
41	15044291	Đoàn Thị Kim	Lai	DHHO11B	24	3.39	Giỏi	Khá	4,375,000	
42	15017841	Trần Thị Mỹ	Duyên	DHHO11A	24	3.38	Giỏi	Khá	2,625,000	
43	15045261	Trần Thị Mỹ	Hạnh	DHHO11D	24	3.38	Giỏi	Khá	2,625,000	
44	15101571	Dương Duy	Khôi	DHHO11BTT	24	3.38	Giỏi	Khá	3,600,000	
45	15034311	Võ Tiến	Quang	DHHO11A	24	3.38	Giỏi	Tốt	2,625,000	
46	15034831	Trần Bích	Diệu	DHHO11A	24	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
47	15061581	Nguyễn Xuân	Hùng	DHPT11A	19	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
48	15030211	Trần Minh	Nhật	DHPT11A	19	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
49	15106061	Lê Thành	Chát	DHHO11DTT	20	3.35	Giỏi	Khá	3,600,000	
50	15049401	Phạm Trương Minh	Hùng	DHHO11BTT	24	3.35	Giỏi	Khá	3,600,000	
51	15010091	Võ Trung	Hiếu	DHHO11ATT	20	3.34	Giỏi	Khá	3,600,000	
52	15022801	Trương Thị Thanh	Hương	DHHO11A	24	3.34	Giỏi	Khá	2,625,000	
53	15083701	Phạm Thị Hoàng	Nha	DHPT11A	19	3.34	Giỏi	Khá	2,625,000	
54	15103461	Nguyễn Hoàn	Sơn	DHHO11CTT	24	3.34	Giỏi	Khá	3,600,000	
55	15011311	Trần Ngọc Minh	Châu	DHHO11ATT	20	3.33	Giỏi	Khá	3,600,000	
56	15028291	Võ Hữu Minh	Chiến	DHHO11A	24	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
57	15021981	Huỳnh Châu	Âu	DHHO11ATT	20	3.32	Giỏi	Khá	3,600,000	
58	15030221	Văn Công	Hiệp	DHHO11A	24	3.32	Giỏi	Khá	2,625,000	
59	15070471	Lê Huỳnh	Nhu	DHHO11E	24	3.32	Giỏi	Tốt	2,625,000	
60	15061701	Lê Trần Xuân	Thùy	DHPT11A	19	3.32	Giỏi	Khá	2,625,000	
61	15055541	Nguyễn Ngọc	Vy	DHPT11A	19	3.32	Giỏi	Khá	2,625,000	
62	15056691	Võ Trần Trần	Ly	DHPT11A	19	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
63	15108141	Lê Kim	Ngân	DHHO11DTT	20	3.3	Giỏi	Khá	3,600,000	
64	15081691	Phạm Thị	Ngọc	DHPT11A	19	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
65	15064041	Lê Thị Hải	Yến	DHHO11C	24	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
66	15104941	Huỳnh Văn	Công	DHHO11CTT	28	3.29	Giỏi	Khá	3,600,000	
67	15103541	Bùi Thanh	Trang	DHHO11CTT	24	3.29	Giỏi	Khá	3,600,000	
68	15073691	Trần Thị	Hà	DHPT11A	19	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
69	15027241	Phan Lê Huyền	Trang	DHPT11A	19	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
70	15028521	Phan Nguyễn Ngọc	Hà	DHPT11A	23	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
71	15084081	Trần Văn	Hiếu	DHHO11D	26	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
72	15105251	Lê Hoài	Thương	DHHO11CTT	24	3.26	Giỏi	Khá	3,600,000	
73	15080041	Lê Thị Bích	Trâm	DHHO11C	20	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
74	15070501	Phạm Thị Kim	Yến	DHHO11C	24	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
75	15058741	Huỳnh Phạm Phương	Giao	DHHO11BTT	20	3.25	Giỏi	Khá	3,600,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
76	15076861	Tần Võ Minh	Khang	DHHO11D	20	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
77	15063731	Trần Phương	Thi	DHHO11BTT	24	3.25	Giỏi	Khá	3,600,000	
78	15093391	Phan Thị Bình	Châu	DHPT11A	19	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
79	15060701	Trần Thành	Công	DHHO11D	24	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
80	15106441	Nguyễn Trâm	Anh	DHHO11DTT	20	3.23	Giỏi	Khá	3,600,000	
81	15023661	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DHHO11A	20	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
82	15029881	Đỗ Minh	Thảo	DHHO11A	27	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
83	15033461	Nguyễn Công	Thiên	DHPT11A	26	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
84	15106651	Lương Quang	Vinh	DHHO11DTT	20	3.23	Giỏi	Khá	3,600,000	
85	15027481	Vũ Xuân	Đạt	DHHO11A	24	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
86	15061991	Lê Thị Xuân	Lan	DHHO11D	24	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
87	15075161	Mai Anh	Viên	DHHO11C	23	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
88	15102791	Võ Anh	Thư	DHHO11CTT	24	3.21	Giỏi	Khá	3,600,000	
89	15037481	Nguyễn Phước	Toàn	DHPT11A	19	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
90	15093531	Bùi Thanh	Dũng	DHHO11E	20	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
91	15081321	Nguyễn Thị Trinh	Nguyên	DHHO11E	20	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
92	15097951	Lê Thị Kiều	Oanh	DHHO11E	20	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
93	15022721	Nguyễn Thị Thanh	Tùng	DHHO11B	27	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
94	16043491	Trần Tiến	Anh	DHHO12ATT	17	3.59	Giỏi	Khá	8,400,000	
95	16066281	Huỳnh Kim	Phụng	DHPT12A	18	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
96	16032521	Châu Nguyễn Kiều	Tiên	DHPT12A	18	3.55	Giỏi	Tốt	6,125,000	
97	16016631	Lương Thụy Khánh	Vân	DHHO12A	17	3.54	Giỏi	Tốt	6,125,000	
98	16010031	Đỗ Trần Hồng	Hạt	DHPT12A	18	3.51	Giỏi	Khá	6,125,000	
99	16024611	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	DHPT12A	18	3.49	Giỏi	Khá	6,125,000	
100	16049501	Nguyễn Vũ Phương	Uyên	DHPT12A	18	3.49	Giỏi	Tốt	6,125,000	
101	16028391	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	DHPT12A	23	3.45	Giỏi	Khá	6,125,000	
102	16052681	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	DHPT12A	18	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	DHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
103	16036031	Lê Thị Kim	Tuyền	DHPT12A	18	3.39	Giỏi	Khá	4,375,000	
104	16015201	Hoàng Anh	Thi	DHPT12A	18	3.38	Giỏi	Khá	4,375,000	
105	16011611	Nguyễn Kiều	Trang	DHPT12A	22	3.38	Giỏi	Khá	4,375,000	
106	16031821	Nguyễn Thanh	Trúc	DHPT12A	22	3.36	Giỏi	Tốt	4,375,000	
107	16044121	Phạm Thanh	Xuân	DHPT12A	18	3.36	Giỏi	Khá	4,375,000	
108	16067461	Đặng Đoàn Phương	Uyên	DHPT12A	15	3.35	Giỏi	Khá	4,375,000	
109	16064771	Nguyễn Thanh Khánh	Linh	DHPT12A	22	3.34	Giỏi	Khá	4,375,000	
110	16024221	Huỳnh	Như	DHPT12A	23	3.34	Giỏi	Khá	4,375,000	
111	16019641	Ngũ Ngọc Như	Quỳnh	DHHO12A	18	3.33	Giỏi	Tốt	4,375,000	
112	16034731	Nguyễn Thanh	Văn	DHHO12B	15	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
113	16050811	Đặng Thị Thu	Trang	DHHO12D	15	3.3	Giỏi	Tốt	4,375,000	
114	16019841	Nguyễn Lê Lam	Tường	DHPT12A	18	3.3	Giỏi	Khá	4,375,000	
115	16038721	Nguyễn Thị Hoài	Thịnh	DHHO12B	17	3.29	Giỏi	Khá	4,375,000	
116	16011591	Nguyễn Hữu	Toán	DHPT12A	23	3.29	Giỏi	Khá	4,375,000	
117	16016191	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	DHPT12A	18	3.27	Giỏi	Khá	4,375,000	
118	16010221	Chế	Lee	DHPT12A	18	3.27	Giỏi	Khá	4,375,000	
119	16040071	Nguyễn Thị Mai	Phương	DHHO12D	15	3.27	Giỏi	Khá	4,375,000	
120	16049551	Phạm Thị Thảo	Lan	DHPT12A	18	3.26	Giỏi	Tốt	2,625,000	
121	16064991	Nguyễn Thị Long	ấn	DHHO12D	16	3.25	Giỏi	Xuất sắc	2,625,000	
122	16065771	Nguyễn Thị Kim	Toàn	DHPT12A	18	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
123	16038121	Trần Thị Thu	Quyên	DHPT12A	18	3.24	Giỏi	Tốt	2,625,000	
124	16033171	Nguyễn Đình Duy	Tân	DHPT12A	18	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
125	16037081	Lê Thị	Thâm	DHPT12A	21	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
126	16039211	Đoàn Thị Mỹ	Hội	DHHO12C	17	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
127	17030601	Nguyễn Vũ Tuyết	Mai	DHPT13A	16	3.55	Giỏi	Khá	6,125,000	
128	17013641	Nguyễn Hồng Yến	Xuân	DHHC13A	19	3.54	Giỏi	Khá	6,125,000	
129	17046051	Hoàng Thị	Hồng	DHHC13A	16	3.48	Giỏi	Tốt	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
130	17014461	Ngô Nguyễn Đình	Tuấn	DHHC13A	16	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
131	17103891	Phạm Lê Quỳnh	Tiên	DHPT13A	18	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
132	17087711	Đỗ Minh	Đức	DHHD13A	16	3.34	Giỏi	Khá	6,125,000	
133	17025761	Nguyễn Trường Thanh	Vũ	DHHC13A	20	3.32	Giỏi	Khá	6,125,000	
134	17103781	Nguyễn Thị	Huệ	DHHD13A	18	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
135	17047241	Huỳnh Phú	Thịnh	DHVC13A	15	3.24	Giỏi	Khá	6,125,000	
136	17015391	Hồng Lâm Gia	Nghi	DHPT13A	18	3.2	Giỏi	Khá	6,125,000	
VI. KHOA CÔNG NGHỆ MAY THỜI TRANG									611,625,000	
1	15050961	Trần Thị Bạch	Huệ	DHTR11D	16	3.59	Giỏi	Khá	4,375,000	
2	15047771	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	DHTR11C	16	3.58	Giỏi	Khá	4,375,000	
3	15080971	Nguyễn Hoàng Bảo	Thanh	DHTR11C	16	3.58	Giỏi	Khá	4,375,000	
4	15064291	Lê Thị Ngọc	Diễm	DHTR11D	16	3.56	Giỏi	Khá	4,375,000	
5	15049421	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	DHTR11D	16	3.56	Giỏi	Khá	4,375,000	
6	15089741	Nguyễn Huỳnh	Mai	DHTR11B	16	3.56	Giỏi	Khá	4,375,000	
7	15073861	Đào Thị	Thắm	DHTR11C	16	3.56	Giỏi	Tốt	4,375,000	
8	15037321	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DHTR11B	16	3.56	Giỏi	Khá	4,375,000	
9	15088281	Võ Thị Nhí	An	DHTR11A	16	3.55	Giỏi	Khá	4,375,000	
10	15027971	Phạm Ngọc	Châu	DHTR11A	16	3.55	Giỏi	Khá	4,375,000	
11	15019121	Vy Thị Thúy	Hạnh	DHTR11A	16	3.55	Giỏi	Khá	4,375,000	
12	15065741	Nguyễn Thanh	Thảo	DHTR11C	16	3.55	Giỏi	Khá	4,375,000	
13	15046101	Dương Thị	Diễm	DHTR11D	16	3.54	Giỏi	Khá	2,625,000	
14	15055071	Nguyễn Thị Phương	Lan	DHTR11B	16	3.54	Giỏi	Khá	2,625,000	
15	15038771	Trần Thị Trúc	Linh	DHTR11B	16	3.54	Giỏi	Khá	2,625,000	
16	15095661	Nguyễn Thị Ngọc	Trí	DHTR11D	16	3.54	Giỏi	Khá	2,625,000	
17	15078391	Nguyễn Xuân	Đạt	DHTKTR11A	17	3.53	Giỏi	Khá	2,625,000	
18	15085551	Tạ Thu	Hằng	DHTKTR11A	17	3.53	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
19	15092401	Lê Thị Thùy	Linh	DHTKTR11A	17	3.51	Giỏi	Khá	2,625,000	
20	15073181	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	DHTKTR11A	17	3.51	Giỏi	Khá	2,625,000	
21	15029671	Nguyễn Thị	Mai	DHTR11A	16	3.49	Giỏi	Khá	2,625,000	
22	15031571	Nguyễn Thị Như	Ngọc	DHTR11A	16	3.49	Giỏi	Khá	2,625,000	
23	15079591	Mai Thị Thu	Trâm	DHTR11B	16	3.49	Giỏi	Khá	2,625,000	
24	15048941	Nguyễn Thị Thúy	Vân	DHTR11B	16	3.49	Giỏi	Khá	2,625,000	
25	15067311	Võ Thị Kim	Hồng	DHTR11D	16	3.48	Giỏi	Khá	2,625,000	
26	15065871	Trần Thị Cẩm	Tiên	DHTR11B	16	3.48	Giỏi	Khá	2,625,000	
27	15031021	Trần Thị ý	Lan	DHTR11A	16	3.46	Giỏi	Khá	2,625,000	
28	15041221	Phạm Thị Thùy	Dương	DHTR11B	16	3.45	Giỏi	Khá	2,625,000	
29	15045291	Lê Thị Cẩm	Duyên	DHTKTR11A	17	3.45	Giỏi	Khá	2,625,000	
30	15016111	Đinh Thuý	Hường	DHTR11A	16	3.45	Giỏi	Khá	2,625,000	
31	15017501	Chu Thị Thùy	Linh	DHTR11A	16	3.45	Giỏi	Khá	2,625,000	
32	15085741	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	DHTR11C	16	3.45	Giỏi	Khá	2,625,000	
33	15049361	Huỳnh Thị Diễm	My	DHTR11C	16	3.45	Giỏi	Khá	2,625,000	
34	15060441	Lê Thị Hải	Ngân	DHTR11C	16	3.45	Giỏi	Khá	2,625,000	
35	15099951	Lê Thị Thúy	Phượng	DHTR11A	16	3.45	Giỏi	Khá	2,625,000	
36	15081071	Bùi Thị Thu	Thào	DHTR11C	16	3.45	Giỏi	Khá	2,625,000	
37	15094511	Đông Nguyễn Quỳnh	Trang	DHTKTR11A	17	3.45	Giỏi	Khá	2,625,000	
38	15072171	Huỳnh Ngọc Bảo	Yến	DHTR11B	16	3.45	Giỏi	Khá	2,625,000	
39	15043711	Hồ Thị Linh	Đan	DHTR11B	16	3.44	Giỏi	Khá	2,625,000	
40	15059521	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	DHTR11D	16	3.44	Giỏi	Khá	2,625,000	
41	15047971	Trương Thị Ngọc	Nhân	DHTR11C	16	3.44	Giỏi	Khá	2,625,000	
42	15070951	Phạm Nguyễn Hoài	Tâm	DHTR11C	16	3.44	Giỏi	Khá	2,625,000	
43	15047791	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	DHTR11B	16	3.44	Giỏi	Khá	2,625,000	
44	15069511	Trần Huệ	Chi	DHTR11D	16	3.43	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
45	15029761	Võ Thị Thúy	Hằng	DHTR11A	16	3.43	Giỏi	Khá	2,625,000	
46	15068431	Lê Thị Trúc	Loan	DHTR11C	16	3.43	Giỏi	Khá	2,625,000	
47	15070991	Đình Thị	Quyên	DHTR11C	16	3.43	Giỏi	Khá	2,625,000	
48	15021441	Nguyễn Tường	Vi	DHTR11A	16	3.43	Giỏi	Khá	2,625,000	
49	15042331	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	DHTR11B	16	3.41	Giỏi	Khá	2,625,000	
50	15056991	Lưu Xuân	Hoàn	DHTR11D	16	3.39	Giỏi	Khá	2,625,000	
51	15063671	Nguyễn Thị	Huyền	DHTR11D	16	3.39	Giỏi	Khá	2,625,000	
52	15054481	Huỳnh Thị Như	Huỳnh	DHTKTR11A	17	3.39	Giỏi	Khá	2,625,000	
53	15073291	Nguyễn Thị	Siêm	DHTKTR11A	17	3.39	Giỏi	Khá	2,625,000	
54	15060391	Huỳnh Ngọc Thạch	Thảo	DHTR11C	16	3.39	Giỏi	Khá	2,625,000	
55	15069941	Nguyễn Thị Bạch	Cúc	DHTR11D	16	3.38	Giỏi	Khá	2,625,000	
56	15049861	Trương Tiểu	Duy	DHTR11D	16	3.38	Giỏi	Khá	2,625,000	
57	15026311	Lê Thị Yến	Nhi	DHTR11A	16	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
58	15071371	Trần Thị Yến	Nhi	DHTR11C	16	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
59	15077321	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	DHTR11C	16	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
60	15075791	Phạm Thanh	Phương	DHTR11C	16	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
61	15075031	Nguyễn Thị	Sương	DHTR11C	16	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
62	15051381	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	DHTR11B	16	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
63	15033821	Trần Uyên Niêm	Trà	DHTR11A	16	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
64	15090111	Trần Thị Phương	An	DHTR11A	16	3.35	Giỏi	Khá	2,625,000	
65	15087421	Nguyễn Bảo	Châu	DHTR11D	16	3.35	Giỏi	Khá	2,625,000	
66	15038081	Dương Thị Ngọc	Hiếu	DHTR11B	16	3.35	Giỏi	Khá	2,625,000	
67	15081571	Phan Thị	Lam	DHTKTR11A	17	3.35	Giỏi	Khá	2,625,000	
68	15039161	Trương Thị Kim	Loan	DHTR11B	16	3.35	Giỏi	Khá	2,625,000	
69	15057711	Lê Khánh	Vy	DHTKTR11A	17	3.35	Giỏi	Khá	2,625,000	
70	15062731	Trần Thị Thiên	Nga	DHTR11C	16	3.34	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	DHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
71	15096301	Phan Thị Kiều	Nhi	DHTR11B	16	3.34	Giỏi	Khá	2,625,000	
72	15056011	Trần Thị	An	DHTR11D	16	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
73	15026541	Đỗ Văn	Anh	DHTR11A	16	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
74	15067211	Nguyễn Thị	Hiền	DHTR11D	16	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
75	15031851	Mạc Thị Thanh	Ngân	DHTR11A	16	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
76	15051371	Nguyễn Ngọc Hải	Quỳnh	DHTR11C	16	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
77	15089621	Trần Thị Hồng	Sương	DHTR11C	16	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
78	15033531	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	DHTR11A	16	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
79	15024061	Nguyễn Thị Thanh	Thy	DHTR11A	16	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
80	15042171	Nguyễn Thị Thuý	Vân	DHTR11A	16	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
81	15063371	Nguyễn Thị Quế	Anh	DHTR11D	16	3.31	Giỏi	Khá	2,625,000	
82	15051031	Châu ánh	Dương	DHTR11D	16	3.31	Giỏi	Khá	2,625,000	
83	15081351	Hoàng Thị Trà	Giang	DHTR11D	16	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
84	15094431	Võ Thị Hồng	Mơ	DHTKTR11A	17	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
85	15089971	Nguyễn Thị Thúy	Vân	DHTR11D	16	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
86	15087031	Nguyễn Thị	ánh	DHTR11D	16	3.29	Giỏi	Khá	2,625,000	
87	15049891	Nguyễn Thuy Khánh	Ly	DHTR11C	16	3.29	Giỏi	Khá	2,625,000	
88	15089511	Nguyễn Thị Tư	Sa	DHTKTR11A	17	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
89	15093301	Nguyễn Thị Cẩm	Diễn	DHTR11A	16	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
90	15081951	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	DHTR11D	16	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
91	15059931	Tạ Thị Ngọc	Thơm	DHTR11B	16	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
92	15045441	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	DHTR11B	16	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
93	15061961	Vương Thị	Hà	DHTR11D	16	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
94	15087291	Lê Thị Phượng	Hằng	DHTR11D	16	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
95	15060801	Nguyễn Thị Thu	Trang	DHTR11B	16	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
96	15047651	Lê Trần Tố	Uyên	DHTR11B	16	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
97	15057891	Trần Thị Tuyết	Mai	DHTR11C	16	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
98	15091711	Nguyễn Tuyết	Trinh	DHTKTR11A	17	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
99	15054951	Lê Thị	Bé	DHTR11D	16	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
100	15078051	Nguyễn Thị Tuyết	Nga	DHTKTR11A	17	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
101	15038511	Phạm Thị Trà	Bông	DHTR11B	16	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
102	15068721	Phan Thị	Hà	DHTR11D	16	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
103	15097241	Thái Thị Bích	Hiền	DHTR11A	18	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
104	15068541	Trần Thị	Hồng	DHTR11D	16	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
105	15094751	Đặng Thị Mỹ	Loan	DHTR11C	16	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
106	15072541	Trần Kim Ngọc	Quyên	DHTR11C	16	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
107	15077221	Võ Thị Ngọc	Trâm	DHTR11B	16	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
108	15085011	Phạm Thị Thùy	Trang	DHTR11B	16	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
109	16021011	Huỳnh Thị Bích	Vân	DHTR12A	18	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
110	16014851	Hoàng Thị	Hà	DHTKTR12A	22	3.57	Giỏi	Khá	6,125,000	
111	16037361	Huỳnh Thị	Trinh	DHTR12C	18	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
112	16015221	Phạm Lê Hồng	Phụng	DHTR12A	18	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
113	16065341	Lê Thị Kim	Diễn	DHTR12C	18	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
114	16020831	Nguyễn Thị Xuân	Hoa	DHTR12A	18	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
115	16024121	Lê Đào Xuân	Hương	DHTR12B	18	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
116	16034031	Lê Thị	Lan	DHTR12B	18	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
117	16030451	Nguyễn Vương Mỹ	Hào	DHTR12B	18	3.47	Giỏi	Khá	6,125,000	
118	16062501	Lê Thị Mỹ	Duyên	DHTR12B	18	3.45	Giỏi	Khá	4,375,000	
119	16022051	Phan Thị Mỹ	Nghiêm	DHTR12A	18	3.44	Giỏi	Khá	4,375,000	
120	16013941	Nguyễn Thị	Thùy	DHTKTR12A	20	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
121	16029581	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	DHTR12B	18	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
122	16027271	Nguyễn Thị Thu	Tâm	DHTR12B	18	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
123	16045871	Dương Thị Phương	Trang	DHTKTR12A	20	3.41	Giỏi	Khá	4,375,000	
124	16021651	Lê Trần Kỳ	Hoa	DHTR12A	18	3.38	Giỏi	Khá	4,375,000	
125	16022731	Bạch Hải	Vân	DHTR12A	18	3.37	Giỏi	Khá	4,375,000	
126	16018611	Đoàn Thị Hồng	Thắm	DHTR12A	18	3.36	Giỏi	Khá	4,375,000	
127	16027791	Ngô Thị Thanh	Xuân	DHTR12A	18	3.36	Giỏi	Khá	4,375,000	
128	16030421	Nguyễn Ngọc	ánh	DHTR12B	18	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
129	16065501	Lê Thị Bạch	Cúc	DHTR12C	18	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
130	16018131	Đặng Thị Phương	Duyên	DHTR12A	18	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
131	16051681	Trần Thị Kim	Huệ	DHTR12A	18	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
132	16018241	Phạm Thị Kim	Ngân	DHTR12A	18	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
133	16067051	Đoàn Thị Ngọc	Anh	DHTR12C	18	3.31	Giỏi	Khá	2,625,000	
134	16063761	Lê Thị Ngọc	Nhi	DHTR12A	18	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
135	16021411	Tạ Đỗ Anh	Vy	DHTR12A	18	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
136	16030161	Đoàn Thị Hải	Yến	DHTR12A	18	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
137	16026221	Đặng Thị Thuý	Linh	DHTKTR12A	20	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
138	16041361	Đặng Thị Yến	Nhi	DHTR12B	18	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
139	16038501	Lê Nguyễn Thị	Tính	DHTR12C	18	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
140	16044981	Phạm Thị Ngọc	Trân	DHTKTR12A	20	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
141	16049181	Phạm Thị	Cúc	DHTR12C	18	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
142	16052701	Đình Thị Hương	Lan	DHTKTR12A	18	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
143	16031881	Nguyễn Thị Thúy	My	DHTR12B	18	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
144	16033011	Phạm Thị Huyền	Trang	DHTKTR12A	22	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
145	16060481	Phan Thị Châu	Âu	DHTR12C	20	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
146	16032711	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	DHTR12B	18	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
147	16047911	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	DHTR12C	15	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
148	16046941	Phan Tiểu	Phương	DHTKTR12A	20	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	DHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
149	17039941	Vũ Thị	Vui	DHTR13A	19	3.56	Giỏi	Khá	6,125,000	
150	17015211	Nguyễn Trần Khả	Vy	DHTR13A	19	3.56	Giỏi	Khá	6,125,000	
151	17013551	Đỗ Thị Thu	Hiền	DHTR13A	19	3.55	Giỏi	Khá	6,125,000	
152	17100791	Nguyễn Nhật	Duy	DHTKTR13A	17	3.49	Giỏi	Khá	6,125,000	
153	17012561	Lê Thị Kiều	Quyên	DHTR13A	15	3.49	Giỏi	Tốt	6,125,000	
154	17067801	Lê Thị Ngọc	Hạnh	DHTKTR13A	19	3.48	Giỏi	Khá	6,125,000	
155	17094841	Nguyễn Phúc Hoài	Thanh	DHTR13C	15	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	
156	17108641	Nguyễn Thủy	Diệu	DHTR13C	15	3.4	Giỏi	Khá	6,125,000	
157	17067721	Nguyễn Thu Mai	Thuân	DHTR13B	17	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	
158	17064021	Lý Thị Kim	Mộng	DHTR13B	15	3.37	Giỏi	Tốt	6,125,000	
159	17077151	Triệu Thị	Trang	DHTR13C	19	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
160	17068671	Dương Thị	Loan	DHTKTR13A	17	3.35	Giỏi	Khá	4,375,000	
161	17026491	Trương Nguyễn Thúy	Đoan	DHTR13A	19	3.32	Giỏi	Khá	4,375,000	
162	17105441	Tạ Thị Lan	Huyền	DHTR13C	15	3.31	Giỏi	Khá	4,375,000	
163	17013701	Nguyễn Thy	Thư	DHTR13A	15	3.31	Giỏi	Khá	4,375,000	
164	17028431	Nguyễn ái	Ngân	DHTR13A	17	3.3	Giỏi	Khá	4,375,000	
165	17062921	Nguyễn Thị Trúc	Linh	DHTR13C	17	3.28	Giỏi	Khá	4,375,000	
166	17014061	Trần Tú	Anh	DHTR13A	19	3.27	Giỏi	Khá	4,375,000	
167	17070901	Đỗ Minh	Cang	DHTKTR13A	17	3.27	Giỏi	Khá	4,375,000	
168	17080671	Nguyễn Thị Thúy	Nguyên	DHTR13C	19	3.27	Giỏi	Khá	4,375,000	
169	17024861	Ngô Thị Thanh	Nguyệt	DHTR13A	17	3.27	Giỏi	Khá	4,375,000	
170	17013241	Võ Thị Thanh	Tâm	DHTR13A	17	3.25	Giỏi	Khá	4,375,000	
171	17070301	Nguyễn Thị Thảo	Mai	DHTR13B	17	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
172	17062611	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	DHTR13B	15	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
173	17050581	Võ Đình	Quân	DHTR13B	17	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
174	17017191	Tăng Ngọc	Quê	DHTR13A	17	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
175	17080661	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	DHTR13C	19	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
176	17038531	Tạ Thị Thúy	An	DHTKTR13A	19	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
177	17037721	Võ Hà Hương	Giang	DHTR13A	19	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
178	17052081	Mai Thị Thu	Huyền	DHTR13B	19	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
179	17047441	Nguyễn Thị Thùy	Dung	DHTR13B	17	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
180	17039911	Đình Thị	Nhung	DHTR13A	19	3.21	Giỏi	Tốt	2,625,000	
181	17066851	Trương Thị Minh	Thư	DHTR13B	17	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
VII. KHOA CÔNG NGHỆ NHIỆT LẠNH									54,250,000	
1	15049371	Lê Hà Đông	Quân	DHNL11D	18	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	16012891	Nguyễn Thị	Hằng	DHNL12A	19	3.45	Giỏi	Khá	6,125,000	
3	16063381	Lê Thị Phương	Thảo	DHNL12B	24	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
4	16025491	Châu Trúc	Ngân	DHNL12A	19	3.42	Giỏi	Khá	6,125,000	
5	16011151	Nguyễn Thành	Nhân	DHNL12A	19	3.32	Giỏi	Khá	6,125,000	
6	16069851	Dương Văn	Nam	DHNL12A	18	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
7	16046581	Phạm Hoàng	Hải	DHNL12B	16	3.3	Giỏi	Khá	4,375,000	
8	16013881	Võ Hồ Nhật	Tân	DHNL12A	15	3.27	Giỏi	Khá	4,375,000	
9	16013561	Nguyễn Minh	Cường	DHNL12A	21	3.24	Giỏi	Khá	4,375,000	
10	16042951	Nguyễn Văn	Thuận	DHNL12B	15	3.23	Giỏi	Khá	4,375,000	
VIII. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN									360,500,000	
1	15015931	Đỗ Văn	Tính	DHKTPM11BTT	16	3.55	Giỏi	Khá	8,400,000	
2	15010511	Trần Trung	Nghĩa	DHKTPM11ATT	16	3.4	Giỏi	Khá	8,400,000	
3	15013181	Nguyễn Phi Hoàng	Vũ	DHKTPM11A	16	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
4	15082891	Huỳnh Thế	Sơn	DHKTPM11A	16	3.25	Giỏi	Khá	6,125,000	
5	16023091	Công Phạm Quốc	Việt	DHKTPM12ATT	19	3.44	Giỏi	Tốt	8,400,000	
6	16038621	Nguyễn Lê Nam	Anh	DHKTPM12ATT	24	3.39	Giỏi	Khá	8,400,000	
7	16035801	Huỳnh Cao Hữu	Linh	DHKTPM12A	16	3.39	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
8	16012231	Nguyễn Đăng	Khoa	DHKTPM12A	22	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
9	16033891	Huỳnh Gia	Tuệ	DHCNTT12B	20	3.25	Giỏi	Khá	6,125,000	
10	16021821	Võ Tấn	Lực	DHKHMT12A	27	3.23	Giỏi	Khá	6,125,000	
11	16040991	Nguyễn Xuân Trường	Giang	DHKTPM12A	21	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
12	16035741	Doãn Trần Tuấn	Đạt	DHKHMT12A	24	3.2	Giỏi	Khá	6,125,000	
13	16016921	Đoàn Xuân	Hậu	DHKTPM12A	21	3.2	Giỏi	Khá	6,125,000	
14	17045061	Nguyễn Thế	Duy	DHKHMT13A	19	3.58	Giỏi	Tốt	6,125,000	
15	17105431	Lê Kế	Hiền	DHKTPM13CTT	23	3.58	Giỏi	Khá	9,800,000	
16	17012991	Kiều Tâm	Đình	DHKHMT13A	19	3.55	Giỏi	Khá	6,125,000	
17	17098871	Võ Thanh	Nhàn	DHKTPM13CTT	21	3.5	Giỏi	Khá	9,800,000	
18	17051181	Nguyễn Thị Huyền	Trang	DHKHMT13A	19	3.47	Giỏi	Tốt	6,125,000	
19	17086661	Trương Thành	Công	DHKTPM13B	19	3.45	Giỏi	Khá	6,125,000	
20	17048081	Võ Vương Thành	Đạt	DHKHMT13A	19	3.45	Giỏi	Tốt	6,125,000	
21	17047201	Huỳnh Quốc	Hòa	DHKHMT13A	19	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
22	17089981	Nguyễn Đức	Nam	DHKHMT13A	17	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
23	17042871	Phan Thị Minh	Châu	DHKTPM13ATT	21	3.41	Giỏi	Khá	9,800,000	
24	17075361	Nguyễn Trọng	Tín	DHKHMT13A	19	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	
25	17076961	Nguyễn Thế	Hùng	DHKTPM13BTT	23	3.4	Giỏi	Khá	9,800,000	
26	17063441	Phạm Đức	Lợi	DHKTPM13B	17	3.4	Giỏi	Khá	6,125,000	
27	17083481	Phan Sang	Vô	DHKTPM13B	21	3.4	Giỏi	Tốt	6,125,000	
28	17080051	Đình Đăng	Khoa	DHKTPM13B	19	3.39	Giỏi	Khá	6,125,000	
29	17026801	Đình Văn	Thanh	DHHTTT13A	21	3.39	Giỏi	Khá	6,125,000	
30	17074781	Nguyễn Lương	Đạt	DHKTPM13B	21	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	
31	17087871	Tạ Minh	Hiếu	DHKTPM13B	19	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
32	17066491	Nguyễn Minh	Nhật	DHKHMT13A	19	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
33	17084751	Lê Minh	Hậu	DHKTPM13CTT	21	3.36	Giỏi	Khá	9,800,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
34	17066461	Trương Đình	Nguyên	DHKTPM13B	21	3.35	Giỏi	Khá	6,125,000	
35	17010481	Nguyễn Chí	Cường	DHKTPM13ATT	26	3.34	Giỏi	Khá	9,800,000	
36	17093501	Quách Minh	Tân	DHKHMT13A	23	3.31	Giỏi	Tốt	6,125,000	
37	17044401	Mai Thị Thanh	Thúy	DHKTPM13A	22	3.31	Giỏi	Tốt	6,125,000	
38	17025741	Nhan Vĩ	Nam	DHKTPM13ATT	23	3.29	Giỏi	Khá	9,800,000	
39	17081181	Nguyễn Vĩnh Minh	Tuyền	DHKTPM13B	19	3.27	Giỏi	Khá	6,125,000	
40	17102591	Phan Phùng	Hào	DHKHMT13A	19	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
41	17045111	Đỗ Tùng	Lâm	DHKHMT13A	15	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
42	17041271	Trần Hiếu	Nghĩa	DHKTPM13A	21	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
43	17046401	Nguyễn Văn	Nhon	DHKTPM13ATT	21	3.26	Giỏi	Khá	9,800,000	
44	17038441	Nguyễn Trương Bảo	Trâm	DHKTPM13A	21	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
45	17045181	Đỗ Thành	Quý	DHCNTT13A	19	3.25	Giỏi	Khá	4,375,000	
46	17102551	Phạm Minh	Dũng	DHKTPM13B	21	3.24	Giỏi	Khá	4,375,000	
47	17092091	Lê Thị Mỹ	Hạnh	DHHTTT13B	17	3.24	Giỏi	Tốt	4,375,000	
48	17107471	Võ Đức	Hoàng	DHKTPM13A	21	3.23	Giỏi	Khá	4,375,000	
49	17097091	Lâm Quang	Khánh	DHKHMT13A	19	3.22	Giỏi	Khá	4,375,000	
50	17070501	Nguyễn Nhật	Lý	DHKHMT13A	19	3.22	Giỏi	Khá	4,375,000	
51	17108081	Trương Thị Ngọc	Hằng	DHCNTT13B	19	3.21	Giỏi	Khá	4,375,000	
52	17104531	Nguyễn Hoàng	Hậu	DHKHMT13A	19	3.21	Giỏi	Khá	4,375,000	
53	17069161	Nguyễn Trọng	Tuấn	DHCNTT13B	19	3.21	Giỏi	Khá	4,375,000	
54	17080621	Lý Huy	Vân	DHKTPM13B	21	3.21	Giỏi	Tốt	4,375,000	
55	17093161	Trần Thế	Duy	DHKTPM13B	21	3.2	Giỏi	Khá	4,375,000	
56	17084111	Nguyễn Dương	Thanh	DHKHMT13A	23	3.2	Giỏi	Tốt	4,375,000	
IX. VIỆN CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỰC PHẨM									666,975,000	
1	15027941	Phạm Hoàng Mỹ	Duyên	DHTP11A	18	3.59	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	15064811	Cáp Thị	Quyên	DHSH11B	21	3.59	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
3	15059751	Trương Thị Mỹ	úc	DHSH11A	21	3.59	Giỏi	Khá	6,125,000	
4	15053421	Phạm Thị	Giang	DHTP11C	20	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
5	15014261	Lê Duy	Khang	DHSH11A	21	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
6	15048121	Lê Thị Thanh	Lài	DHSH11B	21	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
7	15085391	Nguyễn Lệ	Ngân	DHSH11B	21	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
8	15053751	Quách Chánh	Nghiệp	DHSH11B	21	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
9	15012091	Nguyễn Đỗ Thùy	Dương	DHSH11A	21	3.55	Giỏi	Khá	6,125,000	
10	15019941	Nguyễn Vũ	Linh	DHSH11A	21	3.54	Giỏi	Khá	6,125,000	
11	15059871	Nguyễn Trường	Sơn	DHSH11B	21	3.53	Giỏi	Khá	4,375,000	
12	15074991	Lê Thị Hà	Giang	DHTP11C	20	3.52	Giỏi	Khá	4,375,000	
13	15094771	Nguyễn Thị Tuyết	Nho	DHSH11A	21	3.52	Giỏi	Khá	4,375,000	
14	15055261	Phan Thị Kim	Cúc	DHSH11B	21	3.5	Giỏi	Khá	4,375,000	
15	15054991	Trịnh Thị	Thương	DHSH11B	21	3.49	Giỏi	Khá	4,375,000	
16	15084471	Nguyễn Thị	Vương	DHSH11A	21	3.49	Giỏi	Khá	4,375,000	
17	15094701	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DHTP11D	26	3.48	Giỏi	Khá	4,375,000	
18	15048131	Lê Thị	Giàu	DHTP11C	18	3.47	Giỏi	Khá	4,375,000	
19	15015201	Thái Phương	Linh	DHSH11A	21	3.47	Giỏi	Khá	4,375,000	
20	15071831	Phạm Thị Hồng	Đào	DHSH11B	21	3.45	Giỏi	Khá	4,375,000	
21	15093331	Lê Quốc	Thị	DHSH11A	25	3.45	Giỏi	Khá	4,375,000	
22	15082101	Đặng Thị Thanh	Hương	DHTP11C	20	3.44	Giỏi	Xuất sắc	4,375,000	
23	15088581	Mai Thị Kiều	Oanh	DHSH11B	21	3.44	Giỏi	Khá	4,375,000	
24	15079671	Phạm Thị	Huệ	DHTP11C	20	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
25	15081101	Lê Thị Tuyết	Thanh	DHSH11B	21	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
26	15094061	Lê Ngọc Quỳnh	Trâm	DHTP11D	26	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
27	15093711	Nguyễn Ngọc	Trang	DHSH11A	21	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
28	15078951	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	DHSH11B	21	3.4	Giỏi	Tốt	4,375,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
29	15064771	Nguyễn Ngọc	Trâm	DHSH11B	21	3.4	Giỏi	Khá	4,375,000	
30	15027211	Lê Thị Minh	Trang	DHTP11A	20	3.4	Giỏi	Khá	4,375,000	
31	15079611	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	DHSH11B	21	3.4	Giỏi	Khá	4,375,000	
32	15084711	Dương Thị Hải	Yến	DHSH11A	21	3.39	Giỏi	Khá	4,375,000	
33	15048371	Phan Thái Nguyệt	Diễm	DHSH11B	21	3.38	Giỏi	Khá	4,375,000	
34	15014331	Nông Thu	Hạnh	DHSH11A	21	3.38	Giỏi	Khá	4,375,000	
35	15045171	Trần Thiện	Phú	DHSH11A	21	3.38	Giỏi	Khá	4,375,000	
36	15046771	Trần Thị Thu	Thủy	DHSH11B	21	3.38	Giỏi	Tốt	4,375,000	
37	15032321	Đỗ Thị Minh	Thư	DHTP11A	23	3.37	Giỏi	Khá	2,625,000	
38	15032191	Huỳnh Thị Kim	Hân	DHSH11A	25	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
39	15033831	Hồ Bích	Trâm	DHTP11A	16	3.35	Giỏi	Khá	2,625,000	
40	15063071	Đào Thị Thu	Hằng	DHTP11C	20	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
41	15037311	Nguyễn Thị Thanh	Hương	DHTP11B	20	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
42	15022681	Phạm Phước	Nguyên	DHTP11A	26	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
43	15041791	Lê Hoàng	Phúc	DHTP11B	28	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
44	15047341	Trần Thị	Hòa	DHTP11C	18	3.32	Giỏi	Khá	2,625,000	
45	15022881	Trần Thị Trúc	Linh	DHSH11A	21	3.32	Giỏi	Khá	2,625,000	
46	15067131	Nguyễn Thị Bích	Nga	DHSH11B	21	3.32	Giỏi	Khá	2,625,000	
47	15067821	Nguyễn Hồng	Phát	DHSH11B	21	3.32	Giỏi	Khá	2,625,000	
48	15016421	Bạch Võ Hồng	Hạnh	DHTP11A	18	3.31	Giỏi	Khá	2,625,000	
49	15017561	Nguyễn Thị Vân	Trinh	DHTP11A	18	3.31	Giỏi	Khá	2,625,000	
50	15012971	Nguyễn Thị Minh	Châu	DHSH11A	21	3.29	Giỏi	Khá	2,625,000	
51	15045331	Nguyễn Thị Yến	Nhi	DHSH11A	21	3.29	Giỏi	Khá	2,625,000	
52	15035351	Trần Thị Cẩm	Tú	DHTP11A	20	3.29	Giỏi	Khá	2,625,000	
53	15071711	Hoàng Thị Trâm	Anh	DHSH11B	21	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
54	15055781	Trần Đào Như	Khai	DHSH11B	21	3.28	Giỏi	Tốt	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
55	15041491	Trần Quốc	Tân	DHTP11B	20	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
56	15040191	Huỳnh Thị Cẩm	Vân	DHSH11A	21	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
57	15080931	Võ Ngô	Trang	DHSH11B	24	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
58	15078861	Nguyễn Thị Lý	Yên	DHTP11B	26	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
59	15064891	Châu Thị Như	Huỳnh	DHTP11C	18	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
60	15038201	Huỳnh Lâm Kim	Khánh	DHTP11B	27	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
61	15080741	Võ Thị Duy	Phụng	DHTP11D	20	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
62	15093661	Phan Thị Quỳnh	Trang	DHTP11D	20	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
63	15071681	Huỳnh Phát	Triển	DHTP11B	18	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
64	15088221	Đỗ Thị Mai	Trinh	DHTP11D	26	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
65	15029591	Lê Nguyễn Trường	Khang	DHTP11A	24	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
66	15049171	Phạm Gia	Linh	DHSH11B	26	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
67	15055501	Trần Thị	Phượng	DHTP11D	26	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
68	15046651	Nguyễn Trần Bảo	Thi	DHSH11B	24	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
69	15084811	Trần Thị	Phượng	DHSH11B	21	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
70	15031991	Nguyễn Đức Anh	Tuấn	DHTP11A	22	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
71	15052561	Nguyễn Thị	Linh	DHTP11C	16	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
72	15065211	Huỳnh Thanh	Thào	DHTP11D	22	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
73	15083851	Phạm Minh	Thư	DHTP11B	20	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
74	15056871	Lê Xuân	Trường	DHTP11B	20	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
75	15094591	Nguyễn Thị	Tuyền	DHTP11D	26	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
76	15048751	Lê Thị	Điều	DHSH11B	21	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
77	15032171	Hồ Thanh	Hiếu	DHSH11A	25	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
78	15035631	Lê Thị Thu	Hường	DHTP11A	18	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
79	15018251	Bùi Thị Thu	Quyên	DHTP11A	18	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
80	15031351	Trần Thị Thanh	Nhàn	DHTP11A	26	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
81	15066121	Trần Thị Anh	Thy	DHTP11B	20	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
82	15037181	Huỳnh Châu	Đoan	DHTP11B	26	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
83	15035161	Nguyễn Quốc	Nguyên	DHSH11A	25	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
84	15011981	Lê Thị Kiều	Trinh	DHTP11ATT	30	3.2	Giỏi	Khá	3,600,000	
85	16037241	Hứa Trường	Chinh	DHSH12A	21	3.59	Giỏi	Khá	6,125,000	
86	16020541	Phạm Thị Thu	Thảo	DHTP12A	21	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
87	16044711	Nguyễn Thị ái	My	DHTP12B	24	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
88	16051111	Ngô Thị Thúy	Nga	DHSH12B	21	3.47	Giỏi	Khá	6,125,000	
89	16050661	Trần Thị Thanh	Tâm	DHSH12B	19	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
90	16066321	Nguyễn Trung	Hậu	DHSH12B	19	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
91	16040281	Đặng Ngọc Lin	Phăng	DHSH12A	19	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
92	16025031	Phạm Đông	Triều	DHSH12B	21	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	
93	16041841	Lữ Hùng	Cường	DHTP12B	23	3.4	Giỏi	Khá	6,125,000	
94	16041271	Lê Thị Thúy	Hòa	DHTP12A	21	3.4	Giỏi	Khá	6,125,000	
95	16026691	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phương	DHTP12A	21	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	
96	16019311	Dương Thị Kiều Ngọc	Yên	DHTP12ATT	23	3.35	Giỏi	Khá	8,400,000	
97	16016261	Nguyễn Tài	Thu	DHSH12A	24	3.34	Giỏi	Khá	6,125,000	
98	16065221	Giang Thanh	Thảo	DHTP12B	24	3.33	Giỏi	Khá	6,125,000	
99	16024781	Ngô Thị Xuân	Giàu	DHTP12A	18	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
100	16022201	Nguyễn Trần Phương	Linh	DHSH12B	21	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
101	16032531	Lâm Thị Hoàng	Mến	DHSH12A	22	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
102	16060311	Nguyễn Yên	Nhi	DHTP12ATT	23	3.3	Giỏi	Khá	8,400,000	
103	16048371	Hồ Huỳnh	Khả	DHSH12B	21	3.29	Giỏi	Khá	4,375,000	
104	16027671	Nguyễn Hồng Hải	My	DHSH12ATT	19	3.29	Giỏi	Khá	6,000,000	
105	16028271	Lê Ngọc	Anh	DHTP12A	21	3.28	Giỏi	Khá	4,375,000	
106	16028891	Nguyễn Thị Huỳnh	Dương	DHSH12A	22	3.28	Giỏi	Khá	4,375,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
107	16013531	Nguyễn Tuyết	Kha	DHSH12ATT	19	3.28	Giỏi	Khá	6,000,000	
108	16028501	Đỗ Thanh	Trúc	DHSH12ATT	19	3.28	Giỏi	Khá	6,000,000	
109	16072171	Nguyễn Trần Dạ	Khuyên	DHTP12B	23	3.27	Giỏi	Khá	4,375,000	
110	16023331	Hoàng Minh	Thi	DHTP12B	21	3.27	Giỏi	Khá	4,375,000	
111	16042801	Nguyễn Thanh	Thuận	DHSH12A	22	3.27	Giỏi	Khá	4,375,000	
112	16042841	Nguyễn Thuý	Tiên	DHSH12A	19	3.27	Giỏi	Khá	4,375,000	
113	16046631	Trần Nguyễn Diễm	Linh	DHSH12B	19	3.26	Giỏi	Khá	4,375,000	
114	16022911	Trần Thị Thảo	Vy	DHSH12A	24	3.25	Giỏi	Khá	4,375,000	
115	16057101	Lê Thị Thu	Hà	DHTP12ATT	25	3.24	Giỏi	Khá	6,000,000	
116	16026881	Nguyễn Hồng	Thắm	DHTP12A	21	3.24	Giỏi	Khá	4,375,000	
117	16032171	Nguyễn Thị Hoài	Thương	DHSH12B	23	3.24	Giỏi	Khá	4,375,000	
118	16027631	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	DHTP12A	21	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
119	16056351	Nguyễn Thị Kim	Khoa	DHSH12B	21	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
120	16051371	Trần Thị Thu	Thào	DHTP12B	24	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
121	16082131	Hồ Tấn	Tĩnh	DHSH12B	19	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
122	16055511	Trần Thị Tú	Văn	DHTP12B	23	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
123	16045521	Quách Thị Huyền	Mi	DHSH12B	23	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
124	16009721	Bùi Bảo	Kỳ	DHTP12ATT	23	3.21	Giỏi	Khá	3,600,000	
125	16013651	Đinh Thị Ngọc	Ngân	DHSH12A	24	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
126	16029341	Nguyễn Ngọc	Thy	DHTP12B	24	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
127	16050021	Trần Thị Mỹ	Nhi	DHTP12B	21	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
128	16019121	Hồ Thị Tường	Vi	DHSH12A	22	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
129	17095551	Lê Thị	Ngân	DHTP13D	16	3.54	Giỏi	Khá	6,125,000	
130	17073281	Huỳnh ái	Quy	DHDBTP13A	25	3.54	Giỏi	Khá	6,125,000	
131	17055441	Lê Thị	Diễm	DHDBTP13A	16	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
132	17061401	Võ Thị Cẩm	Giang	DHSH13B	22	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
133	17015631	Phạm Thị Kim	Như	DHSH13A	24	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
134	17069631	Nguyễn Ngọc Trúc	Phương	DHSH13B	21	3.42	Giỏi	Khá	6,125,000	
135	17066971	Trương Thị Hoa	Bưởi	DHTP13C	19	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
136	17078741	Lê Nguyễn Hà	Xuyên	DHTP13ATT	25	3.37	Giỏi	Khá	9,800,000	
137	17107111	Phạm Thị	Nhung	DHDBTP13A	20	3.35	Giỏi	Khá	6,125,000	
138	17042051	Hà Trương Tú	Quỳnh	DHTP13B	20	3.35	Giỏi	Khá	6,125,000	
139	17037111	Đoàn Thị Mỹ	Nhân	DHDBTP13A	21	3.32	Giỏi	Khá	6,125,000	
140	17104271	Nguyễn Thị Thu	Hồng	DHDBTP13A	16	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
141	17033171	Phạm Phương	Nam	DHSH13A	22	3.29	Giỏi	Khá	6,125,000	
142	17088201	Nguyễn Thị Mỹ	Diễm	DHDBTP13A	20	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
143	17098341	Nguyễn Thị Bích	Hòa	DHDBTP13A	16	3.25	Giỏi	Khá	6,125,000	
144	17084631	Đỗ Minh	Tú	DHTP13D	21	3.24	Giỏi	Khá	6,125,000	
145	17061201	Lê Trần Thúy	Hân	DHDBTP13A	20	3.23	Giỏi	Khá	6,125,000	
146	17081501	Tô Bích	Phượng	DHSH13B	24	3.23	Giỏi	Khá	6,125,000	
147	17094921	Nguyễn Thị	Cửa	DHDBTP13A	16	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
148	17070561	Nguyễn Thị Kim	Huệ	DHSH13B	22	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
149	17079521	Nguyễn Thị Khánh	Tâm	DHTP13D	19	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
150	17104411	Cai Quang	Thạch	DHTP13D	21	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
151	17061751	Nguyễn Lê Thùy	Trang	DHTP13ATT	25	3.2	Giỏi	Xuất sắc	9,800,000	
X. VIỆN KH&QL MÔI TRƯỜNG									415,825,000	
1	15071611	Nguyễn Hồng	Anh	DHMT11B	18	3.59	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	15010491	Lâm Trung	Nghĩa	DHMT11ATT	18	3.58	Giỏi	Khá	8,400,000	
3	15064951	Nguyễn Ngọc Cẩm	Tú	DHQLMT11B	21	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
4	15064231	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	DHMT11B	15	3.57	Giỏi	Khá	6,125,000	
5	15047101	Lai Trung	Quốc	DHMT11C	18	3.56	Giỏi	Tốt	6,125,000	
6	15065131	Võ Thị Ngọc	Trâm	DHMT11C	15	3.55	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
7	15045561	Trần Châu	Điệp	DHMT11B	15	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
8	15017821	Trần Thanh	Phong	DHMT11A	18	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
9	15058691	Nguyễn Thị Phú	Quý	DHMT11C	16	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
10	15089321	Nguyễn Thị Thu	Hóa	DHQLMT11B	24	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
11	15026141	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	DHMT11ATT	18	3.52	Giỏi	Khá	8,400,000	
12	15051051	Lương Thị Như	Hào	DHMT11B	15	3.51	Giỏi	Khá	4,375,000	
13	15093321	Bùi Thị Thu	Sương	DHMT11A	17	3.51	Giỏi	Khá	4,375,000	
14	15053881	Lê Nguyễn Minh	Thư	DHQLMT11B	16	3.51	Giỏi	Khá	4,375,000	
15	15098741	Lưu Thị Nhật	Huyền	DHQLMT11B	24	3.5	Giỏi	Khá	4,375,000	
16	15060641	Nguyễn Thị	Cầm	DHMT11B	15	3.48	Giỏi	Khá	4,375,000	
17	15106161	Huỳnh Trường	Phúc	DHMT11BTT	18	3.48	Giỏi	Khá	6,000,000	
18	15102041	Nguyễn Trung	Trực	DHMT11BTT	18	3.48	Giỏi	Khá	6,000,000	
19	15068061	Đặng Thị Thu	Hương	DHQLMT11B	21	3.47	Giỏi	Khá	4,375,000	
20	15046051	Đặng Thị	Thảo	DHMT11C	18	3.47	Giỏi	Khá	4,375,000	
21	15069311	Bùi Tuấn	Anh	DHQLMT11A	24	3.45	Giỏi	Khá	4,375,000	
22	15103161	Nguyễn Văn	Đoán	DHMT11BTT	18	3.45	Giỏi	Khá	6,000,000	
23	15104881	Phan Thị Khánh	Như	DHMT11BTT	18	3.45	Giỏi	Khá	6,000,000	
24	15069871	Đỗ Hoàng Gia Như	Huỳnh	DHMT11B	18	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
25	15059171	Võ Nguyễn Hằng	Ni	DHQLMT11B	24	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
26	15094451	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	DHQLMT11B	24	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
27	15108781	Lê Trọng	Trí	DHMT11CTT	18	3.43	Giỏi	Khá	6,000,000	
28	15082481	Vương Nhật	Huy	DHMT11B	18	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
29	15016601	Lê Tuấn	Kiệt	DHMT11A	17	3.41	Giỏi	Khá	4,375,000	
30	15043591	Nguyễn Sơn	Nam	DHQLMT11A	17	3.41	Giỏi	Khá	4,375,000	
31	15106221	Trần Minh	Hiếu	DHMT11BTT	21	3.4	Giỏi	Khá	3,600,000	
32	15028801	Trần Thanh	Nhã	DHQLMT11A	24	3.4	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOAI HOC TAP	XEP LOAI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
33	15021211	Nguyễn Thanh	Sang	DHMT11A	18	3.4	Giỏi	Khá	2,625,000	
34	15104221	Trần Phương	Tùng	DHMT11BTT	21	3.4	Giỏi	Khá	3,600,000	
35	15040921	Nguyễn Thị Tuyết	Đào	DHMT11B	18	3.39	Giỏi	Khá	2,625,000	
36	15106021	Nguyễn Đình Thu	Hào	DHMT11BTT	18	3.39	Giỏi	Khá	3,600,000	
37	15106551	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	DHMT11CTT	18	3.39	Giỏi	Khá	3,600,000	
38	15062421	Đặng Thị	Phượng	DHQLMT11B	24	3.39	Giỏi	Khá	2,625,000	
39	15046041	Trịnh Phương	Tâm	DHQLMT11B	24	3.38	Giỏi	Khá	2,625,000	
40	15034031	Trương Thị Thu	Hà	DHMT11A	19	3.37	Giỏi	Khá	2,625,000	
41	15106511	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	DHMT11CTT	18	3.37	Giỏi	Khá	3,600,000	
42	15059761	Trần Thị Phương	Mai	DHQLMT11B	19	3.37	Giỏi	Khá	2,625,000	
43	15091421	Nguyễn Như Trang	Phượng	DHMT11A	15	3.37	Giỏi	Khá	2,625,000	
44	15079601	Phạm Thị Thu	Huyền	DHQLMT11B	24	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
45	15090031	Hoàng Thị Kim	Ngân	DHQLMT11B	24	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
46	15109371	Nguyễn Thị Ngọc	Sang	DHMT11CTT	18	3.34	Giỏi	Khá	3,600,000	
47	15050191	Trần Thanh	Sơn	DHMT11C	18	3.34	Giỏi	Khá	2,625,000	
48	15109861	Nguyễn Thành	Trung	DHMT11CTT	18	3.34	Giỏi	Khá	3,600,000	
49	15041771	Dương Nguyễn Cẩm	Tú	DHMT11C	18	3.34	Giỏi	Khá	2,625,000	
50	15104281	Trần Ngọc Khánh	Vi	DHMT11BTT	18	3.34	Giỏi	Khá	3,600,000	
51	15052521	Trương Phương	Diễm	DHMT11B	20	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
52	15024641	Trần Lê Mỹ	Huệ	DHMT11A	15	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
53	15105541	Trần Đức	Hùng	DHMT11BTT	18	3.33	Giỏi	Khá	3,600,000	
54	15091111	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân	DHMT11A	15	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
55	15097051	Lê Thị Bích	Ngọc	DHQLMT11B	24	3.32	Giỏi	Khá	2,625,000	
56	15074221	Hồ Thị Thanh	Thúy	DHQLMT11B	24	3.32	Giỏi	Khá	2,625,000	
57	15106481	Phạm Lan	Anh	DHMT11CTT	18	3.31	Giỏi	Tốt	3,600,000	
58	15051951	Dương Thị Thúy	Diễm	DHMT11B	15	3.31	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
59	15105901	Lê Hoàng	Đình	DHMT11CTT	18	3.31	Giỏi	Khá	3,600,000	
60	15097501	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	DHMT11A	15	3.31	Giỏi	Khá	2,625,000	
61	15073931	Võ Mạnh	Nhân	DHMT11ATT	18	3.3	Giỏi	Khá	3,600,000	
62	15063391	Nguyễn Thanh	Hằng	DHQLMT11A	22	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
63	15036701	Nguy Anh	Tuấn	DHQLMT11A	22	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
64	15107211	Nguyễn Đức Việt	Anh	DHMT11CTT	18	3.29	Giỏi	Khá	3,600,000	
65	15031211	Lê Hoài	Phong	DHMT11A	18	3.29	Giỏi	Khá	2,625,000	
66	15053031	Lê Trung	Tín	DHMT11ATT	18	3.29	Giỏi	Khá	3,600,000	
67	15029831	Nguyễn Phú Quốc	Bửu	DHMT11ATT	18	3.28	Giỏi	Khá	3,600,000	
68	15022671	Lê Hồng	Huy	DHMT11ATT	18	3.28	Giỏi	Khá	3,600,000	
69	15055521	Hoàng Thị	Lụa	DHQLMT11B	25	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
70	15055991	Phan Thị Thu	Thùy	DHMT11A	18	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
71	15091401	Nguyễn Thị Thùy	Dương	DHMT11A	19	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
72	15105841	Lê Cao	Giang	DHMT11BTT	18	3.26	Giỏi	Khá	3,600,000	
73	15032221	Trần Thị Hồng	Khanh	DHMT11A	19	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
74	15103661	Nguyễn Trúc	Ngọc	DHMT11BTT	18	3.26	Giỏi	Khá	3,600,000	
75	15101801	Lại Thị	Oanh	DHMT11ATT	18	3.26	Giỏi	Khá	3,600,000	
76	15050511	Vòng Hồng	Vinh	DHMT11C	18	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
77	15069721	Nguyễn Quốc Anh	Vũ	DHMT11C	20	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
78	15074041	Võ Thị Kim	Linh	DHQLMT11B	24	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
79	15076401	Võ Thuý	Linh	DHQLMT11B	24	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
80	15045301	Trần Thị Phúc	Ngân	DHMT11B	22	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
81	15036121	Bùi Trọng	Nhân	DHMT11A	18	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
82	15021641	Lê Bá Khánh	Trình	DHMT11C	18	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
83	15020561	Nguyễn Lê Quang	Vinh	DHMT11C	20	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
84	15056511	Nguyễn ái	Hạnh	DHMT11B	15	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
85	15075901	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	DHMT11C	21	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
86	15031711	Nguyễn Thị Mai	Hương	DHQLMT11A	24	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
87	15107481	Hoàng Thị Ngọc	Huyền	DHMT11CTT	18	3.23	Giỏi	Khá	3,600,000	
88	15052241	Hoàng Thị Thiện	Tâm	DHQLMT11B	24	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
89	15104701	Ngô Thị Thảo	Vi	DHMT11BTT	18	3.23	Giỏi	Khá	3,600,000	
90	15103761	Võ Trần Anh	Vũ	DHMT11BTT	18	3.23	Giỏi	Khá	3,600,000	
91	15103561	Nguyễn Thoại Thái	My	DHMT11BTT	18	3.22	Giỏi	Khá	3,600,000	
92	15051441	Lương Yến	Nhi	DHQLMT11B	24	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
93	15064501	Lê Đức	Anh	DHMT11B	18	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
94	15031791	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	DHMT11A	23	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
95	15106401	Trần Thị Thanh	Trúc	DHMT11CTT	18	3.2	Giỏi	Khá	3,600,000	
96	16021741	Lê Thị Kim	Thoa	DHKHMTR12A	21	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
97	16039711	Đỗ Thị Thu	Hồng	DHMT12A	21	3.4	Giỏi	Khá	6,125,000	
98	16053541	Nguyễn Tấn	Công	DHKHMTR12A	23	3.3	Giỏi	Khá	6,125,000	
99	16028721	Nguyễn Nhật	Thanh	DHQLMT12A	17	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
100	16029371	Tô Trường	Bảo	DHKHMTR12A	21	3.27	Giỏi	Tốt	6,125,000	
101	16023491	Lê Ngô Thảo	Duy	DHQLMT12A	17	3.26	Giỏi	Khá	4,375,000	
102	16028851	Trần Thị Uyên	Chi	DHKHMTR12A	21	3.24	Giỏi	Khá	4,375,000	
103	16019741	Lê Thế	Đạt	DHKHMTR12A	24	3.23	Giỏi	Khá	4,375,000	
104	16070391	Đặng Thị Thu	Huyền	DHQLMT12A	17	3.22	Giỏi	Tốt	4,375,000	
105	16036141	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	DHMT12A	21	3.22	Giỏi	Khá	4,375,000	
106	17027751	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	DHQLMT13A	20	3.42	Giỏi	Khá	6,125,000	
XI. KHOA KỸ THUẬT XÂY DỰNG									27,125,000	
1	16018851	Võ Long	Thành	DHKCTXD12A	15	3.51	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	16034651	Nguyễn Trung	Hiếu	DHKCTXD12A	15	3.43	Giỏi	Khá	6,125,000	
3	16021041	Nguyễn Thành	Nam	DHKTXDGT12A	20	3.38	Giỏi	Khá	4,375,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
4	16020121	Trần Thanh Tuấn	Hải	DHKTCTXD12A	15	3.24	Giỏi	Khá	4,375,000	
5	17036281	Nguyễn Chí	Linh	DHKTCTXD13A	19	3.23	Giỏi	Khá	6,125,000	
XII. KHOA LUẬT									130,375,000	
1	16051981	Trần Thị Bích	Ngọc	DHLKT12A	24	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	16049851	Nguyễn Kim	Anh	DHLKT12A	21	3.54	Giỏi	Khá	6,125,000	
3	16043811	Phan Minh	Dũng	DHLQT12A	21	3.54	Giỏi	Khá	6,125,000	
4	16063681	Vũ Thị Mỹ	Ngân	DHLKT12A	18	3.42	Giỏi	Khá	6,125,000	
5	16034011	Lưu Thị	Hằng	DHLKT12A	24	3.39	Giỏi	Khá	6,125,000	
6	16015591	Nguyễn Ngọc Linh	Đài	DHLQT12A	21	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
7	16020431	Vũ Trương Thanh	Tâm	DHLKT12A	21	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
8	16020911	Chu Thị Hải	Anh	DHLKT12A	21	3.36	Giỏi	Khá	4,375,000	
9	16053171	Hoàng Thị Phương	Ly	DHLKT12A	21	3.36	Giỏi	Khá	4,375,000	
10	16016161	Cao Thị Kim	Cúc	DHLQT12A	21	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
11	16068431	Nguyễn Thanh	Phong	DHLKT12A	24	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
12	16057861	Phạm Hoàng	Phước	DHLKT12A	24	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
13	16038841	Phan Thị Thu	Thuyền	DHLKT12A	21	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
14	16019101	Trương Thị Kim	Oanh	DHLKT12A	20	3.32	Giỏi	Khá	4,375,000	
15	16072331	Trần Mai Trúc	Anh	DHLKT12A	21	3.3	Giỏi	Khá	4,375,000	
16	16025091	Bùi Thị Thanh	Loan	DHLQT12A	25	3.3	Giỏi	Khá	4,375,000	
17	16076591	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	DHLKT12A	21	3.3	Giỏi	Tốt	4,375,000	
18	16074241	Đặng Thị Cẩm	Ngân	DHLKT12A	21	3.29	Giỏi	Khá	2,625,000	
19	16012211	Huỳnh Thị Lan	Nhi	DHLQT12A	24	3.29	Giỏi	Khá	2,625,000	
20	16024811	Nguyễn Trọng	Đức	DHLKT12A	21	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
21	16026121	Nguyễn Tú	Y	DHLKT12A	21	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
22	16028941	Nguyễn Thành	Vũ	DHLQT12A	24	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
23	16066591	Phạm Lý Khánh	Linh	DHLKT12A	21	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN	
24	16021441	Bùi Thị ánh	Nhị	DHLQT12A	24	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000		
25	16052511	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	DHLKT12A	28	3.22	Giỏi	Tốt	2,625,000		
26	16008521	Trịnh Lê Hoàng	Lê	DHLQT12A	21	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000		
27	16038861	Nguyễn Thị Hồng Yến	Nhi	DHLKT12A	21	3.21	Giỏi	Tốt	2,625,000		
28	16019881	Nguyễn Thị Yến	Nhi	DHLKT12A	21	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000		
29	16053931	Nguyễn Đặng Anh	Thư	DHLQT12A	21	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000		
30	26	17015381	Nguyễn Nhật	Trường	DHLKT13A	18	3.22	Giỏi	Tốt	6,125,000	
31	32	17032631	Phạm Ngọc Thiên	Ngân	DHLKT13A	18	3.21	Giỏi	Tốt	6,125,000	

XIII. KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

									893,233,400	
1	15062031	Nguyễn Nữ Minh	Trang	DHKT11CTT	20	3.58	Giỏi	Khá	8,400,000	
2	15033871	Bùi Thị Như	Thùy	DHKT11A	18	3.57	Giỏi	Khá	6,125,000	
3	15047641	Nguyễn Dương	Khan	DHKT11I	15	3.56	Giỏi	Khá	6,125,000	
4	15086951	Huỳnh Thị Diễm	Kiều	DHKT11I	17	3.56	Giỏi	Khá	6,125,000	
5	15010431	Đỗ Thạch Lệ	Hằng	DHKT11ATT	20	3.53	Giỏi	Khá	8,400,000	
6	15077791	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	DHKT11H	15	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
7	15066841	Đinh Thị	Huyền	DHKT11I	19	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
8	15079291	Nguyễn Thị Tú	Quyên	DHKT11DTT	20	3.53	Giỏi	Khá	8,400,000	
9	15075371	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	DHKT11H	15	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
10	15109201	Dương Thị Mộng	Mơ	DHKT11FTT	20	3.52	Giỏi	Khá	8,400,000	
11	15094491	Huỳnh Lan	Tường	DHKT11K	17	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
12	15071771	Võ Thị Mỹ	Hương	DHKT11I	18	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
13	15104801	Trần Thị Hoàng	Thơ	DHKT11ETT	20	3.5	Giỏi	Khá	8,400,000	
14	15110081	Lê Thị Kim	Thoa	DHKT11FTT	20	3.5	Giỏi	Khá	8,400,000	
15	15038491	Phan Võ Cát	Tường	DHKT11ATT	20	3.5	Giỏi	Khá	8,400,000	
16	15081231	Huỳnh Thị ánh	Hồng	DHKT11I	15	3.48	Giỏi	Khá	6,125,000	
17	15082631	Nguyễn Thị Trúc	Minh	DHKT11G	16	3.48	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
18	15107881	Nguyễn Thị Tiểu	Nhi	DHKT11FTT	20	3.48	Giỏi	Khá	8,400,000	
19	15101681	Hồ Thị Như	Phúc	DHKT11DTT	20	3.48	Giỏi	Khá	8,400,000	
20	15104791	Nguyễn Thị Phương	Linh	DHKT11ETT	20	3.47	Giỏi	Khá	8,400,000	
21	15062611	Vũ Thị Tuyết	Ngân	DHKT11G	19	3.47	Giỏi	Khá	6,125,000	
22	15019421	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	DHKT11B	16	3.47	Giỏi	Khá	6,125,000	
23	15102611	Trần Thị Phương	Nhã	DHKT11DTT	20	3.47	Giỏi	Khá	8,400,000	
24	15091691	Phạm Bùi Xuân	Vy	DHKT11K	18	3.47	Giỏi	Khá	6,125,000	
25	15039661	Nguyễn Thị	Phương	DHKT11D	19	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
26	15102671	Đỗ Nguyên	Huy	DHKT11DTT	20	3.45	Giỏi	Khá	6,000,000	
27	15014081	Nguyễn Thị Thuý	Huỳnh	DHKT11B	20	3.45	Giỏi	Khá	4,375,000	
28	15096101	Trần Thị Như	Quỳnh	DHKT11I	15	3.45	Giỏi	Tốt	4,375,000	
29	15105641	Nguyễn Tuyết	Nhung	DHKT11ETT	20	3.44	Giỏi	Khá	6,000,000	
30	15035781	Nguyễn Hà Trúc	Quỳnh	DHKT11A	18	3.44	Giỏi	Khá	4,375,000	
31	15106251	Nguyễn Thị Kim	Thy	DHKT11DTT	20	3.44	Giỏi	Khá	6,000,000	
32	15021051	Sĩ Thị	Yến	DHKT11DTT	20	3.44	Giỏi	Khá	6,000,000	
33	15076901	Nguyễn Thị Kiều	Hải	DHKT11H	15	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
34	15090301	Trần Thị	Lý	DHKT11K	15	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
35	15029811	Bùi Thị Hoài	Thu	DHKT11A	16	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
36	15028501	Hồ Thị Hồng	Vy	DHKT11A	15	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
37	15103531	Lê Thị	Mai	DHKT11ATT	20	3.42	Giỏi	Khá	6,000,000	
38	15055921	Lưu Thị Kim	Mi	DHKT11G	16	3.41	Giỏi	Khá	4,375,000	
39	15033981	Huỳnh Thị Thùy	My	DHKT11B	15	3.41	Giỏi	Khá	4,375,000	
40	15074601	Đinh Thị Mỹ	Phương	DHKT11F	15	3.41	Giỏi	Khá	4,375,000	
41	15041971	Lưu Thị Ngọc	Anh	DHKT11D	15	3.4	Giỏi	Khá	4,375,000	
42	15029561	Huỳnh Thị Bích	Trâm	DHKT11A	15	3.4	Giỏi	Khá	4,375,000	
43	15035821	Nguyễn Phương	Thảo	DHKT11A	16	3.39	Giỏi	Khá	4,375,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
44	15105651	Lê Thị Mỹ	Trinh	DHKT11ETT	20	3.39	Giỏi	Khá	6,000,000	
45	15043401	Huỳnh Ngọc	Mai	DHKT11D	16	3.38	Giỏi	Khá	4,375,000	
46	15095101	Ngô Thị	Quyền	DHKT11K	18	3.38	Giỏi	Khá	4,375,000	
47	15099641	Thái Thị	Hạnh	DHKT11H	15	3.37	Giỏi	Khá	4,375,000	
48	15098111	Võ Thị Mỹ	Ngọc	DHKT11K	15	3.37	Giỏi	Khá	4,375,000	
49	15055061	Lương Thị Hồng	Phương	DHKT11F	15	3.37	Giỏi	Khá	4,375,000	
50	15103641	Hoàng Diệu	Thanh	DHKT11ATT	20	3.37	Giỏi	Khá	6,000,000	
51	15025821	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	DHKT11A	20	3.37	Giỏi	Khá	4,375,000	
52	15062971	Nguyễn Thị Bích	Vân	DHKT11E	16	3.37	Giỏi	Khá	4,375,000	
53	15045271	Huỳnh Quốc	Đạt	DHKT11D	15	3.36	Giỏi	Khá	4,375,000	
54	15038871	Nguyễn Thị Thu	Thoa	DHKT11D	18	3.36	Giỏi	Khá	4,375,000	
55	15044381	Tạ Kim	Anh	DHKT11D	18	3.35	Giỏi	Khá	4,375,000	
56	15026461	Nguyễn Bích	Châu	DHKT11BTT	20	3.35	Giỏi	Khá	6,000,000	
57	15045821	Nguyễn Thị	Nhung	DHKT11G	18	3.35	Giỏi	Khá	4,375,000	
58	15014431	Phan Thanh	Loan	DHKT11B	18	3.34	Giỏi	Khá	4,375,000	
59	15025911	Lê Thanh	Trúc	DHKT11A	16	3.34	Giỏi	Khá	4,375,000	
60	15021301	Lê Hoàng Tú	Anh	DHKT11C	15	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
61	15093141	Lê Thị	Thào	DHKT11K	15	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
62	15016771	Nguyễn Thị	Yến	DHKT11A	18	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
63	15057371	Trần Thị Bảo	Yến	DHKT11C	19	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
64	15090951	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	DHKT11K	18	3.31	Giỏi	Khá	4,375,000	
65	15030871	Tiêu Ngọc Bảo	Mai	DHKT11B	20	3.3	Giỏi	Khá	4,375,000	
66	15010851	Nguyễn Thị Quế	Minh	DHKT11ATT	20	3.3	Giỏi	Khá	6,000,000	
67	15104081	Nguyễn Lâm Thảo	Nguyên	DHKT11DTT	20	3.3	Giỏi	Khá	6,000,000	
68	15102131	Nguyễn Ngọc	Thiều	DHKT11DTT	20	3.3	Giỏi	Khá	6,000,000	
69	15090751	Lê Thị Huyền	Trang	DHKT11K	16	3.3	Giỏi	Khá	4,375,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
70	15103361	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	DHKT11ATT	23	3.3	Giỏi	Khá	6,000,000	
71	15087971	Phạm Thị Ngân	Hà	DHKT11H	18	3.29	Giỏi	Khá	4,375,000	
72	15094891	Lê Thị Hồng	Oanh	DHKT11K	17	3.29	Giỏi	Khá	4,375,000	
73	15088881	Dương Thị Thủy	Triều	DHKT11K	17	3.29	Giỏi	Khá	4,375,000	
74	15090701	Ngô Thị Mỹ	Uyên	DHKT11K	15	3.29	Giỏi	Khá	4,375,000	
75	15088801	Huỳnh Thị Thanh	Dung	DHKT11K	19	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
76	15107611	Bùi Diệp Minh	Hân	DHKT11FTT	20	3.28	Giỏi	Khá	3,600,000	
77	15082191	Trương Thị Y	Manh	DHKT11G	16	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
78	15038571	Võ Thị Tâm	Nhi	DHKT11D	16	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
79	15081121	Nguyễn Thị Yến	Nhi	DHKT11G	18	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
80	15030791	Huỳnh Thị Duy	Hào	DHKT11C	21	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
81	15094661	Nguyễn Ngọc	Huyền	DHKT11K	17	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
82	15104321	Đoàn Thị Ngọc	Châu	DHKT11ETT	17	3.26	Giỏi	Khá	3,600,000	
83	15108911	Phạm Thị Thùy	Duyên	DHKT11FTT	18	3.25	Giỏi	Khá	3,600,000	
84	15097491	Lê Thị Trúc	My	DHKT11K	17	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
85	15086191	Phạm Thị Như	Ngọc	DHKT11G	20	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
86	15102301	Lê Thanh	Thủy	DHKT11DTT	20	3.25	Giỏi	Khá	3,600,000	
87	15104461	Nguyễn Thảo	Uyên	DHKT11ETT	20	3.25	Giỏi	Khá	3,600,000	
88	15093001	Nguyễn Thị Cẩm	Hường	DHKT11K	17	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
89	15029791	Trần Thị Thu	Nga	DHKT11B	16	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
90	15047731	Chu Thị Thanh	Nga	DHKT11G	16	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
91	15039011	Huỳnh Thị Thùy	Tiên	DHKT11D	16	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
92	15029711	Phan Trường	Giang	DHKT11C	17	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
93	15013761	Nguyễn Thị Mỹ	Hào	DHKT11C	26	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
94	15043921	Nguyễn Thị Tường	Vy	DHKT11C	19	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
95	15091581	Phạm Việt	Hòa	DHKT11K	18	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
96	15093951	Nguyễn Thị	Ngọc	DHKT11K	18	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
97	15036361	Võ Thị Thùy	Duyên	DHKT11C	19	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
98	15050751	Trần Thị Kim	Oanh	DHKT11F	15	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
99	15061201	Phạm Thị Thu	Xuyến	DHKT11C	16	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
100	15104431	Huỳnh Kiến	Dĩnh	DHKT11DTT	20	3.2	Giỏi	Khá	3,600,000	
101	15082421	Lê Nguyễn Ngọc	Giàu	DHKT11CTT	20	3.2	Giỏi	Khá	3,600,000	
102	15018471	Nguyễn Ngọc	Hà	DHKT11C	21	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
103	15102091	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	DHKT11DTT	20	3.2	Giỏi	Khá	3,600,000	
104	15019551	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc	DHKT11DTT	20	3.2	Giỏi	Khá	3,600,000	
105	16049861	Nguyễn Thị	Thanh	DHKT12C	20	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
106	16062181	Nguyễn Khánh	Huyền	DHKT12C	20	3.55	Giỏi	Khá	6,125,000	
107	16023371	Lê Thị	Ngân	DHKT12B	19	3.55	Giỏi	Khá	6,125,000	
108	16032001	Trần Thị Tường	Vi	DHKT12ATT	20	3.55	Giỏi	Khá	8,400,000	
109	16031911	Võ Thị Thanh	Lam	DHKT12B	17	3.54	Giỏi	Khá	6,125,000	
110	16047651	Nguyễn Thị Kim	Nhân	DHKT12C	16	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
111	16073591	Nguyễn Huỳnh	Hương	DHKT12D	15	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
112	16073131	Hoàng Thị Thu	Hà	DHKT12D	17	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
113	16011961	Hoàng Thị Thúy	Nga	DHKT12A	18	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
114	16012751	Huỳnh Ngọc Thảo	Nguyên	DHKT12A	17	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
115	16017981	Bùi Quý	Thức	DHKT12A	19	3.48	Giỏi	Khá	4,375,000	
116	16012141	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	DHKT12A	21	3.47	Giỏi	Tốt	4,375,000	
117	16067691	Đỗ Quỳnh Phương	Vy	DHKT12D	23	3.46	Giỏi	Khá	4,375,000	
118	16035901	Phan Thị Thúy	Lan	DHKT12B	20	3.45	Giỏi	Khá	4,375,000	
119	16011341	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DHKT12ATT	20	3.45	Giỏi	Khá	6,000,000	
120	16073691	Lê Thị Hồng	Vân	DHKT12D	19	3.45	Giỏi	Tốt	4,375,000	
121	16033271	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	DHKT12B	17	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
122	16062341	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	DHKT12C	17	3.41	Giỏi	Tốt	4,375,000	
123	16029311	Phạm Thùy	Vy	DHKT12ATT	20	3.41	Giỏi	Khá	6,000,000	
124	16056751	Trương Thị Trúc	Luy	DHKT12B	20	3.4	Giỏi	Khá	4,375,000	
125	16039351	Võ Thị Như ý	Ngọc	DHKT12A	18	3.4	Giỏi	Khá	4,375,000	
126	16027481	Viên Thị Hoài	Thương	DHKT12ATT	24	3.39	Giỏi	Khá	6,000,000	
127	16076941	Lê Thị Lan	Hương	DHKT12D	16	3.38	Giỏi	Khá	4,375,000	
128	16038071	Đỗ Thị Lan	Thào	DHKT12B	17	3.36	Giỏi	Khá	4,375,000	
129	16043871	Đào Thị	Thom	DHKT12C	23	3.35	Giỏi	Khá	4,375,000	
130	16012181	Võ Thị Lan	Anh	DHKT12B	20	3.34	Giỏi	Khá	4,375,000	
131	16036871	Hoàng Thị	Khánh	DHKT12B	19	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
132	16067651	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	DHKT12D	17	3.32	Giỏi	Khá	4,375,000	
133	16027441	Dương Thị Kim	Ngân	DHKT12B	17	3.32	Giỏi	Khá	4,375,000	
134	16018431	Nguyễn Thành	Nhật	DHKT12A	20	3.32	Giỏi	Khá	4,375,000	
135	16013391	Nguyễn Ngô Mai	Trâm	DHKT12A	17	3.32	Giỏi	Khá	4,375,000	
136	16026751	Đỗ Thị Thảo	Nhi	DHKT12A	18	3.3	Giỏi	Khá	4,375,000	
137	16025851	Trần Lê Yến	Thào	DHKT12C	20	3.3	Giỏi	Khá	4,375,000	
138	16049371	Lê Thị Ngọc	Thào	DHKT12A	18	3.3	Giỏi	Khá	4,375,000	
139	16016671	Nguyễn Thị Thu	Uyên	DHKT12A	17	3.29	Giỏi	Khá	4,375,000	
140	16027841	Lê Thị Mai	Hương	DHKT12B	17	3.28	Giỏi	Khá	4,375,000	
141	16062131	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	DHKT12B	19	3.28	Giỏi	Khá	4,375,000	
142	16037641	Phạm Thị Vỹ	Dạ	DHKT12A	23	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
143	16054531	Hồ Hưng	Khánh	DHKT12CTT	20	3.27	Giỏi	Khá	3,600,000	
144	16019481	Trần Hồ Trúc	Ly	DHKT12A	20	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
145	16033521	Nguyễn Thị	Sương	DHKT12B	17	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
146	16011801	Đình Phạm Phương	Thanh	DHKT12A	17	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
147	16036731	Lê Thị Bích	Huyền	DHKT12B	17	3.26	Giỏi	Tốt	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
148	16032361	Nguyễn Thị Phương	Lan	DHKT12C	16	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
149	16033361	Lê Hồng Phương	Trình	DHKT12C	17	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
150	16009981	Nguyễn Hoàng Thúy	Ngọc	DHKT12A	17	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
151	16054181	Huỳnh Thị Hoài	Linh	DHKT12B	20	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
152	16013131	Lê Thị Kim	Thoa	DHKT12A	17	3.23	Giỏi	Tốt	2,625,000	
153	16056591	Đỗ Thị Huyền	Anh	DHKT12CTT	20	3.22	Giỏi	Khá	3,600,000	
154	16062541	Bùi Thị	Linh	DHKT12C	22	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
155	16020931	Võ Thị Trúc	Ly	DHKT12A	17	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
156	16045981	Trương Thị Diệu	Kiều	DHKT12A	20	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
157	17032921	Nguyễn Hoàng Thanh	Bình	DHKT13C	23	3.58	Giỏi	Tốt	6,125,000	
158	17013851	Trần Tấn	Tài	DHKT13A	18	3.55	Giỏi	Xuất sắc	6,125,000	
159	17048971	Phạm Thị	Lài	DHKT13E	16	3.49	Giỏi	Xuất sắc	6,125,000	
160	17027091	Nguyễn Thị Phương	Thảo	DHKT13B	18	3.48	Giỏi	Khá	6,125,000	
161	17035631	Nguyễn Thị Ngọc	Vân	DHKT13C	15	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
162	17056801	Tạ Phương	Linh	DHKT13A	16	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
163	17039511	Trần Nguyễn Kim	Hằng	DHKT13D	21	3.4	Giỏi	Khá	6,125,000	
164	17056871	Huỳnh Nhật	Quỳnh	DHKT13A	16	3.4	Giỏi	Khá	6,125,000	
165	17079551	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	DHKT13CTT	22	3.39	Giỏi	Xuất sắc	9,800,000	
166	17067391	Trịnh Thị Bích	Hậu	DHKT13F	20	3.38	Giỏi	Tốt	6,125,000	
167	17036901	Ngô Thị Tú	Mỹ	DHKT13D	24	3.35	Giỏi	Tốt	6,125,000	
168	17061731	Trần Thị Mỹ	Diệu	DHKT13A	20	3.33	Giỏi	Khá	6,125,000	
169	17080251	Phạm Thị	Dung	DHKT13BTT	22	3.31	Giỏi	Tốt	9,800,000	
170	17047981	Võ Hoàng	Nam	DHKT13A	19	3.29	Giỏi	Khá	6,125,000	
171	17028971	Lê Thị ánh	Tuyết	DHKT13C	24	3.29	Giỏi	Khá	6,125,000	
172	17049131	Lê Kiều Phương	Ny	DHKT13E	16	3.28	Giỏi	Xuất sắc	6,125,000	
173	17015311	Trần Nguyễn Kiều	Trang	DHKT13A	18	3.27	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
174	17057651	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DHKTKT13A	19	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
175	17068651	Lê Thị Thu	Hà	DHKT13F	18	3.25	Giỏi	Khá	6,125,000	
176	17054261	Nguyễn Thanh	Khoa	DHKTKT13A	20	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
177	17050431	Bùi Thị Minh	Trang	DHKT13C	18	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
178	18103391	Chu Thị Mai	Anh	DHKT14AVL	15	3.53	Giỏi	Tốt	7,207,200	
179	18103071	Trần Thị Hải	Phượng	DHKT14AVL	15	3.47	Giỏi	Tốt	5,148,000	
180	18103621	Võ Thị Ngọc	Phượng	DHKT14AVL	15	3.4	Giỏi	Tốt	5,148,000	
181	18103111	Đỗ Thị Mai	Thương	DHKT14AVL	15	3.39	Giỏi	Tốt	3,088,800	
182	18102921	Nguyễn Thị Mai	Lan	DHKT14AVL	15	3.37	Giỏi	Tốt	3,088,800	
183	18103401	Phạm Mai	Hùng	DHKT14AVL	15	3.32	Giỏi	Tốt	3,088,800	
184	18103241	Nguyễn Như Ngọc	Hà	DHKT14AVL	15	3.25	Giỏi	Tốt	3,088,800	
XIV. KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH									1,372,875,000	
1	15029351	Ngô Phạm Anh	Thư	DHQT11A	16	3.59	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	15044041	Nguyễn Thị Trương	Châu	DHQT11ATT	20	3.58	Giỏi	Khá	8,400,000	
3	15105471	Nguyễn Thoại	Trinh	DHQT11HTT	13	3.58	Giỏi	Khá	8,400,000	
4	15009711	Lương Thị Như	Quỳnh	DHQT11ATT	13	3.57	Giỏi	Khá	8,400,000	
5	15104311	Tô Thị	Thùy	DHQT11GTT	13	3.54	Giỏi	Khá	8,400,000	
6	15020051	Dương Thị Thúy	Kiều	DHQT11A	19	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
7	15062251	Bạch Ngọc Minh	Châu	DHQT11C	16	3.51	Giỏi	Khá	6,125,000	
8	15014341	Cao Thị Mỹ	Duyên	DHQT11BTT	13	3.51	Giỏi	Khá	8,400,000	
9	15107031	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	DHQT11HTT	13	3.51	Giỏi	Khá	8,400,000	
10	15015501	Nguyễn Ngọc Thùy	Trâm	DHQT11CTT	13	3.51	Giỏi	Khá	8,400,000	
11	15104481	Lê Thị	Hồng	DHQT11GTT	13	3.5	Giỏi	Khá	8,400,000	
12	15010551	Phạm Khánh	Vy	DHQT11ATT	13	3.5	Giỏi	Khá	8,400,000	
13	15103701	Hồ Thị Trường	Yên	DHQT11FTT	13	3.5	Giỏi	Khá	8,400,000	
14	15107941	Hồ Anh	Tuấn	DHQT11ITT	13	3.49	Giỏi	Khá	8,400,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
15	15014191	Đặng Ngọc ái	Vi	DHQT11A	16	3.49	Giỏi	Khá	6,125,000	
16	15016791	Lê Hồng	Vy	DHQT11ATT	16	3.49	Giỏi	Khá	8,400,000	
17	15107301	Nguyễn Thị Tường	Vy	DHQT11ITT	13	3.49	Giỏi	Khá	8,400,000	
18	15054961	Mai Thị	Thùy	DHQT11B	16	3.47	Giỏi	Khá	6,125,000	
19	15013311	Hồ Phương	Anh	DHQT11BTT	13	3.46	Giỏi	Khá	8,400,000	
20	15109331	Trần Đình	Hoàng	DHQT11ETT	13	3.46	Giỏi	Khá	8,400,000	
21	15041851	Nguyễn Thị Xuân	Hồng	DHQT11CTT	13	3.46	Giỏi	Khá	8,400,000	
22	15044471	Huỳnh Bào	Khang	DHQT11ATT	16	3.46	Giỏi	Khá	8,400,000	
23	15025431	Đoàn Thị ánh	Loan	DHQT11BTT	13	3.46	Giỏi	Khá	8,400,000	
24	15068461	Nguyễn Thị Huyền	Trần	DHQT11ETT	13	3.46	Giỏi	Khá	8,400,000	
25	15056411	Phan Thu	Uyên	DHQT11B	17	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
26	15109041	Trần Văn	Chung	DHQT11HTT	13	3.42	Giỏi	Khá	8,400,000	
27	15104891	Trần Huỳnh Trúc	Hân	DHQT11GTT	13	3.42	Giỏi	Khá	8,400,000	
28	15105061	Huỳnh Thị Thuý	Ngân	DHQT11GTT	13	3.42	Giỏi	Khá	8,400,000	
29	15105991	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	DHQT11HTT	13	3.42	Giỏi	Khá	8,400,000	
30	15068001	Trần Trung	Kiên	DHQT11A	16	3.41	Giỏi	Khá	4,375,000	
31	15107381	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DHQT11ITT	16	3.41	Giỏi	Khá	6,000,000	
32	15109001	Hoàng Thị Ngọc	Trần	DHQT11ETT	28	3.4	Giỏi	Khá	6,000,000	
33	15055661	Phạm Minh	An	DHQT11C	18	3.39	Giỏi	Tốt	4,375,000	
34	15018561	Nguyễn Thị	Dung	DHQT11A	19	3.39	Giỏi	Khá	4,375,000	
35	15106601	Bùi Thị Ngọc	Yến	DHQT11HTT	19	3.39	Giỏi	Khá	6,000,000	
36	15104921	Đỗ Thị Hồng	Cầm	DHQT11GTT	13	3.38	Giỏi	Khá	6,000,000	
37	15102111	Trần Khánh	Duy	DHQT11FTT	13	3.38	Giỏi	Khá	6,000,000	
38	15102311	Nhữ Thị Hoài	Linh	DHQT11FTT	13	3.38	Giỏi	Khá	6,000,000	
39	15105301	Võ Thị Như	Quyên	DHQT11GTT	13	3.38	Giỏi	Khá	6,000,000	
40	15038481	Châu Vũ Như	Ngọc	DHQT11CTT	26	3.37	Giỏi	Khá	6,000,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
41	15058941	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	DHQT11DĐT	13	3.35	Giỏi	Khá	6,000,000	
42	15106591	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	DHQT11HTT	13	3.35	Giỏi	Khá	6,000,000	
43	15104091	Nguyễn Thị Hồng	Thư	DHQT11FTT	13	3.35	Giỏi	Khá	6,000,000	
44	15048191	Lê Huỳnh Thanh	Trà	DHQT11ETT	13	3.35	Giỏi	Khá	6,000,000	
45	15105171	Nguyễn Thị Huỳnh	Tú	DHQT11HTT	13	3.35	Giỏi	Xuất sắc	6,000,000	
46	15081821	Vương Cẩm	Hùng	DHQT11C	16	3.34	Giỏi	Khá	4,375,000	
47	15072131	Lê Quỳnh Nam	Phương	DHQT11D	15	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
48	15105681	Nguyễn Thị Thanh	Nga	DHQT11HTT	16	3.32	Giỏi	Khá	6,000,000	
49	15106801	Trần Yến	Nhi	DHQT11HTT	16	3.32	Giỏi	Khá	6,000,000	
50	15102951	Nguyễn Quốc	Bào	DHQT11GTT	13	3.31	Giỏi	Khá	6,000,000	
51	15106941	Trần Lê Ngân	Đàm	DHQT11ITT	16	3.31	Giỏi	Khá	6,000,000	
52	15107691	Ngô Văn	Đông	DHQT11ITT	13	3.31	Giỏi	Khá	6,000,000	
53	15071911	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	DHQT11DĐT	13	3.31	Giỏi	Khá	6,000,000	
54	15012611	Lương Minh	Khoa	DHQT11BTT	13	3.31	Giỏi	Khá	6,000,000	
55	15107681	Phạm Hoàng Thảo	Ly	DHQT11ITT	13	3.31	Giỏi	Khá	6,000,000	
56	15105191	Nguyễn Thị Thanh	Minh	DHQT11GTT	13	3.31	Giỏi	Khá	6,000,000	
57	15011291	Nguyễn Thanh	Ngọc	DHQT11ATT	13	3.31	Giỏi	Khá	6,000,000	
58	15075321	Huỳnh Thị Yến	Nhi	DHQT11D	16	3.31	Giỏi	Khá	4,375,000	
59	15010711	Đỗ Minh	Quân	DHQT11ATT	17	3.31	Giỏi	Khá	6,000,000	
60	15103951	Lê Ngọc	Quỳnh	DHQT11FTT	13	3.31	Giỏi	Khá	6,000,000	
61	15108461	Phan Anh	Tiến	DHQT11ETT	13	3.31	Giỏi	Khá	6,000,000	
62	15090861	Thái Thị Thúy	Uyên	DHQT11ETT	16	3.31	Giỏi	Khá	6,000,000	
63	15012921	Lê Thị Thúy	Vy	DHQT11ATT	13	3.31	Giỏi	Khá	6,000,000	
64	15108001	Nguyễn Việt	Dũng	DHQT11ITT	13	3.3	Giỏi	Khá	6,000,000	
65	15107571	Trần Trương Hoàng	Trúc	DHQT11ITT	22	3.29	Giỏi	Khá	6,000,000	
66	15014311	Nguyễn Quốc	Cường	DHQT11BTT	13	3.28	Giỏi	Khá	6,000,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
67	15106111	Nguyễn Đức	Ngữ	DHQT11HTT	13	3.28	Giỏi	Khá	6,000,000	
68	15012081	Nguyễn Văn Thanh	Bình	DHQT11BTT	13	3.27	Giỏi	Khá	3,600,000	
69	15015631	Lưu Nhân	Đức	DHQT11BTT	13	3.27	Giỏi	Khá	3,600,000	
70	15087251	Huỳnh Thị Phương	Duyên	DHQT11DTT	13	3.27	Giỏi	Khá	3,600,000	
71	15102571	Đặng Thái	Hoàng	DHQT11FTT	13	3.27	Giỏi	Khá	3,600,000	
72	15035051	Lê Thị Kel	Ny	DHQT11BTT	13	3.27	Giỏi	Khá	3,600,000	
73	15106891	Huỳnh Diễm Phương	Uyên	DHQT11HTT	13	3.27	Giỏi	Khá	3,600,000	
74	15011041	Phạm Thị Mỹ	Hậu	DHQT11ATT	19	3.26	Giỏi	Khá	3,600,000	
75	15016681	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	DHQT11BTT	19	3.26	Giỏi	Khá	3,600,000	
76	15108191	Nguyễn Văn Bình	An	DHQT11FTT	16	3.25	Giỏi	Khá	3,600,000	
77	15103501	Phan Đình	Thắng	DHQT11FTT	16	3.25	Giỏi	Khá	3,600,000	
78	15103771	Nguyễn Phạm Hoàng	Ân	DHQT11GTT	13	3.23	Giỏi	Khá	3,600,000	
79	15104671	Lê Kim	Anh	DHQT11GTT	13	3.23	Giỏi	Khá	3,600,000	
80	15036771	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	DHQT11A	19	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
81	15040251	Vũ Thị Kim	Thoa	DHQT11B	22	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
82	15010061	Võ Bạch	Mai	DHQT11ATT	16	3.22	Giỏi	Khá	3,600,000	
83	15076821	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	DHQT11D	16	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
84	15060311	Cao Thị Hồng	Phúc	DHQT11D	16	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
85	16032331	Nguyễn Thị Hồng	Dung	DHQT12D	21	3.59	Giỏi	Khá	6,125,000	
86	16056761	Phan Mỹ	Duyên	DHQT12ETT	18	3.58	Giỏi	Khá	8,400,000	
87	16059981	Nguyễn Thị Kiều	Hạnh	DHQT12ETT	18	3.58	Giỏi	Khá	8,400,000	
88	16049201	Nguyễn Thanh	Trà	DHQT12E	23	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
89	16059241	Đặng Thị Bích	Trâm	DHQT12F	15	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
90	16035441	Ngô Thị Bích	Vy	DHMK12A	18	3.58	Giỏi	Khá	6,125,000	
91	16008071	Trần Thị Trà	Mỹ	DHQT12A	20	3.57	Giỏi	Khá	6,125,000	
92	16035491	Đỗ Quỳnh	Như	DHQT12BTT	18	3.57	Giỏi	Khá	8,400,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
93	16015441	Phạm Thị	Thương	DHQT12ATT	18	3.57	Giỏi	Khá	8,400,000	
94	16025511	Nguyễn Thị Thu	Hà	DHQT12D	15	3.56	Giỏi	Xuất sắc	4,375,000	
95	16048471	Nguyễn Thị Thu	Thùy	DHQT12E	23	3.56	Giỏi	Khá	4,375,000	
96	16036861	Trần Thị Bích	Thu	DHQT12BTT	18	3.55	Giỏi	Khá	6,000,000	
97	16049621	Lê Thị Mỹ	Đông	DHMK12A	21	3.54	Giỏi	Khá	4,375,000	
98	16016851	Phan Thị Diệu	Hạnh	DHMK12A	21	3.54	Giỏi	Xuất sắc	4,375,000	
99	16023201	Nguyễn Phan Kiều	My	DHQT12BTT	21	3.54	Giỏi	Khá	6,000,000	
100	16019351	Võ Ngọc Thanh	Nhi	DHQT12B	21	3.54	Giỏi	Khá	4,375,000	
101	16050251	Bùi Thị Trường	Viên	DHQT12E	23	3.53	Giỏi	Khá	4,375,000	
102	16037521	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	DHQT12BTT	18	3.52	Giỏi	Khá	6,000,000	
103	16019931	Trần Thị Mỹ	Phuong	DHQT12B	15	3.52	Giỏi	Tốt	4,375,000	
104	16028661	Huỳnh Lê Khánh	Vân	DHQT12B	15	3.52	Giỏi	Khá	4,375,000	
105	16040231	Nguyễn Kim Hồng	Anh	DHQT12D	21	3.5	Giỏi	Khá	4,375,000	
106	16055821	Phan Thị Hà	My	DHQT12ETT	18	3.5	Giỏi	Khá	6,000,000	
107	16054441	Nguyễn Thị Thảo	Trinh	DHMK12A	21	3.5	Giỏi	Khá	4,375,000	
108	16011431	Bùi Thị Thùy	Dung	DHQT12A	21	3.49	Giỏi	Tốt	4,375,000	
109	16040041	Trần Thanh Thúy	Hằng	DHQT12D	22	3.49	Giỏi	Khá	4,375,000	
110	16021461	Đàm Quang	Huy	DHMK12A	21	3.49	Giỏi	Xuất sắc	4,375,000	
111	16057071	Ngô Mỹ	Linh	DHQT12DTT	21	3.49	Giỏi	Khá	6,000,000	
112	16012591	Phạm Hồng	Đào	DHQT12A	20	3.48	Giỏi	Khá	4,375,000	
113	16025881	Đỗ Thị Kim	Dung	DHMK12A	18	3.48	Giỏi	Khá	4,375,000	
114	16051341	Kiều Thị Thùy	Dung	DHQT12CTT	18	3.47	Giỏi	Khá	6,000,000	
115	16058531	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	DHQT12DTT	18	3.47	Giỏi	Khá	6,000,000	
116	16030311	Phan Thị Hồng	Thắm	DHQT12BTT	18	3.47	Giỏi	Khá	6,000,000	
117	16022331	Trần Thị Trang	Anh	DHMK12A	15	3.46	Giỏi	Khá	4,375,000	
118	16034101	Huỳnh Văn	Lưu	DHQT12C	21	3.46	Giỏi	Khá	4,375,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
119	16050361	Lê Thị Mỹ	Nhi	DHQT12F	19	3.45	Giỏi	Tốt	4,375,000	
120	16018411	Trần Thảo	Duyên	DHMK12A	24	3.44	Giỏi	Tốt	4,375,000	
121	16036511	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DHQT12BTT	21	3.44	Giỏi	Khá	6,000,000	
122	16020731	Nguyễn Thị Thúy	Vi	DHQT12B	21	3.44	Giỏi	Khá	4,375,000	
123	16040081	Phan Thị Thu	Ngân	DHQT12C	18	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
124	16026991	Vũ Thị Ngọc	Phụng	DHQT12FTT	18	3.43	Giỏi	Khá	6,000,000	
125	16056671	Nguyễn Thị	Thúy	DHQT12DTT	18	3.43	Giỏi	Khá	6,000,000	
126	16008011	Đặng Thị Hương	Trang	DHQT12ATT	18	3.43	Giỏi	Khá	6,000,000	
127	16052421	Trà Cẩm	Tú	DHMK12A	21	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
128	16014261	Đình Hoàn	Lộc	DHMK12A	15	3.42	Giỏi	Khá	2,625,000	
129	16042121	Lê Thị Kim	Ngân	DHQT12CTT	18	3.42	Giỏi	Khá	3,600,000	
130	16013311	Nguyễn Thị Kim	Oanh	DHQT12A	18	3.42	Giỏi	Khá	2,625,000	
131	16019541	Phạm Thị Mỹ	Dung	DHQT12B	21	3.41	Giỏi	Khá	2,625,000	
132	16029521	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	DHQT12D	21	3.41	Giỏi	Khá	2,625,000	
133	16047881	Nguyễn Thị Thuý	An	DHQT12F	21	3.4	Giỏi	Xuất sắc	2,625,000	
134	16043851	Phạm Kim	Bảo	DHQT12BTT	15	3.4	Giỏi	Khá	3,600,000	
135	16050671	Huỳnh Thị ánh	Tuyết	DHQT12F	20	3.39	Giỏi	Tốt	2,625,000	
136	16029081	Nguyễn Ngọc Lam	Điền	DHQT12BTT	18	3.38	Giỏi	Khá	3,600,000	
137	16029761	Nguyễn Vũ Bích	Huyền	DHQT12BTT	18	3.38	Giỏi	Khá	3,600,000	
138	16057981	Trần Yên	Nhi	DHQT12DTT	18	3.38	Giỏi	Khá	3,600,000	
139	16017681	Đông Thị	Ninh	DHQT12A	17	3.38	Giỏi	Khá	2,625,000	
140	16039721	Trần Thị Trang	Thanh	DHQT12CTT	18	3.38	Giỏi	Khá	3,600,000	
141	16038911	Nguyễn Thị Bảo	Trần	DHQT12BTT	18	3.38	Giỏi	Khá	3,600,000	
142	16036181	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	DHQT12CTT	18	3.38	Giỏi	Khá	3,600,000	
143	16024381	Đào Thị Tố	Uyên	DHQT12CTT	18	3.38	Giỏi	Khá	3,600,000	
144	16017041	Nguyễn Thị Hồng	Vân	DHQT12ATT	18	3.38	Giỏi	Khá	3,600,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
145	16016011	Nguyễn ánh	Vy	DHQT12CTT	18	3.38	Giỏi	Khá	3,600,000	
146	16026661	Đặng Xuân	Cường	DHQT12D	20	3.37	Giỏi	Khá	2,625,000	
147	16013101	Bùi Thanh	Huyền	DHQT12A	20	3.37	Giỏi	Khá	2,625,000	
148	16026781	Trần Thị Ngọc	Mai	DHQT12C	21	3.37	Giỏi	Khá	2,625,000	
149	16051761	Nguyễn Đình Tấn	Trọng	DHQT12E	21	3.37	Giỏi	Khá	2,625,000	
150	16014821	Nguyễn Thanh	Danh	DHMK12A	15	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
151	16033761	Nguyễn Thị Thúy	Nga	DHQT12E	21	3.36	Giỏi	Khá	2,625,000	
152	16036041	Phạm Thị Thanh	Quy	DHQT12E	21	3.36	Giỏi	Tốt	2,625,000	
153	16073051	Khâu Duy	Linh	DHQT12FTT	18	3.35	Giỏi	Khá	3,600,000	
154	16012421	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	DHQT12ATT	18	3.35	Giỏi	Khá	3,600,000	
155	16045531	Nguyễn Thị Kim	Tiền	DHMK12A	18	3.35	Giỏi	Tốt	2,625,000	
156	16043711	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DHMK12A	24	3.35	Giỏi	Khá	2,625,000	
157	16069801	Võ Thị Phương	Thào	DHMK12A	18	3.35	Giỏi	Khá	2,625,000	
158	16057111	Nguyễn Thị Minh	Châu	DHQT12ETT	18	3.33	Giỏi	Khá	3,600,000	
159	16057031	Nguyễn Hồng	Danh	DHQT12ETT	18	3.33	Giỏi	Khá	3,600,000	
160	16014631	Tô Thị Bảo	Hân	DHQT12A	21	3.33	Giỏi	Tốt	2,625,000	
161	16060091	Nguyễn Phạm Hạnh	Huyền	DHQT12F	18	3.33	Giỏi	Tốt	2,625,000	
162	16015911	Nguyễn Thị Nhật	Linh	DHQT12A	24	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
163	16056911	Trần Lê Cẩm	Ly	DHQT12ETT	18	3.33	Giỏi	Khá	3,600,000	
164	16060431	Nguyễn Hữu	Lý	DHQT12ETT	18	3.33	Giỏi	Khá	3,600,000	
165	16025471	Nguyễn Hữu Bảo	Ngân	DHMK12A	21	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
166	16019501	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	DHQT12B	21	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
167	16069051	Lê Thị Phương	Nhung	DHMK12A	24	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
168	16041021	Mai Lê Thúy	Quỳnh	DHQT12E	21	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
169	16056091	Phạm Thị Phương	Thào	DHQT12ETT	18	3.33	Giỏi	Khá	3,600,000	
170	16036381	Đặng Thị Bích	Triêm	DHQT12BTT	18	3.33	Giỏi	Khá	3,600,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
171	16068531	Đinh Thị Thúy	Vân	DHMK12A	18	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
172	16032781	Nguyễn Thị Bình	Yên	DHQT12E	24	3.33	Giỏi	Khá	2,625,000	
173	16036251	Trần Văn	Thịnh	DHQT12C	15	3.32	Giỏi	Khá	2,625,000	
174	16041381	Ngô Thị Kim	Chung	DHQT12D	21	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
175	16019551	Phạm Thị Ngọc	Diễm	DHQT12B	18	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
176	16039661	Trần Bảo	Hằng	DHQT12BTT	18	3.3	Giỏi	Tốt	3,600,000	
177	16013451	Trần Thu	Hồng	DHQT12A	18	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
178	16024211	Phạm Vinh	Huy	DHQT12D	18	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
179	16056181	Nguyễn Thị Mỹ	Kiều	DHQT12DTT	18	3.3	Giỏi	Khá	3,600,000	
180	16028601	Lê Thị Thu	Mỹ	DHQT12C	18	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
181	16052161	Lê Thị Thúy	Ngân	DHQT12DTT	23	3.3	Giỏi	Khá	3,600,000	
182	16012671	Đào Minh	Trung	DHQT12A	21	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
183	16028251	Nguyễn Văn	Trung	DHQT12B	25	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
184	16026491	Trần Thanh	Tuyền	DHQT12B	18	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
185	16027581	Lâm Tuyết	Vân	DHQT12CTT	18	3.3	Giỏi	Khá	3,600,000	
186	16033911	Võ Yên	Vy	DHQT12CTT	18	3.3	Giỏi	Khá	3,600,000	
187	16030011	Lư Trần Thùy	Linh	DHQT12F	17	3.29	Giỏi	Tốt	2,625,000	
188	16017031	Trần Thị Thùy	Trang	DHQT12A	21	3.29	Giỏi	Khá	2,625,000	
189	16043001	Trương Thị Hồng	Vui	DHQT12F	20	3.28	Giỏi	Tốt	2,625,000	
190	16016411	Nguyễn Hoàng Ngọc	Anh	DHQT12ATT	18	3.27	Giỏi	Khá	3,600,000	
191	16029811	Đặng Hoàng Bảo	Châu	DHQT12ATT	20	3.27	Giỏi	Khá	3,600,000	
192	16078611	Đinh Thế	Cường	DHQT12E	18	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
193	16046781	Trần Hoàng	Phước	DHQT12DTT	18	3.27	Giỏi	Khá	3,600,000	
194	16046841	Đinh Hữu	Đệ	DHQT12A	21	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
195	16019891	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	DHQT12B	21	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
196	16019061	Trần Thị Mỹ	Linh	DHMK12A	15	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
197	16031251	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	DHQT12C	15	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
198	16013991	Nguyễn Hoàng Mai	Ly	DHQT12A	15	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
199	16074301	Nguyễn Thị Thúy	Nga	DHQT12D	15	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
200	16036991	Phạm Thị Thanh	Bình	DHQT12CTT	18	3.25	Giỏi	Khá	3,600,000	
201	16021061	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	DHMK12A	18	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
202	16018931	Âu Thái	Quyên	DHQT12B	18	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
203	16068091	Nguyễn Thanh	Sang	DHQT12B	22	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
204	16027221	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	DHQT12CTT	18	3.25	Giỏi	Khá	3,600,000	
205	16012781	Lâm Thụy Phương	Duyên	DHQT12ATT	18	3.23	Giỏi	Khá	3,600,000	
206	16052121	Dương Thị Thu	Hà	DHMK12A	17	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
207	16021081	Trần Lương Mỹ	Nhàn	DHQT12B	21	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
208	16008661	Võ Minh	Phú	DHQT12A	24	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
209	16011391	Nguyễn Thụy Trúc	Quỳnh	DHQT12A	24	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
210	16017101	Châu Ngọc Bảo	Trâm	DHQT12A	21	3.23	Giỏi	Tốt	2,625,000	
211	16059031	Đặng Thị Thu	Trang	DHQT12E	24	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
212	16047301	Vũ Thị Lan	Anh	DHQT12CTT	18	3.22	Giỏi	Khá	3,600,000	
213	16053761	Phạm Thị Kiều	Chinh	DHQT12ETT	18	3.22	Giỏi	Khá	3,600,000	
214	16021071	Mai Thị Thùy	Dung	DHQT12B	18	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
215	16051571	Dương Thị Mỹ	Dung	DHQT12F	25	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
216	16065111	Bùi Thị Thu	Hằng	DHQT12F	18	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
217	16052541	Lê Thị	Hiền	DHQT12F	18	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
218	16059561	Âu Tuyết	Hoài	DHQT12ETT	18	3.22	Giỏi	Khá	3,600,000	
219	16054381	Nguyễn Trọng	Phi	DHQT12F	18	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
220	16060671	Hoàng Thị	Thắm	DHQT12ETT	18	3.22	Giỏi	Khá	3,600,000	
221	16038551	Mai Thị Phương	Yến	DHQT12F	18	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
222	16023841	Nguyễn Thị Lan	Anh	DHQT12D	21	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
223	16051261	Lê Thị	Thương	DHMK12A	21	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
224	16050901	Đặng Thị Mỹ	Duyên	DHQT12DTT	24	3.2	Giỏi	Khá	3,600,000	
225	16017811	Đỗ Thị	Hương	DHQT12A	21	3.2	Giỏi	Xuất sắc	2,625,000	
226	16047291	Phan Hà	Phương	DHQT12F	20	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
227	16026561	Võ Thị Huyền	Trân	DHQT12C	15	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
228	16015241	Nguyễn Huỳnh Thiên	Trang	DHQT12A	15	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
229	17095091	Phạm Thị Vân	Anh	DHMK13D	20	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
230	17014181	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	DHMK13A	17	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
231	17010941	Đinh Hồng ánh	Ngân	DHQT13D	17	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
232	17038891	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	DHQT13C	17	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
233	17090421	Bùi Thị Bích	Trang	DHQT13G	19	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
234	17056401	Đặng Thị Thúy	Nga	DHQT13E	20	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
235	17013721	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	DHQT13A	19	3.49	Giỏi	Khá	6,125,000	
236	17050481	Nguyễn Thanh	Lam	DHQT13D	22	3.49	Giỏi	Khá	6,125,000	
237	17072881	Dương Kim	Phượng	DHQT13E	17	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
238	17092911	Trương Thị Kiều	Anh	DHMK13D	20	3.45	Giỏi	Khá	6,125,000	
239	17041911	Lê Hoàng Yến	Nhi	DHQT13ATT	21	3.45	Giỏi	Khá	9,800,000	
240	17066701	Nguyễn Thị	Hương	DHMK13B	19	3.42	Giỏi	Khá	6,125,000	
241	17043241	Lê Thị Thảo	Ngân	DHQT13C	22	3.42	Giỏi	Khá	6,125,000	
242	17086451	Nguyễn Thị Chung	Trà	DHQT13G	17	3.4	Giỏi	Khá	6,125,000	
243	17088991	Nguyễn Hoài Xuân	Hòa	DHMK13D	20	3.39	Giỏi	Khá	6,125,000	
244	17107071	Phan Hoàng	Khánh	DHQT13F	23	3.39	Giỏi	Xuất sắc	6,125,000	
245	17069611	Nguyễn Phước	Sang	DHQT13D	20	3.39	Giỏi	Khá	6,125,000	
246	17066031	Nguyễn Quỳnh	Giang	DHMK13B	20	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
247	17031191	Lê Minh	Hiền	DHQT13B	23	3.36	Giỏi	Khá	6,125,000	
248	17046361	Bùi Thị	Huế	DHMK13A	17	3.35	Giỏi	Xuất sắc	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
249	17107861	Đoàn Thị Kim	Ngân	DHMK13F	22	3.35	Giỏi	Tốt	6,125,000	
250	17021871	Lê Thị Thục	Quyên	DHQT13A	19	3.35	Giỏi	Khá	6,125,000	
251	17057381	Dương Thị Hồng	Trang	DHMK13B	17	3.34	Giỏi	Khá	6,125,000	
252	17040041	Nguyễn Thị Kim	Ngân	DHQT13C	22	3.32	Giỏi	Khá	6,125,000	
253	17053151	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	DHQT13D	19	3.29	Giỏi	Khá	6,125,000	
254	17102481	Nguyễn Thị Ngọc	Như	DHQT13H	20	3.29	Giỏi	Khá	6,125,000	
255	17087091	Trần Công	Đoàn	DHQT13F	23	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
256	17032351	Lê Trần Bảo	Hân	DHQT13B	23	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
257	17084941	Huỳnh Thị Kim	Loan	DHQT13F	20	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
258	17030151	Nguyễn Thị ánh	Nhi	DHQT13B	23	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
259	17022641	Nguyễn Thị	Tâm	DHQT13A	17	3.27	Giỏi	Khá	6,125,000	
260	17026221	Phạm Nhật	ánh	DHMK13A	19	3.26	Giỏi	Tốt	6,125,000	
261	17054401	Trương Từ	Nguyên	DHQT13D	19	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
262	17035241	Phan Kim	Tuyền	DHMK13A	17	3.26	Giỏi	Tốt	6,125,000	
263	17087881	Lê Thị Thanh	Tuyền	DHMK13E	19	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
264	17083011	Nguyễn Thị Bích	Liên	DHMK13C	22	3.25	Giỏi	Khá	6,125,000	
265	17036671	Lâm Nguyễn Yến	Nhi	DHQT13C	20	3.23	Giỏi	Khá	6,125,000	
266	17067701	Lê Thị Như	ý	DHMK13TT	27	3.23	Giỏi	Khá	9,800,000	
267	17107011	Đinh Thị Thùy	Linh	DHQT13G	20	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
268	17073311	Đoàn Thị	Nga	DHQT13E	20	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
269	17062371	Lê Thị	Nhung	DHQT13D	23	3.22	Giỏi	Tốt	6,125,000	
270	17019571	Đỗ Thị Hồng	Vân	DHQT13A	20	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
271	17103261	Nguyễn Thị Tường	Vy	DHQT13H	22	3.22	Giỏi	Tốt	6,125,000	
272	17102541	Trương Hải	Đặng	DHQT13H	19	3.21	Giỏi	Khá	6,125,000	
273	17052721	Nguyễn Bảo	Hân	DHQT13ATT	21	3.21	Giỏi	Khá	9,800,000	
274	17056731	Nguyễn Duy	Khang	DHQT13D	17	3.21	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
275	17084491	Nguyễn Vĩnh	Khang	DHQT13F	17	3.21	Giỏi	Khá	6,125,000	
276	17108851	Đinh Thị Diễm	Trinh	DHMK13C	16	3.21	Giỏi	Khá	6,125,000	
277	17064721	Diệp Thị Kim	Tuyền	DHMK13B	17	3.21	Giỏi	Khá	6,125,000	
278	17101381	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	DHQT13H	20	3.2	Giỏi	Khá	6,125,000	
279	17089041	Lê Thị Hòa	Mi	DHMK13D	20	3.2	Giỏi	Khá	6,125,000	
280	17093241	Trương Hoài Yên	Nhi	DHQT13G	20	3.2	Giỏi	Khá	6,125,000	
281	17042601	Nguyễn Tấn	Thành	DHQT13C	20	3.2	Giỏi	Khá	6,125,000	
XV. KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG									497,900,000	
1	15057351	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	DHTN11C	15	3.51	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	15070981	Nguyễn Thị Thu	Huyền	DHTD11D	17	3.45	Giỏi	Khá	6,125,000	
3	15036511	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	DHTD11A	17	3.43	Giỏi	Khá	6,125,000	
4	15067141	Đặng Thị Kim	Huệ	DHTN11A	17	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	
5	15103751	Lê Nguyễn Quý	Bình	DHTN11DTT	16	3.39	Giỏi	Khá	8,400,000	
6	15069071	Nguyễn Duy	An	DHTD11B	16	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	
7	15079691	Hoàng Thị Huệ	Trinh	DHTD11D	19	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
8	15076891	Nguyễn Thị Thanh	Lợi	DHTN11B	17	3.32	Giỏi	Khá	6,125,000	
9	15064921	Bùi Thị út	Thương	DHTN11D	17	3.32	Giỏi	Khá	6,125,000	
10	15038261	Lê Hạnh	Nhân	DHTN11D	16	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
11	15073481	Đặng Nhật	Khanh	DHTN11B	15	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
12	16073891	Trần Thị Thu	Nguyên	DHTN12CTT	21	3.56	Giỏi	Khá	8,400,000	
13	16055191	Nguyễn Thị Hạnh	Dung	DHTN12BTT	21	3.55	Giỏi	Khá	8,400,000	
14	16042831	Nguyễn Thủy Minh	Thảo	DHTD12B	20	3.55	Giỏi	Khá	6,125,000	
15	16035651	Trương Nguyễn Thái	Bảo	DHTD12B	21	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
16	16011851	Nguyễn Thị Hồng	Mi	DHTN12A	19	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
17	16022301	Vũ Thị Như	Lan	DHTN12A	22	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	
18	16015391	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	DHTD12A	23	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
19	16030411	Đoàn Minh	Hiếu	DHTD12A	17	3.51	Giỏi	Khá	6,125,000	
20	16073361	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	DHTN12A	18	3.51	Giỏi	Khá	6,125,000	
21	16017051	Trần Thị Nguyệt	ánh	DHTD12A	22	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
22	16077161	Lê Thị Hoài	Thu	DHTD12A	20	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
23	16024301	Tạ Thị Thanh	Phuong	DHTD12A	17	3.49	Giỏi	Khá	6,125,000	
24	16064231	Trịnh Thị Ngọc	ánh	DHTD12C	20	3.48	Giỏi	Khá	4,375,000	
25	16037771	Đỗ Văn	Dân	DHTN12B	22	3.48	Giỏi	Khá	4,375,000	
26	16040271	Mai Đức	Toàn	DHTN12A	16	3.47	Giỏi	Khá	4,375,000	
27	16058301	Nguyễn Thị Hiếu	Băng	DHTN12BTT	24	3.46	Giỏi	Khá	6,000,000	
28	16064221	Lưu Ngọc	Trâm	DHTD12C	17	3.46	Giỏi	Khá	4,375,000	
29	16048361	Nguyễn Thị Diễm	My	DHTN12BTT	21	3.45	Giỏi	Khá	6,000,000	
30	16037411	Võ Thị Thanh	Huyền	DHTD12B	18	3.44	Giỏi	Khá	4,375,000	
31	16015821	Trà Kim	Linh	DHTD12A	23	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
32	16015851	Phan Ngọc Tuyết	Mai	DHTD12A	23	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
33	16031961	Nguyễn Xuân	Trúc	DHTN12A	21	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
34	16048031	Đặng Xuân	Trúc	DHTN12B	21	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
35	16040721	Nguyễn Song Thùy	Dung	DHTN12B	19	3.39	Giỏi	Khá	4,375,000	
36	16067751	Phan Thị Ngọc	Diệp	DHTD12C	19	3.37	Giỏi	Khá	4,375,000	
37	16030521	Huỳnh Thị Thu	Mai	DHTD12B	22	3.36	Giỏi	Khá	4,375,000	
38	16015101	Trần Thị Giao	My	DHTD12A	23	3.34	Giỏi	Khá	4,375,000	
39	16023991	Võ Thị Kim	Thoa	DHTN12A	21	3.34	Giỏi	Khá	4,375,000	
40	16012801	Nguyễn Trần Kim	Yến	DHTD12A	19	3.34	Giỏi	Khá	4,375,000	
41	16009921	Trần Như	Thảo	DHTN12A	19	3.32	Giỏi	Khá	4,375,000	
42	16062821	Ngô Thị Tuyết	Mai	DHTN12B	22	3.31	Giỏi	Khá	4,375,000	
43	16051621	Nguyễn Thị Kim	Vân	DHTN12BTT	21	3.31	Giỏi	Tốt	6,000,000	
44	16033301	Trần Minh	Văn	DHTD12B	19	3.3	Giỏi	Xuất sắc	4,375,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
45	16034241	Hồ Thị Mỹ	Hào	DHTN12B	20	3.29	Giỏi	Khá	4,375,000	
46	16035081	Nguyễn Thị Thúy	An	DHTD12C	16	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
47	16032841	Lê Thị Thanh	Hiền	DHTN12B	19	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
48	16015141	Phan Văn	Khánh	DHTD12A	18	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
49	16021991	Dương Thị Ngọc	Mai	DHTD12A	19	3.28	Giỏi	Tốt	2,625,000	
50	16021161	Vũ Hồng	Ngân	DHTN12A	27	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
51	16063191	Nguyễn Thị Bích	Thùy	DHTD12C	17	3.28	Giỏi	Khá	2,625,000	
52	16023611	Vũ Thị Kim	Chi	DHTD12B	19	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
53	16019281	Nguyễn Thị Thanh	Thị	DHTD12A	15	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
54	16046331	Võ Thị Thu	Văn	DHTD12B	22	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
55	16056131	Nguyễn Đại	Lâm	DHTN12BTT	21	3.26	Giỏi	Tốt	3,600,000	
56	16015411	Nguyễn Trần Khánh	Linh	DHTD12A	19	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
57	16057881	Võ Thị Ngọc	Thơ	DHTN12CTT	21	3.26	Giỏi	Khá	3,600,000	
58	16037671	Lê Ngọc Huyền	My	DHTN12A	16	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
59	16042791	Nguyễn Hồng Hoài	Giang	DHTN12BTT	21	3.24	Giỏi	Tốt	3,600,000	
60	16043291	Thái Vân	Linh	DHTN12ATT	21	3.24	Giỏi	Khá	3,600,000	
61	16065731	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DHTD12C	17	3.24	Giỏi	Khá	2,625,000	
62	16015351	Nguyễn Trương Thiên	Nhi	DHTD12A	15	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
63	16078391	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	DHTN12B	18	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
64	16012241	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	DHTN12A	22	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
65	16062521	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	DHTD12C	19	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
66	16041221	Võ Nhật	Linh	DHTN12B	24	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
67	16037331	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	DHTN12B	15	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
68	17105001	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	DHTD13B	17	3.59	Giỏi	Khá	6,125,000	
69	17059441	Trần Trung	Thành	DHTD13A	19	3.59	Giỏi	Xuất sắc	6,125,000	
70	17063041	Lê Thị Thanh	Thảo	DHTN13D	19	3.52	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
71	17065771	Hoàng Thị Mỹ	Trinh	DHTN13C	17	3.52	Giỏi	Tốt	6,125,000	
72	17105111	Trần Hoàng Lan	Vy	DHTN13H	19	3.49	Giỏi	Khá	6,125,000	
73	17102881	Nguyễn Thị Hoài	Thu	DHTN13H	19	3.48	Giỏi	Khá	6,125,000	
74	17104061	Phan Thị Hồng	Tím	DHTN13G	19	3.47	Giỏi	Khá	6,125,000	
75	17092641	Phan Thị Trúc	Liên	DHTD13C	16	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
76	17090651	Nguyễn Thị Tường	Vy	DHTD13C	16	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
77	17024181	Phạm Huy	Hùng	DHTN13A	16	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
78	17049251	Lê Thị Thanh	Thùy	DHTD13A	17	3.44	Giỏi	Tốt	6,125,000	
79	17089241	Hồ Thị Phương	Dung	DHTD13B	17	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	
80	17083031	Nguyễn thị Lan	Trưởng	DHTN13E	16	3.4	Giỏi	Khá	6,125,000	
81	17045221	Nguyễn Thùy	Linh	DHTN13B	19	3.39	Giỏi	Khá	6,125,000	
82	17038481	Trần Thị Thu	Vân	DHTD13A	19	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	
83	17079981	Dương thị Huyền	Trang	DHTD13B	18	3.36	Giỏi	Tốt	6,125,000	
84	17097121	Lê Thị Minh	Thư	DHTD13B	17	3.35	Giỏi	Khá	6,125,000	
85	17030861	Lê Thị ái	Vi	DHTN13BTT	23	3.33	Giỏi	Khá	9,800,000	
86	17108481	Lê Thị Thu	Nhường	DHTN13F	19	3.32	Giỏi	Khá	6,125,000	
87	17083371	Châu Thị Kim	Ngân	DHTN13E	19	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
88	17061661	Lê Thị Thu	Hằng	DHTN13D	19	3.29	Giỏi	Tốt	6,125,000	
89	17016381	Trần Nguyễn Minh	Tâm	DHTD13A	19	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
90	17081431	Bùi Nguyễn Cẩm	Thảo	DHTD13B	17	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
91	17104481	Nguyễn Thị Thu	Trà	DHTD13C	17	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
92	17096021	Hà Thị Thanh	Thương	DHTN13H	19	3.24	Giỏi	Khá	6,125,000	
93	17090311	Phạm Thị Việt	Trinh	DHTD13C	22	3.23	Giỏi	Khá	6,125,000	
94	17076781	Đỗ Thị	Thom	DHTN13D	20	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
95	17086991	Ngô Trần Ngọc	Hoa	DHTN13F	19	3.21	Giỏi	Khá	6,125,000	
96	17017451	Nguyễn Thị	Lý	DHTN13A	19	3.21	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
97	17105611	Hồ Thị	Soàn	DHTD13C	16	3.21	Giỏi	Khá	6,125,000	
XVI. KHOA THƯƠNG MẠI DU LỊCH									461,475,000	
1	15066631	Nguyễn Quý	Nhất	DHTMDT11B	16	3.42	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	15090881	Nguyễn Thị	Thúy	DHTMDT11C	16	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
3	15076421	Nguyễn Cao	Bằng	DHTMDT11B	17	3.21	Giỏi	Khá	6,125,000	
4	16024791	Nguyễn Thị Kim	Hằng	DHKQ12A	16	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
5	16040171	Trần Thị Thùy	Trang	DHKQ12A	16	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
6	16032971	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	DHNS12A	16	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
7	16035161	Lê Thị	Linh	DHKQ12A	20	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
8	16044181	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	DHKS12A	17	3.44	Giỏi	Khá	6,125,000	
9	16048901	Nguyễn Ngọc Thanh	Tâm	DHKQ12A	17	3.42	Giỏi	Khá	6,125,000	
10	16018681	Dương Thị Cẩm	Thương	DHKQ12A	19	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
11	16025921	Phạm Lê Ngọc	Hà	DHTMDT12A	21	3.35	Giỏi	Khá	6,125,000	
12	16020611	Hà Dĩ	Luân	DHKQ12A	15	3.34	Giỏi	Khá	6,125,000	
13	16038321	Nguyễn Thị Kim	Thương	DHKS12A	20	3.32	Giỏi	Khá	6,125,000	
14	16038811	Ung Thị Mỹ	Diễm	DHKQ12A	16	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
15	16021681	Huỳnh Yên	Nhi	DHKQ12A	16	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
16	16015571	Đỗ Thị Thúy	Hiền	DHKQ12A	18	3.3	Giỏi	Khá	4,375,000	
17	16071531	Nguyễn Đăng Thanh	Xuân	DHKQ12B	22	3.3	Giỏi	Khá	4,375,000	
18	16022381	Lê Thị Ngọc	Trâm	DHTMDT12A	20	3.23	Giỏi	Khá	4,375,000	
19	16033341	Trà Thị Kim	Tuyền	DHKS12A	17	3.23	Giỏi	Khá	4,375,000	
20	16052621	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	DHNS12A	15	3.22	Giỏi	Khá	4,375,000	
21	16037311	Trần Thị Thu	Huyền	DHLH12A	20	3.22	Giỏi	Khá	4,375,000	
22	16013471	Lê Thị Diễm	Trúc	DHTMDT12A	21	3.2	Giỏi	Khá	4,375,000	
23	17009601	Nguyễn Thị Huỳnh	Ngân	DHKQ13A	17	3.55	Giỏi	Khá	6,125,000	
24	17054231	Nguyễn Thị Vân	Trinh	DHKS13A	16	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	
25	17026341	Huỳnh Ngọc Kim	Tuyền	DHKQ13A	15	3.53	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
26	17102761	Dương Thị Mỹ	Hà	DHKQ13F	21	3.48	Giỏi	Tốt	6,125,000	
27	17105121	Lê Thị Hồng	Ngọc	DHKQ13G	17	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
28	17038431	Võ Thị Như	Quỳnh	DHNNH13A	16	3.46	Giỏi	Khá	6,125,000	
29	17027441	Trần Thị Bảo	Trần	DHKQ13A	21	3.42	Giỏi	Khá	6,125,000	
30	17097411	Huỳnh Bảo	Ngọc	DHKQ13A	23	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	
31	17014471	Lê Hồng	Oanh	DHKQ13A	17	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	
32	17099351	Nguyễn Thị Kim	Phụng	DHKQ13F	20	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	
33	17104871	Võ Thu	Hiền	DHKQ13F	15	3.4	Giỏi	Khá	6,125,000	
34	17080901	Nguyễn Thị Cẩm	Vy	DHKQ13C	23	3.4	Giỏi	Khá	6,125,000	
35	17091681	Võ Thị	Điểm	DHKQ13E	18	3.39	Giỏi	Khá	6,125,000	
36	17072391	Trần Thị Diệu	Hiền	DHNNH13A	19	3.39	Giỏi	Khá	6,125,000	
37	17047701	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	DHKQ13B	17	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	
38	17019421	Trần Kim	Tuyết	DHKQ13A	18	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	
39	17073301	Nguyễn Thị Thu	Diễm	DHKQ13B	18	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
40	17101711	Vũ Thị	Hằng	DHKQ13F	15	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
41	17025851	Lê Thị Trà	My	DHKQ13A	17	3.36	Giỏi	Tốt	6,125,000	
42	17105751	Lê Thị Huyền	Trang	DHKQ13G	18	3.36	Giỏi	Khá	6,125,000	
43	17067281	Võ Hồ Quang	Vinh	DHLH13A	22	3.36	Giỏi	Tốt	6,125,000	
44	17092681	Trương Thị Mỹ	Duyên	DHKQ13E	16	3.34	Giỏi	Khá	6,125,000	
45	17040901	Nguyễn Thị	Mỹ	DHKQ13B	18	3.34	Giỏi	Khá	6,125,000	
46	17100981	Nguyễn Thị Lan	Anh	DHKQ13F	18	3.33	Giỏi	Khá	6,125,000	
47	17091731	Nguyễn Bảo	Trần	DHKQ13ATT	20	3.33	Giỏi	Khá	9,800,000	
48	17092261	Trần Thị Tuyết	Nhi	DHKQ13E	20	3.32	Giỏi	Khá	6,125,000	
49	17095231	Lê Thị	Hậu	DHKQ13G	20	3.31	Giỏi	Khá	6,125,000	
50	17012721	Lê Thị Minh	Huyền	DHKQ13A	21	3.3	Giỏi	Khá	6,125,000	
51	17081421	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	DHKQ13C	17	3.29	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
52	17025031	Hồ Thị Như	Mỹ	DHLH13A	17	3.29	Giỏi	Khá	6,125,000	
53	17097761	Ngô Thị Thảo	Vy	DHKQ13E	17	3.29	Giỏi	Khá	6,125,000	
54	17022131	Bùi Thị Ngọc	Bích	DHKQ13A	18	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
55	17105701	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	DHKQ13G	20	3.28	Giỏi	Tốt	6,125,000	
56	17101031	Nguyễn Thị	Mai	DHKQ13F	20	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
57	17096671	Nguyễn Tuệ	Thư	DHKQ13ATT	20	3.28	Giỏi	Khá	9,800,000	
58	17103251	Phạm Lê Trúc	Vy	DHKQ13B	18	3.28	Giỏi	Khá	6,125,000	
59	17038741	Trần Thị ánh	Nguyệt	DHKQ13A	17	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
60	17094161	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	DHKQ13D	15	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
61	17047531	Trần Thanh	Tuyền	DHKQ13A	17	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
62	17102931	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	DHKQ13F	20	3.25	Giỏi	Khá	6,125,000	
63	17037641	Nguyễn Vi Khánh	Linh	DHNH13A	16	3.25	Giỏi	Khá	6,125,000	
64	17012051	Lê Thị Y	Phụng	DHLH13A	16	3.25	Giỏi	Khá	6,125,000	
65	17082741	Phạm Thị Thu	Thảo	DHKQ13C	18	3.24	Giỏi	Khá	6,125,000	
66	17049431	Trần Đào Thu	Thanh	DHKQ13B	15	3.23	Giỏi	Khá	4,375,000	
67	17049341	Nguyễn Xuân	Trường	DHTMDT13A	23	3.23	Giỏi	Khá	4,375,000	
68	17051621	Nguyễn Thị Tường	Vy	DHLH13A	16	3.23	Giỏi	Khá	4,375,000	
69	17106741	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	DHKQ13G	18	3.22	Giỏi	Khá	4,375,000	
70	17090301	Nguyễn Thị Kim	Tiến	DHKQ13D	18	3.22	Giỏi	Khá	4,375,000	
71	17084171	Nguyễn Hoàng Tường	Vi	DHKQ13C	16	3.22	Giỏi	Khá	4,375,000	
72	17087651	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	DHKQ13D	17	3.21	Giỏi	Khá	4,375,000	
73	17056271	Nguyễn Thị ánh	Nhung	DHNH13A	17	3.21	Giỏi	Khá	4,375,000	
74	17094801	Lê Thị Phương	Thảo	DHKQ13E	17	3.21	Giỏi	Khá	4,375,000	
75	17059701	Nguyễn Ngọc	Tuyết	DHKQ13B	15	3.21	Giỏi	Khá	4,375,000	
76	17081581	Đặng Tú	Anh	DHKQ13C	20	3.2	Giỏi	Khá	4,375,000	
77	17049411	Nguyễn Thuý	Dung	DHKQ13B	20	3.2	Giỏi	Khá	4,375,000	

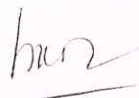
STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
78	17082161	Trần Thị	Hà	DHKQ13C	20	3.2	Giỏi	Khá	4,375,000	
79	17090081	Trịnh Ngọc	Sương	DHKQ13ATT	15	3.2	Giỏi	Khá	7,000,000	
80	17100881	Nguyễn Thị Thu	Thúy	DHKQ13A	20	3.2	Giỏi	Khá	4,375,000	
XVII. KHOA NGOẠI NGỮ									327,250,000	
1	15025671	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	DHAV11A	17	3.51	Giỏi	Khá	6,125,000	
2	15081831	Tô Tiểu	Tiểu	DHAV11B	17	3.51	Giỏi	Khá	6,125,000	
3	15075751	Trương Yến	Ngọc	DHAV11C	20	3.48	Giỏi	Khá	6,125,000	
4	15024171	Phan Thanh	Trúc	DHAV11A	20	3.42	Giỏi	Khá	6,125,000	
5	15087441	Nguyễn Thị Lan	Hương	DHAV11C	18	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	
6	15041001	Bùi Thị Lệ	Trâm	DHAV11B	16	3.41	Giỏi	Khá	6,125,000	
7	15020541	Hoàng Tuấn	Hải	DHAV11A	19	3.38	Giỏi	Khá	6,125,000	
8	15061861	Phạm Thị Khánh	Linh	DHAV11C	15	3.37	Giỏi	Khá	6,125,000	
9	15058041	Nguyễn Hoàng	Nhung	DHAV11C	17	3.35	Giỏi	Khá	6,125,000	
10	15071441	Nguyễn Thị Hồng	Loan	DHAV11C	18	3.34	Giỏi	Khá	6,125,000	
11	15069731	Trần Thị Kim	Ngọc	DHAV11C	17	3.33	Giỏi	Khá	6,125,000	
12	15091921	Đặng Thị Cẩm	Tú	DHAV11B	17	3.32	Giỏi	Khá	6,125,000	
13	15067641	Phạm Thị Bích	Phương	DHAV11B	15	3.27	Giỏi	Tốt	6,125,000	
14	15087371	Trần Lê Thuý	My	DHAV11C	17	3.24	Giỏi	Khá	6,125,000	
15	15082911	Nguyễn Thị Yến	Nhi	DHAV11C	17	3.23	Giỏi	Khá	4,375,000	
16	15013791	Tạ Thị Mỹ	Thanh	DHAV11A	17	3.21	Giỏi	Khá	4,375,000	
17	15076141	Nguyễn Quốc	Huy	DHAV11C	21	3.2	Giỏi	Khá	4,375,000	
18	15049021	Mai Hồng	Vân	DHAV11B	21	3.2	Giỏi	Khá	4,375,000	
19	16072411	Lê Đình	Đạt	DHAV12B	22	3.56	Giỏi	Khá	6,125,000	
20	16017201	Lưu Huệ	Mẫn	DHAV12A	18	3.56	Giỏi	Khá	6,125,000	
21	16036451	Trần Thị Ngọc	Anh	DHAV12B	16	3.51	Giỏi	Khá	6,125,000	
22	16014861	Hoàng Văn	Hiệp	DHAV12A	16	3.51	Giỏi	Khá	6,125,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XẾP LOẠI HỌC TẬP	XẾP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
23	16012111	Vũ Thị	Như	DHAV12A	18	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
24	16028691	Lê Diệp Phương	Uyên	DHAV12A	22	3.5	Giỏi	Khá	6,125,000	
25	16027741	Thái Tường	Vy	DHAV12A	18	3.48	Giỏi	Khá	6,125,000	
26	16033181	Nguyễn Thị Yến	Như	DHAV12B	15	3.47	Giỏi	Khá	6,125,000	
27	16017291	Tăng Thị Như	ý	DHAV12A	16	3.47	Giỏi	Khá	6,125,000	
28	16021101	Bùi Mai	Anh	DHAV12A	19	3.45	Giỏi	Khá	4,375,000	
29	16034141	Trần Thị Anh	Phương	DHAV12B	19	3.43	Giỏi	Khá	4,375,000	
30	16011691	Mai Thị Thùy	Linh	DHAV12A	19	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
31	16039841	Tôn Thát	Phước	DHAV12A	17	3.42	Giỏi	Khá	4,375,000	
32	16034801	Ng Wai	Yee	DHAV12A	17	3.41	Giỏi	Khá	4,375,000	
33	16034741	Nguyễn Trần Phương	Khanh	DHAV12B	21	3.39	Giỏi	Khá	4,375,000	
34	16011741	Võ Duy	Hào	DHAV12A	19	3.38	Giỏi	Khá	4,375,000	
35	16050941	Trần Thanh	Ngân	DHAV12B	18	3.37	Giỏi	Khá	4,375,000	
36	16050381	Nguyễn Thị Kim	Đáng	DHAV12B	16	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
37	16021911	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	DHAV12A	18	3.33	Giỏi	Khá	4,375,000	
38	16015541	Nguyễn Thanh	Mai	DHAV12A	19	3.32	Giỏi	Khá	4,375,000	
39	16018901	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	DHAV12A	18	3.31	Giỏi	Khá	2,625,000	
40	16032151	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	DHAV12B	16	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
41	16008411	Đặng Huỳnh Mỹ	Duyên	DHAV12A	19	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
42	16041431	Võ Thị Cẩm	Duyên	DHAV12B	21	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
43	16013541	Huỳnh Thị Thúy	Vy	DHAV12A	15	3.3	Giỏi	Khá	2,625,000	
44	16049771	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhiên	DHAV12B	21	3.29	Giỏi	Khá	2,625,000	
45	16065181	Lê Thị Minh	Thư	DHAV12B	17	3.29	Giỏi	Khá	2,625,000	
46	16018391	Đào Hoàng	Oanh	DHAV12A	19	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
47	16014211	Văn Nguyễn Minh	Tú	DHAV12A	23	3.27	Giỏi	Khá	2,625,000	
48	16032181	Nguyễn Thị	Liễu	DHAV12B	19	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	

STT	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	LỚP	STC	ĐHT	XEP LOẠI HỌC TẬP	XEP LOẠI RÈN LUYỆN	SỐ TIỀN	KÝ NHẬN
49	16033951	Nguyễn Thị Hồng	Linh	DHAV12B	23	3.26	Giỏi	Khá	2,625,000	
50	16022621	Nguyễn Như	Hạ	DHAV12A	16	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
51	16071421	Nguyễn Thị	Huế	DHAV12B	21	3.25	Giỏi	Khá	2,625,000	
52	16039341	Hồ Lê	Thiện	DHAV12A	19	3.23	Giỏi	Khá	2,625,000	
53	16033831	Trần Hàn Ngọc	Hải	DHAV12B	16	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
54	16024031	Lê Thị Ngân	Tuyền	DHAV12A	20	3.22	Giỏi	Khá	2,625,000	
55	16037731	Đặng Thị	Tâm	DHAV12A	19	3.21	Giỏi	Khá	2,625,000	
56	16037611	Phạm Duy	Phan	DHAV12B	27	3.2	Giỏi	Khá	2,625,000	
57	17052491	Trần Khánh	Nhật	DHAV13A	18	3.42	Giỏi	Khá	6,125,000	
58	17052301	Đặng Thị Mỹ	Châu	DHAV13B	17	3.36	Giỏi	Khá	6,125,000	
59	17043881	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân	DHAV13E	15	3.33	Giỏi	Khá	6,125,000	
60	17074461	Võ Thị	Hoa	DHAV13E	15	3.33	Giỏi	Khá	6,125,000	
61	17015241	Nguyễn Thiên Ngọc	Thào	DHAV13A	18	3.3	Giỏi	Khá	6,125,000	
62	17029421	Hồ Ngọc Tuyết	Trinh	DHAV13B	19	3.26	Giỏi	Khá	6,125,000	
63	17013141	Nguyễn Minh	Thiện	DHAV13A	15	3.23	Giỏi	Khá	6,125,000	
64	17049031	Trần Lam	Trường	DHAV13D	15	3.23	Giỏi	Khá	6,125,000	
65	17063481	Phạm Thị Thảo	Nguyên	DHAV13C	18	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
66	17009901	Lê Nguyễn Minh	Thư	DHAV13A	18	3.22	Giỏi	Khá	6,125,000	
67	17026141	Nguyễn Thị Gia	Linh	DHAV13C	22	3.2	Giỏi	Khá	6,125,000	
68	17012151	Bùi Hoàng	Thy	DHAV13A	18	3.2	Giỏi	Khá	6,125,000	
TỔNG CỘNG									7,186,808,400	

Số tiền bằng chữ: Bảy tỷ một trăm tám mươi sáu triệu tám trăm lẻ tám ngàn bốn trăm đồng

NGƯỜI LẬP BẢNG



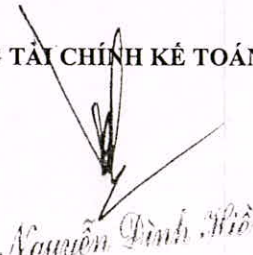
Bùi Thị Hải Hiền

PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Trung Nhân

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Trang 59



HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thiên Quý